



NGUYỄN THỊ LY KHA (Chủ biên)

NGUYỄN THÀNH NGỌC BẢO – TRỊNH CAM LY – NGUYỄN LƯƠNG HẢI NHƯ

PHẠM THỊ KIM OANH – BÙI THANH TRUYỀN – NGUYỄN THỊ XUÂN YẾN

TIẾNG VIỆT

Sách giáo viên



TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Các thầy cô giáo kính mến!

Sách giáo viên **Tiếng Việt 3** là tài liệu hướng dẫn giảng dạy kèm theo sách học sinh, vở bài tập, vở tập viết **Tiếng Việt 3** thuộc bộ sách **Chân trời sáng tạo**, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Sách được biên soạn với mục đích giới thiệu một phương án dạy học các bài trong sách học sinh **Tiếng Việt 3** theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn cấp Tiểu học.

Sách giáo viên **Tiếng Việt 3** gồm hai tập, trình bày phương án tổ chức hoạt động cho các nội dung dạy học, tương ứng với từng bài học trong hai tập sách học sinh. Để tăng tính chủ động cho các thầy cô trong giảng dạy, các bài hướng dẫn cụ thể được biên soạn theo hướng những thiết kế có tính gợi ý, nêu một vài phương án để thầy cô lựa chọn hoặc dựa vào đó để tổ chức các hoạt động phù hợp với thực tế lớp học. Bên cạnh đó, sách cũng chú giải thêm một số khái niệm từ góc độ Việt ngữ học và giáo dục ngôn ngữ cho người bản ngữ dưới dạng các lưu ý. Ngoài ra, sách cũng nêu một vài phương án đánh giá năng lực tiếng Việt của học sinh sử dụng tiếng Việt là ngôn ngữ thứ hai và học sinh có nhu cầu đặc biệt học hoà nhập dưới dạng các gợi ý thêm.

Ngoài những phần vừa nêu, ở đầu sách, tác giả còn trình bày một số vấn đề chung như *Quan điểm biên soạn*, *Những điểm mới của sách giáo khoa Tiếng Việt 3*. Trong sách còn có phần phụ lục giúp các thầy cô thuận lợi hơn khi giảng dạy và sử dụng sách với các nội dung: *Phân phối chương trình sách giáo khoa Tiếng Việt 3*, *Mẫu chữ viết hoa* và *quy trình hướng dẫn viết chữ hoa*.

Cùng với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, các tác giả đã nỗ lực để có được một tài liệu hướng dẫn giảng dạy môn Tiếng Việt cho học sinh lớp Ba khá thi, chất lượng, hiệu quả. Tuy vậy, cuốn sách chắc vẫn khó tránh khỏi thiếu sót. Các tác giả mong nhận được những góp ý quý báu từ các thầy cô để sách được hoàn thiện hơn trong những lần in sau.

Các tác giả

MỤC LỤC

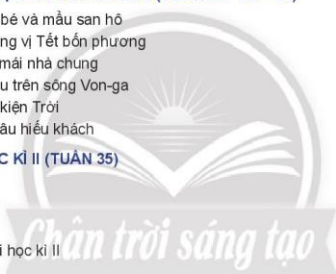
Phần một – HƯỚNG DẪN CHUNG

1. Phân phối chương trình sách <i>Tiếng Việt 3, tập hai</i>	6
2. Mẫu chữ viết hoa và quy trình hướng dẫn viết chữ hoa	17
3. Một vài gợi ý về kiểm tra, đánh giá học kì II	21

Phần hai – HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Chủ điểm 9	BÓN MÙA MỞ HỘI (TUẦN 19 – 20)	24
Bài 1	Chiếc áo của hoa đào	24
Bài 2	Đua ghe ngo	29
Bài 3	Rộn ràng hội xuân	33
Bài 4	Độc đáo lễ hội đèn Trung thu	38
Chủ điểm 10	NGHỆ SĨ TÍ HON (TUẦN 21 – 22)	43
Bài 1	Từ bản nhạc bị đánh rơi	44
Bài 2	Quăng cáo	49
Bài 3	Nghệ nhân Bát Tràng	53
Bài 4	Tiếng đàn	58
Chủ điểm 11	NIỀM VUI THỂ THAO (TUẦN 23 – 24)	63
Bài 1	Cuộc chạy đua trong rừng	63
Bài 2	Cô gái nhỏ hoá "kính ngư"	68
Bài 3	Chơi bóng với bố	72
Bài 4	Ngon lửa Ô-lim-pích	77
Chủ điểm 12	THIÊN NHIÊN KỈ THÚ (TUẦN 25 – 26)	81
Bài 1	Giọt sương	82
Bài 2	Những đám mây ngũ sắc	86
Bài 3	Chuyện hoa, chuyện quả	90
Bài 4	Mùa xuân đã về	95
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II (TUẦN 27)		100
Tiết 1		100
Tiết 2		102
Tiết 3		103
Tiết 4		104
Tiết 5		105

Tiết 6	106
Tiết 7	107
Chủ điểm 13 QUÊ HƯƠNG TƯƠI ĐẸP (TUẦN 28 – 29)	108
Bài 1 Năng phương Nam	108
Bài 2 Trái tim xanh	114
Bài 3 Vàm Cỏ Đồng	117
Bài 4 Cảnh làng Dạ	123
Chủ điểm 14 ĐẤT NƯỚC MẾN YÊU (TUẦN 30 – 31)	127
Bài 1 Hai Bà Trưng	127
Bài 2 Một điểm đến thú vị	132
Bài 3 Non xanh nước biếc	136
Bài 4 Mênh mông mùa nước nổi	141
Chủ điểm 15 MỘT MÁI NHÀ CHUNG (TUẦN 32 – 33 – 34)	146
Bài 1 Cậu bé và màu san hô	146
Bài 2 Hương vị Tết bốn phương	151
Bài 3 Một mái nhà chung	155
Bài 4 Đi tàu trên sông Vồn-ga	160
Bài 5 Cốc kiến Trời	165
Bài 6 Bỏ câu hiệu khách	169
ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II (TUẦN 35)	174
Tiết 1	174
Tiết 2	175
Tiết 3	176
Đánh giá cuối học kì II	177



*Phân
mọt*

HƯỚNG DẪN CHUNG

Ở phần *Hướng dẫn chung*, sách giáo viên (SGV) nêu những vấn đề có tính chất chung như *Quan điểm biên soạn, Những điểm mới của sách, Cấu trúc sách và các bài học, Tổ chức các hoạt động dạy học, Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá,...* trước khi trình bày các phương án dạy học cho từng bài cụ thể. Bên cạnh đó, để thuận tiện cho giáo viên (GV) khi sử dụng, sách cũng cung cấp một vài nội dung khác như *Nội dung chương trình môn Tiếng Việt lớp 3, Phân phối chương trình sách Tiếng Việt 3 tập một*. Các nội dung như vừa nêu đã được tác giả trình bày ở *tập một*. Vì vậy, phần *Hướng dẫn chung* ở SGV Tiếng Việt 3, tập hai gồm:

1. Phân phối chương trình sách *Tiếng Việt 3, tập hai*.
2. Mẫu chữ viết hoa và quy trình viết chữ hoa (các nhóm chữ ôn luyện ở học kì II)
3. Một vài gợi ý về kiểm tra, đánh giá học kì II

1. PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH SÁCH TIẾNG VIỆT 3, TẬP HAI

HỌC KÌ II			
Thứ tự	Chủ điểm	Tuần	Nội dung dạy học
11	BỐN MÙA MỞ HỘI	Tuần 19	Bài 1: Chiếc áo của hoa đào (4 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Chiếc áo của hoa đào</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i> , chia sẻ một truyện về lễ hội
			Viết Ôn viết chữ hoa V, H
			Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ <i>Lễ hội</i>
			Bài 2: Đua ghe ngo (3 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Đua ghe ngo</i> – Nói về lễ hội em biết
			Nói và nghe Nói về một nhân vật em thích dựa vào gợi ý

			Viết sáng tạo Nhận diện và tìm ý cho đoạn văn thuật lại một ngày hội đã chứng kiến
		Tuần 20	Bài 3: Rộn ràng hội xuân (4 tiết) Độc – Đọc <i>Rộn ràng hội xuân</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i>, chia sẻ một bài đọc về lễ hội Viết – Nghe – viết <i>Lễ hội hoa nước Ý</i> – Phân biệt s/ x – Phân biệt ch/ tr, dấu hỏi/ dấu ngã Luyện từ và câu – Câu khiến – Dấu chấm than Bài 4: Độc đáo lễ hội đèn Trung thu (3 tiết) Độc – Đọc <i>Độc đáo lễ hội đèn Trung thu</i> – Viết 1 – 2 câu văn hoặc sáng tác 2 – 4 dòng thơ ngắn về một loại đèn Trung thu mà em thích Nói và nghe Nghe – kể <i>Ông già mùa đông và cô bé tuyết</i> Viết sáng tạo Luyện tập viết đoạn văn thuật lại một ngày hội đã chứng kiến
12	NGHỆ SĨ TÍ HON	Tuần 21	Bài 1: Từ bản nhạc bị đánh rơi (4 tiết) Độc – Đọc <i>Từ bản nhạc bị đánh rơi</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i>, chia sẻ một bài thơ về một môn nghệ thuật hoặc một bài thơ thiếu nhi Viết Ôn viết chữ hoa O, Ô, O, Q

			Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ: <i>Nghệ thuật</i>; mở rộng câu <i>Để làm gì?</i> Bài 2: Quảng cáo (3 tiết) Độc – Đọc <i>Quảng cáo</i> – Đặt tên và nói 1 – 2 câu về tiết mục biểu diễn đã đặt tên Nói và nghe Nói về một nhân vật trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình Viết sáng tạo Nhận diện và tìm ý cho đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc với một nghệ sĩ hoặc một nhân vật trong phim hoạt hình
			Bài 3: Nghệ nhân Bát Tràng (4 tiết) Độc – Đọc <i>Nghệ nhân Bát Tràng</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i>, chia sẻ một bài văn về một môn nghệ thuật Viết – Nghe – viết <i>Sắc màu</i> – Phân biệt <i>iêu/yêu</i> – Phân biệt <i>l/n, ư/ơ</i>
	Tuần 22		Luyện từ và câu Luyện tập câu khiến Bài 4: Tiếng đàn (3 tiết) Độc – Đọc <i>Tiếng đàn</i> – Tìm từ ngữ miêu tả âm thanh Nói và nghe Nghe – kể <i>Thị nhạc</i> Viết sáng tạo Luyện tập viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc với một nghệ sĩ hoặc một nhân vật trong bộ phim hoạt hình

13	NIỀM VUI THỂ THAO	Tuần 23	Bài 1: Cuộc chạy đua trong rừng (4 tiết)
			Độc – Đọc <i>Cuộc chạy đua trong rừng</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i> , chia sẻ một truyện về thể thao
			Viết Ôn viết chữ hoa U, Ư
			Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ <i>Thể thao</i>
			Bài 2: Cô gái nhỏ hoá “kình ngư” (3 tiết)
		Tuần 24	Độc – Đọc <i>Cô gái nhỏ hoá “kình ngư”</i> – Đóng vai nói và đáp lời chúc mừng
			Nói và nghe Nói về một đồ vật dựa vào gợi ý
			Viết sáng tạo – Nhận diện và tìm ý cho đoạn văn thuật lại một trận thi đấu hoặc một buổi luyện tập thể thao
			Bài 3: Chơi bóng với bố (4 tiết)
			Độc – Đọc <i>Chơi bóng với bố</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i> , chia sẻ một bản tin thể thao
			Viết – Nghe – viết <i>Cùng vui chơi</i> – Phân biệt d/ gi – Phân biệt iu/ ưu, ân/ ăng
			Luyện từ và câu – Câu cảm – Dấu chấm than

14	THIÊN NHIÊN KÌ THỦ	Tuần 25	Bài 4: Ngọn lửa Ô-lim-pích (3 tiết) Độc – Đọc <i>Ngọn lửa Ô-lim-pích</i> – Đoán tên môn thể thao qua động tác, nói một vài câu về môn thể thao đã đoán được Nói và nghe <i>Độc – kể Cuộc chạy đua trong rừng</i> Viết sáng tạo Luyện tập viết đoạn văn thuật lại một trận thi đấu hoặc một buổi luyện tập thể thao
			Bài 1: Giọt sương (4 tiết) Độc – Đọc <i>Giọt sương</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i>, chia sẻ một bài thơ về cây cối hoặc con vật Viết Ôn viết chữ hoa Y, X Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ <i>Thiên nhiên</i> Bài 2: Những đám mây ngũ sắc (3 tiết) Độc – Đọc <i>Những đám mây ngũ sắc</i> – Tưởng tượng, đặt tên cho đám mây em thích; chia sẻ về tên em vừa đặt Nói và nghe Tưởng tượng và diễn tả lại dáng vẻ hoặc hành động, lời nói của một nhân vật trong câu chuyện Viết sáng tạo Nhận diện và tìm ý cho đoạn văn tả một đồ vật thường dùng khi đi học hoặc đi tham quan, du lịch

15	ÔN TẬP GIỮA HỌC Kì II	Tuần 26	Bài 3: Chuyện hoa, chuyện quả (4 tiết) Độc – Đọc <i>Chuyện hoa, chuyện quả</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i>, chia sẻ một bài văn về cây cối hoặc con vật Viết – Nghe – viết <i>Rừng cọ quê tôi</i> – Phân biệt d/ gi – Phân biệt s/ x, im/ iêm Luyện từ và câu Đấu ngoặc kép Bài 4: Mùa xuân đã về (3 tiết) Độc – Đọc <i>Mùa xuân đã về</i> – Nói 1 – 2 câu có hình ảnh so sánh về một sự vật trong bài đọc Nói và nghe Nghe – kể <i>Bố nông có hiếu</i> Viết sáng tạo Luyện tập viết đoạn văn tả một đồ vật thường dùng khi đi học hoặc khi đi tham quan, du lịch
		Tuần 27	Tiết 1 – Đọc: Ôn tập các văn bản truyện đã học – Ôn viết chữ hoa V, H, O, Q, U, U, Y, X Tiết 2 – Đọc: Ôn tập các văn bản thông tin đã học – Viết: + Nghe – viết <i>Cá linh</i> + Viết hoa tên riêng nước ngoài + Phân biệt s/ x, ăc/ ăt Tiết 3 – Đọc: Ôn tập các văn bản thơ đã học – Luyện từ và câu: Ôn tập mở rộng vốn từ

			Tiết 4 – Đọc: Ôn tập các văn bản miêu tả đã học – Viết sáng tạo: Viết đoạn văn thuật lại hoạt động ở trường mà em thích
			Tiết 5 – Đọc: Ôn tập đọc hiểu <i>Hoa thấp lửa</i> – Luyện từ và câu: Ôn tập từ ngữ có nghĩa trái ngược; câu có hình ảnh so sánh
			Tiết 6 – Luyện từ và câu: Ôn dấu câu, câu khiến, câu cảm
			Tiết 7 Viết sáng tạo: Viết đoạn văn ngắn thuật lại việc làm góp phần bảo vệ môi trường
			Bài 1: Nắng phương Nam (4 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Nắng phương Nam</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i> , chia sẻ một truyện về quê hương
			Viết Ôn viết chữ hoa A, Ă, Â (kiểu 2)
16	QUÊ HUƠNG TƯƠI ĐẸP	Tuần 28	Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ <i>Quê hương</i>
			Bài 2: Trái tim xanh (3 tiết)
			Đọc – Đọc <i>Trái tim xanh</i> – Đóng vai hướng dẫn viên, giới thiệu về hồ Ba Bể
			Nói và nghe Nói chuyện qua điện thoại với cách mở đầu và kết thúc phù hợp
			Viết sáng tạo Nhận diện và tìm ý cho đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc trước một cảnh đẹp ở quê hương hoặc nơi ở

		Tuần 29	Bài 3: Vàm Cỏ Đông (4 tiết)
			Độc – Đọc <i>Vàm Cỏ Đông</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i> , chia sẻ một bài đọc về quê hương
			Viết – Nhớ – viết <i>Vàm Cỏ Đông</i> – Luyện tập viết hoa địa danh Việt Nam – Phân biệt s/x, ong/ông
			Luyện từ và câu – Dấu hai chấm – Mở rộng câu bằng từ ngữ trả lời câu hỏi “Vì sao?”
			Bài 4: Cảnh làng Dạ (3 tiết)
			Độc – Đọc <i>Cảnh làng Dạ</i> – Nói tiếp để được câu văn có hình ảnh so sánh
			Nói và nghe <i>Độc – kể Năng phượng Nam</i>
			Viết sáng tạo Luyện tập viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của em trước một cảnh đẹp ở quê hương hoặc nơi em ở
			Bài 1: Hai Bà Trưng (4 tiết)
			Độc – Đọc <i>Hai Bà Trưng</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i> , chia sẻ một bài thơ về đất nước Việt Nam
17	ĐẤT NƯỚC MẾN YÊU	Tuần 30	Viết Ôn viết chữ hoa N, M (kiểu 2)
			Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ Đất nước

Tuần 31		Bài 2: Một điểm đến thú vị (3 tiết)
		Đọc – Đọc <i>Một điểm đến thú vị</i> – Nói 1 – 2 câu về sự vật, địa điểm được nói đến trong bài đọc
		Nói và nghe Nói chuyện qua điện thoại để hỏi thăm sức khỏe và chia sẻ một điều thú vị
		Viết sáng tạo Nhận diện và tìm ý cho đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc trước một cảnh đẹp của đất nước Việt Nam
		Bài 3: Non xanh nước biếc (4 tiết)
		Đọc – Đọc <i>Non xanh nước biếc</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i> , chia sẻ một bài văn về đất nước Việt Nam
		Viết – Nghe – viết <i>Hai Bà Trưng</i> – Luyện tập viết hoa tên địa danh Việt Nam – Phân biệt l/ n, g/ r
		Luyện từ và câu – Luyện tập về từ ngữ chỉ đặc điểm; câu cảm
		Bài 4: Mênh mông mùa nước nổi (3 tiết)
		Đọc – Đọc <i>Mênh mông mùa nước nổi</i> – Sắp xếp các từ ngữ thành câu ca dao; nói 1 – 2 câu về câu ca dao đã sắp xếp được
		Nói và nghe Nghe – kể <i>Sự tích hoa mào gà</i>
		Viết sáng tạo Luyện tập viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc trước một cảnh đẹp của đất nước Việt Nam

18	MỘT MÁI NHÀ CHUNG	Tuần 32	Bài 1: Cậu bé và mẫu san hô (4 tiết)
			Độc – Đọc <i>Cậu bé và mẫu san hô</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i> , chia sẻ một truyện về thiên nhiên
			Viết Ôn viết chữ hoa Q, V (kiểu 2)
			Luyện từ và câu Mở rộng vốn từ: <i>Môi trường</i> ; mở rộng câu <i>Bằng gì? Khi nào? hoặc Ở đâu?</i>
			Bài 2: Hương vị Tết bốn phương (3 tiết)
			Độc – Đọc <i>Hương vị Tết bốn phương</i> – Nói về một món bánh quen thuộc của Việt Nam mà em biết
		Tuần 33	Nói và nghe Luyện tập nói về một nhân vật trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình
			Viết sáng tạo Luyện tập viết đoạn văn ngắn nêu lí do thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện
			Bài 3: Một mái nhà chung (4 tiết)
			Độc – Đọc <i>Một mái nhà chung</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i> , chia sẻ một bài thơ về thiên nhiên
			Viết – Nhớ – viết <i>Một mái nhà chung</i> – Phân biệt d/ gi – Phân biệt l/ n, ương/ ương
			Luyện từ và câu – Luyện tập từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau – Luyện tập câu kể

Tuần 34		Bài 4: Đi tàu trên sông Von-ga (3 tiết) Đọc – Đọc <i>Đi tàu trên sông Von-ga</i> – Nói câu thể hiện cảm xúc của em trước một cảnh đẹp thiên nhiên Nói và nghe Xem – kể <i>Bông lúa</i> Viết sáng tạo Viết đoạn văn thuật lại một việc làm góp phần bảo vệ môi trường
		Bài 5: Cốc kiến Trời (4 tiết) Đọc – Đọc <i>Cốc kiến Trời</i> – Đọc mở rộng: Tìm đọc, viết <i>Phiếu đọc sách</i>, chia sẻ một bài văn về thiên nhiên Viết – Nghe – viết <i>Vời vợ Ba Vì</i> – Phân biệt <i>ênh/ uênh</i> – Phân biệt <i>l/ n, dấu hỏi/ dấu ngã</i> Luyện từ và câu – Luyện tập từ ngữ chỉ sự vật, từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái; từ ngữ chỉ đặc điểm, tính chất – Luyện tập câu hỏi, câu khiến
		Bài 6: Bỏ câu hiểu khách (3 tiết) Đọc – Đọc <i>Bỏ câu hiểu khách</i> – Nói 1 – 2 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc của em với những chú chim bỏ câu, những việc cần làm để bảo vệ những chú chim Nói và nghe Đọc – kể <i>Cốc kiến Trời</i> Viết sáng tạo Luyện tập viết đoạn văn nêu lí do thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện

19	ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II	Tuần 35	Tiết 1 – Đọc: + Ôn luyện đọc thành tiếng và học thuộc lòng + Ôn tập đọc hiểu <i>Giữa lòng biển xanh</i>
			Tiết 2 – Đọc: Ôn luyện đọc thành tiếng và học thuộc lòng – Viết: + Nghe – viết <i>Nhạn biến</i> + Phân biệt <i>d/r, it/ich</i>
			Tiết 3 – Đọc: Ôn luyện đọc thành tiếng và học thuộc lòng – Luyện từ và câu: + Ôn tập về so sánh + Ôn câu cảm, câu kể
			Đánh giá cuối học kì II (4 tiết) – Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi – Đọc hiểu <i>Những người bạn nhỏ</i> – Viết: + Nghe – viết <i>Thả diều bên dòng sông quê hương</i> + Viết đoạn văn ngắn

2. MẪU CHỮ VIẾT HOA VÀ QUY TRÌNH HƯỚNG DẪN VIẾT CHỮ HOA

Việc ôn luyện kỹ thuật viết chữ hoa ở lớp Ba được sắp xếp theo nhóm nét. Mỗi bài, nhóm tác giả thiết kế hướng dẫn học sinh (HS) viết 1 – 4 chữ hoa (kiểu 1 hoặc kiểu 2) cỡ nhỏ kết hợp luyện viết từ ngữ và câu ứng dụng có nội dung gắn liền với chủ đề và có chứa chữ cái viết hoa vừa học. SGK *Tiếng Việt 3, tập một* đã giới thiệu các nhóm chữ hoa: A, Ă, Â, N, M, D, Đ, P, R, B, C, G, S, L, T, E, Ê, I, K. Ở SGK *Tiếng Việt 3, tập hai*, nhóm tác giả giới thiệu các nhóm chữ hoa: V, H, O, Ô, O, Q, U, Ư, Y, X, A, Ẫ, Ẻ (kiểu 2); M, N (kiểu 2); Q, V (kiểu 2).

– Các chữ hoa đều có độ cao 2,5 ô li, trừ hai chữ G và Y có độ cao 4 ô li.

2.1. Chữ V

* **Cấu tạo:** gồm nét cong trái, nét thẳng đứng và nét móc phải.

*** Cách viết:**

① Đặt bút trên ĐK ngang 3, cách bên trái ĐK dọc 2, viết nét cong trái, hơi lượn lên trước khi dừng bút bên phải ĐK dọc 2, giữa ĐK ngang 3 và 4.



② Không nhấc bút, hơi lượn lại ĐK dọc 2 để viết nét thẳng đứng, lượn trái một chút khi gần chạm ĐK ngang 1.

③ Không nhấc bút, lượn gần lại ĐK dọc 3 viết nét móc phải rồi dừng bút trên ĐK ngang 3, sau ĐK dọc 3.

2.2. Chữ H

*** Cấu tạo:** gồm nét cong trái, nét khuyết dưới, nét khuyết trên và nét thẳng đứng.

*** Cách viết:**

① Đặt bút trên ĐK ngang 3, trước ĐK dọc 2, viết nét cong trái, hơi lượn lên trước khi dừng dưới ĐK ngang 4 và trên ĐK dọc 2.

② Không nhấc bút, hơi lượn sang trái viết nét khuyết dưới liền mạch với nét khuyết trên, đến gần cuối nét khuyết thì lượn lên viết nét móc phải, dừng bút bên phải ĐK dọc 3, giữa ĐK ngang 1 và 2 (Khoảng cách giữa hai nét khuyết bằng 0,5 ô li, hai đầu khuyết cân đối với nhau).



③ Lia bút đến dưới ĐK ngang 3, viết nét thẳng đứng (ngắn) cắt giữa đoạn nối hai nét khuyết.

2.3. Chữ O

*** Cấu tạo:** gồm nét cong kín.

*** Cách viết:** Đặt bút trên ĐK dọc 2, giữa hai ĐK ngang 3 và 4, viết nét cong kín. Khi chạm điểm đặt bút thì lượn vòng vào trong và dừng bút bên phải ĐK dọc 2, dưới ĐK ngang 3 (ĐK dọc 2 là trục đối xứng của chữ O).



2.4. Chữ Ô

*** Cấu tạo:** gồm nét cong kín và dấu mũ.

*** Cách viết:**

① Viết như chữ O.

② Lia bút viết dấu mũ dưới ĐK ngang 4 và đối xứng qua ĐK dọc 2.



2.5. Chữ Ơ

*** Cấu tạo:** gồm nét cong kín và dấu phụ (nét móc trái nhỏ).

*** Cách viết:**

- ① Viết như chữ O.
- ② Lia bút viết nét móc trái đỉnh vào chữ O tại ĐK ngang 3, lưng nét móc trái nhỏ tựa vào ĐK dọc 3.



2.6. Chữ Q

*** Cấu tạo:** gồm nét cong kín và nét lượn.

*** Cách viết:**

- ① Viết như chữ O.
- ② Lia bút đến trước ĐK dọc 2, trên ĐK ngang 1, viết nét lượn. Đuôi nét lượn song song với nét cong kín và dừng bút giữa hai ĐK ngang 1 và 2, sau ĐK dọc 3.



2.7. Chữ U

*** Cấu tạo:** gồm nét móc hai đầu và nét móc ngược phải.

*** Cách viết:**

- ① Đặt bút trước ĐK dọc 2, dưới ĐK ngang 3, viết nét móc hai đầu và dừng bút trên ĐK dọc 3, giữa hai ĐK ngang 1 và 2.
- ② Rê bút lên theo ĐK dọc 3 đến ngang điểm đặt bút để viết nét móc ngược phải và dừng bút giữa hai ĐK ngang số 1 và 2, trước ĐK dọc 4.



2.8. Chữ U'

*** Cấu tạo:** gồm nét móc hai đầu, nét móc ngược phải và dấu phụ (nét móc trái nhỏ).

*** Cách viết:**

Viết như chữ U, lia bút viết thêm dấu phụ phía trên ĐK ngang 3, chạm nét móc ngược phải.



2.9. Chữ Y

*** Cấu tạo:** gồm nét móc hai đầu và nét khuyết dưới.

*** Cách viết:**

- ① Đặt bút trên ĐK ngang 3, cách bên trái ĐK dọc 2 một li, viết nét móc hai đầu và dừng bút trên ĐK dọc 3, giữa hai ĐK ngang 1 và 2.
- ② Rê bút lên theo ĐK dọc 3 đến ngang điểm đặt bút để viết nét khuyết dưới và dừng bút giữa hai ĐK ngang 1 và 2, trước ĐK dọc 4.



2.10. Chữ X

* **Cấu tạo:** gồm nét cong phải và nét cong trái.

* **Cách viết:** Đặt bút trên ĐK ngang 3, cách bên trái ĐK dọc 2 một li, viết nét cong trái nhỏ liền mạch với nét cong phải lớn; không nhắc bút viết tiếp luôn nét cong trái lớn liền mạch với nét cong phải nhỏ và dừng bút giữa hai ĐK ngang 1 và 2, sau ĐK dọc 2.



Lưu ý: ĐK dọc 2 là trục đối xứng của chữ X.

2.11. Chữ A (kiểu 2)

* **Cấu tạo:** gồm nét cong kín (cuối nét lượn vào trong) và nét móc ngược phải.

* **Cách viết:**

① Đặt bút ở giữa ĐK ngang 3 và 4, trên ĐK dọc 2, viết nét cong kín giống chữ O hoa.



② Lia bút lên theo ĐK dọc 3, giữa ĐK ngang 3 và 4, viết nét móc ngược phải, dừng bút giữa ĐK ngang 1 và 2, bên trái ĐK dọc 4.

2.12. Chữ Ǻ, Ǻ (kiểu 2)

Tương tự quy trình viết chữ A, chữ Ǻ viết thêm nét lượn vòng trên đầu chữ A, chữ Ǻ viết thêm hai nét xiên nhỏ (dấu mũi) trên đầu chữ A.



2.13. Chữ N (kiểu 2)

* **Cấu tạo:** gồm nét móc 2 đầu trái (2 đầu đều lượn vào trong), nét lượn ngang và nét cong trái.

* **Cách viết:**

① Đặt bút trên ĐK ngang 3, cách bên trái ĐK dọc 2 một li, viết nét móc hai đầu bên trái (2 đầu đều lượn vào trong), dừng bút ở giữa ĐK ngang 1 và 2, trước ĐK dọc 2.



② Lia bút đến đoạn nét móc ở ĐK ngang 3, viết nét lượn ngang rồi đổi chiều bút, viết tiếp nét cong trái, dừng bút ở giữa ĐK ngang 1 và 2, giữa ĐK dọc số 3 và 4.

2.14. Chữ M (kiểu 2)

* **Cấu tạo:** gồm nét móc hai đầu trái đều lượn vào trong, nét móc trái và kết hợp của hai nét cơ bản lượn ngang và cong trái nối liền nhau, tạo vòng xoắn nhỏ ở phía trên.

*** Cách viết:**

① Đặt bút trên ĐK ngang 3, cách bên trái ĐK dọc 2 một li, viết nét móc hai đầu bên trái (2 đầu đều lượn vào trong), dừng bút ở giữa ĐK ngang 1 và 2, trước ĐK dọc 2.



② Lia bút đến đoạn nét cong ở phía trên ĐK ngang 3, viết nét móc trái, dừng bút ở ĐK ngang 1, phía trước ĐK dọc 3.

③ Lia bút đến đoạn nét móc trái ở ĐK ngang 3, viết nét lượn ngang rồi đổi chiều bút, viết tiếp nét cong trái, dừng bút ở giữa ĐK ngang 1 và 2, trên ĐK dọc 4.

2.15. Chữ Q (kiểu 2)

*** Cấu tạo:** gồm nét cong trái, nét cong phải và nét lượn ngang.

*** Cách viết:** Đặt bút ở dưới ĐK ngang 3, trên ĐK dọc 2, viết nét cong trái, viết tiếp nét cong phải rồi đổi chiều bút, viết nét lượn ngang từ trái sang phải, cắt ngang nét cong phải, tạo thành một vòng xoắn ở chân chữ, dừng bút ở giữa ĐK ngang 1 và 2, ĐK dọc 3 và 4.



2.16. Chữ V (kiểu 2)

*** Cấu tạo:** gồm nét móc 2 đầu, cong phải và cong dưới (tạo vòng xoắn nhỏ).

*** Cách viết:** Đặt bút ở ĐK ngang 3, cách bên trái ĐK dọc 2 một li, viết nét móc 2 đầu, viết tiếp nét cong phải (hơi dưới) rồi đổi chiều bút, viết tiếp nét cong dưới nhỏ cắt ngang nét cong phải, tạo thành một vòng xoắn nhỏ, dừng bút ở trên ĐK ngang 3, giữa ĐK dọc 3 và 4.



3. MỘT VÀI GỢI Ý VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II

Mục D. “Hướng dẫn kiểm tra, đánh giá”, tr.55, SGK Tiếng Việt 3, *tập một* đã trình bày về kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất, hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực và một vài gợi ý về kiểm tra, đánh giá cuối học kì I. Vì vậy, ở SGK Tiếng Việt 3, *tập hai*, nhóm tác giả chỉ dừng lại ở việc trình bày một vài gợi ý về kiểm tra, đánh giá cuối học kì II.

3.1. Kiểm tra kĩ năng đọc thành tiếng

– **Mục tiêu:** Kiểm tra kĩ năng đọc trôi chảy của HS (mức độ rõ, đúng, tốc độ đọc, âm lượng).

– **Nội dung và hình thức:**

+ Các đoạn văn/ thơ dùng kiểm tra đọc thành tiếng cần tương đương về độ dài và độ khó của việc đọc thành tiếng (cấu tạo âm tiết, số từ phức, số câu, số câu đơn, câu phức, câu ghép); khoảng 75 – 80 chữ (vì kiểm tra cuối năm, nên lượng chữ, độ phức hợp của từ và câu có thể sẽ dịch theo hướng tăng nhẹ so với cuối học kì I, chẳng hạn, số lượng tiếng

đừng cho nội dung này ở học kì I dưới 80 tiếng, cuối học kì II, có thể 80 – 82 tiếng; nếu văn bản truyện khoảng 90 – 95 tiếng).

+ HS bốc thăm, đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi đọc hiểu trên phiếu.

+ Giáo viên (GV) lắng nghe, quan sát, ghi nhận kĩ năng đọc thành tiếng của HS: mức độ đúng, rõ, tốc độ, âm lượng; lỗi về câu âm, ví dụ: *th, kh, eo* đọc thành *h, x, e* hoặc mất *th, kh*, lỗi do ảnh hưởng của phương ngữ, ví dụ: lẫn lộn *l – n*, đọc *r* thành *g*, *tr* thành *t*; *ươi, uyui, oe* đọc thành *ui, uy/ iu, eo*.¹

3.2. Kiểm tra kĩ năng đọc hiểu

– *Mục tiêu:* Kiểm tra kĩ năng đọc hiểu của HS.

– *Nội dung và hình thức:*

+ Số lượng câu hỏi:

① Thường gồm sáu câu trắc nghiệm (đa dạng về hình thức) ở mức độ nhận biết và thông hiểu (bốn câu hỏi về nội dung, hình thức văn bản đọc; hai câu hỏi về kiến thức tiếng Việt);

② Thường gồm ba câu hỏi trả lời ngắn (câu hỏi tự luận) ở mức độ thông hiểu và vận dụng (hai câu hỏi về nội dung, hình thức văn bản đọc hoặc liên hệ, so sánh, kết nối; một câu hỏi về kiến thức tiếng Việt).

+ HS tự đọc văn bản và viết câu trả lời vào bài kiểm tra.

3.3. Kiểm tra kĩ năng viết đoạn

– *Mục tiêu:* Kiểm tra kĩ năng viết câu của HS.

– *Nội dung và hình thức:* Viết đoạn văn ngắn khoảng 8 – 10 câu theo một trong các thể loại đã học đưa vào gợi ý.

3.4. Kiểm tra kĩ năng viết đúng chính tả

– *Mục tiêu:* Kiểm tra kĩ năng nghe – viết đúng chính tả của HS.

– *Nội dung và hình thức:*

+ Độ dài đoạn viết chính tả khoảng 65 – 70 chữ.

+ Độ khó của đoạn viết chính tả: chọn hoặc thiết kế đoạn văn có nội dung quen thuộc, gần gũi, dễ hiểu. Trong đoạn văn/ thơ nên có một số từ có chứa hiện tượng chính tả có quy tắc, chính tả ngữ nghĩa và chính tả phương ngữ.

¹ Trên bình diện nói và nghe, không phải mọi biến thể ngữ âm phương ngữ đều quy vào lỗi. Chỉ xem là lỗi với những biến thể mà người nói “mặc cảm” khi nói ra và nhiều người xem là “ngớ ngẩn” trong giao tiếp mang tính chính thức xã hội (giao tiếp ngoài phạm vi gia đình, ngoài cuộc sống thường nhật), như các trường hợp vừa dẫn hoặc $o \rightarrow oo, ô \rightarrow ôô, o \rightarrow ô, ô \rightarrow e, ...$

+ GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, đặt tờ giấy làm bài đúng chiều hướng, đúng khoảng cách, cầm bút đúng.

+ GV đọc to, rõ toàn văn bản viết chính tả lần 1.

+ GV đọc, HS viết chính tả: GV đọc từng câu, nếu câu dài cần đọc từng cụm, mỗi cụm đọc 2 – 3 lần; đọc rõ, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS theo quy định.

+ GV đọc lại toàn văn bản viết chính tả, yêu cầu HS lắng nghe và rà soát lỗi.

(Độ phức hợp: lượng chữ, bài tập, hiện tượng chính tả có năng hơn so với HK I – theo yêu cầu cần đạt của CT 2018)

(Đề trong Sách học sinh (SHS) là một ví dụ để GV dùng cho HS luyện tập, GV tham khảo để biên soạn đề kiểm tra đánh giá kết quả cuối năm.)



**Phần
hai**

HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Chủ điểm 9. BỐN MÙA MỞ HỘI (Tuần 19 – 20)

Chủ điểm *Bốn mùa mở hội* hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm*: bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước; bước đầu cảm nhận được giá trị tinh thần, giá trị văn hoá của các lễ hội truyền thống; biết ứng xử lịch sự, có văn hoá khi tham gia các hoạt động lễ hội,... Từ đó khơi gợi ý thức, hứng thú tìm hiểu về văn hoá, phong tục, tập quán tốt đẹp; trân trọng và có cảm xúc, có việc làm tích cực khi tham gia các lễ hội văn hoá.

BÀI 1: CHIẾC ÁO CỦA HOA ĐÀO (tiết 1 – 4, SHS, tr.10 – 13)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Nói được với bạn về sự thay đổi của thiên nhiên vào dịp Tết; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; bước đầu đọc phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện, trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài; hiểu được nội dung bài đọc: *Khiêm tốn, biết ơn cội nguồn, biết cùng bạn bè góp sức mang lại vẻ đẹp chung.*

– Chia sẻ được những điều ghi nhớ sau khi đọc một truyện về lễ hội và biết chia sẻ với bạn suy nghĩ, cảm xúc của em sau khi đọc truyện.

2. Viết đúng kiểu chữ hoa: V, H, tên riêng và câu ứng dụng.

3. Mở rộng vốn từ về *Lễ hội*, đặt câu và mở rộng câu với từ ngữ tìm được, sắp xếp các câu thành đoạn văn.

4. Nói được những điều nên và không nên làm khi được tham gia một lễ hội.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh ảnh cây hoa đào và một số loài hoa tiêu biểu của mùa xuân (cúc, trang nguyên, cát tường,...); video clip vườn hoa mùa xuân, lễ hội mùa xuân, lễ hội đua bò ở Trại Tôn, đua ghe ở Vàm Nao, tỉnh An Giang (nếu có).

- Bảng phụ ghi đoạn từ *Các loài hoa đã hiểu ra...* đến hết.
- Mẫu chữ viết hoa *V, H* (cỡ nhỏ).
- Thẻ từ ghi sẵn một số từ ngữ cho bài tập (BT) luyện từ và câu (LTVC).
- HS mang theo sách, báo có truyện về lễ hội và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép ngắn gọn về truyện đã đọc.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm *Bốn mùa mở hội*.
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về những thay đổi của thiên nhiên nơi em ở vào dịp Tết theo gợi ý (bầu trời, cây cối, thời tiết, hoa lá,...).
- HS đọc tên bài, quan sát tranh, liên hệ với nội dung khởi động để nêu phỏng đoán về nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Chiếc áo của hoa đào*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện nhẹ nhàng, trêu mến; giọng các bông hoa (đoạn 1) về “chanh chua”, chê bai; giọng cô chủ: vui sướng, ngạc nhiên, thích thú; giọng các loài hoa ngạc nhiên khi thấy hoa đào nở, hạ giọng thể hiện vẻ áy náy khi nhận ra thái độ không đúng trước đây; giọng hoa đào dịu dàng, trêu mến, thể hiện thái độ khiêm tốn; giọng vui tươi thể hiện thái độ phấn khởi khi trả lời đề nghị cùng tham gia ngày hội xuân,...).
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:
 - + Cách đọc một số từ ngữ khó: *thưa thớt, khẳng khừu, khoác, tuyệt vời, dịu dàng, muôn nức, rực rỡ,...*
 - + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Các loài hoa/ bất chợt nhận ra/ cái cây khẳng khừu mọi khi/ giờ đã khoác một chiếc áo đẹp tuyệt vời!//; Hàng nghìn bông hoa thắm hồng xinh xinh/ đang đua trong nắng xuân ấm áp!//; Hoa đào ơi, chúng tớ muốn cùng bạn/ góp sắc hương trong ngày Tết/ có được không?//,...*

- + Giải thích thêm nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu cần).

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi (CH) 1 – 4 trong SHS; kết hợp giải thích nghĩa một số từ ngữ khó. Ví dụ (VD): *bắt chợt* (xảy ra thành công và trong khoảnh khắc/ như *chợt* nhưng nhanh và mạnh hơn); *mười dưỡng* (cho ăn uống, chăm sóc ăn cần, chu đáo để duy trì và phát triển sự sống); *bình* (chuyển trạng thái đột ngột từ không có biểu hiện gì trở thành có những biểu hiện rõ rệt và mạnh mẽ); *ngào ngạt* (mùi thơm bốc lên, lan tỏa rộng và kích thích mạnh vào khứu giác);... (GV có thể cho HS đọc đoạn 1, trả lời câu hỏi 1: vì loài hoa nào cũng tự cho mình đẹp nhất, chúng chê hoa đào, hoa đào im lặng; đọc đoạn 2, trả lời câu hỏi 2: khoác chiếc áo đẹp tuyệt vời là hàng nghìn bông hoa thắm hồng;... Câu 4: HS lựa chọn đáp án 3 và giải thích lí do, HS nghe GV hướng dẫn, liên hệ với đoạn 1, câu hỏi 1).

- HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.
- HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 5 trong SHS (HS có thể nêu: *Khiêm tốn, biết ơn cội nguồn, biết cùng bạn bè góp sức mang lại vẻ đẹp chung*).
- HS liên hệ bản thân: yêu quý, trân trọng vẻ đẹp của mỗi người; cùng bạn bè và mọi người chung sức mang lại vẻ đẹp chung cho trường lớp và nơi sinh sống.

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại

- HS xác định được giọng đọc của người dẫn chuyện, của từng nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.
- HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Các loài hoa đã hiểu ra...* đến hết.
- HS luyện đọc phân vai trong nhóm đoạn từ *Các loài hoa đã hiểu ra...* đến hết.
- HS nghe 1 – 2 nhóm đọc phân vai trước lớp đoạn từ *Các loài hoa đã hiểu ra...* đến hết.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một truyện về lễ hội

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

- HS tìm đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một truyện về lễ hội theo hướng dẫn của GV:
 - + Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em thấy thú vị khi đọc truyện: tên truyện, tên tác giả, tên lễ hội, cảnh vật, con người trong lễ hội,...
 - + Trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ đề hoặc nội dung truyện em đọc.

1.2.2. Chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc sau khi đọc truyện

- HS dựa vào *Phiếu đọc sách* chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về suy nghĩ và cảm xúc của em. HS có thể đọc một đoạn hoặc chia sẻ truyện cho các bạn cùng đọc.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Ôn luyện viết chữ V, H hoa

- HS quan sát mẫu chữ V hoa, nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ V hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu (hoặc quan sát qua phần mềm viết chữ V hoa) và nhắc lại quy trình viết chữ V hoa.
- HS viết chữ V hoa cỡ nhỏ vào bảng con (nếu HS viết tốt, GV có thể bỏ qua bước này, cho HS viết vào vở tập viết (VTV)).
- HS quan sát mẫu chữ H hoa, nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của chữ H hoa trong mối quan hệ so sánh với chữ V hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu (hoặc quan sát qua phần mềm viết chữ) và nhắc lại quy trình viết chữ H hoa (nếu HS viết tốt có thể chọn một HS thay GV viết chữ H hoa trên bảng cho cả lớp quan sát).
- HS viết chữ V, H hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết từ ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ ứng dụng *Hùng Vương* (*Hùng Vương* là cách gọi các vị vua nước Văn Lang – nhà nước đầu tiên theo truyền thuyết; có thể kết hợp với tranh ảnh hoặc video clip).
- HS nhắc lại cách nối từ chữ H hoa sang chữ u và chữ V hoa sang chữ u (nếu cần).
- HS quan sát cách GV viết chữ *Hùng Vương* (nếu cần).
- HS viết chữ *Hùng Vương* vào VTV.

2.3. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng:

Tri Tôn có hội đua bò

Vàm Nao có hội đua đò sang sông.

Cá đao

(*Tri Tôn*: một huyện ở phía tây tỉnh An Giang; *Vân Nao*: tên một con sông tại tỉnh An Giang, nối sông Tiền với sông Hậu, câu ca dao giới thiệu hai lễ hội nổi tiếng ở An Giang.)

- HS viết câu ứng dụng vào VTV.

2.4. Luyện viết thêm

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ *Hải Vân* (tên một con đèo cắt ngang dãy núi Bạch Mã – một phần của dãy Trường Sơn chạy sát biển, ở giữa tỉnh Thừa Thiên – Huế và thành phố Đà Nẵng) và câu ứng dụng “*Vào mùa xuân, người người nô đùa trên hội Đền Hùng.*” (GV có thể giải thích từ ngữ *trẩy hội*: đi dự hội hàng năm – thường dùng để nói về một số đông người; *Đền Hùng*: khu di tích lịch sử thờ phụng các vua Hùng trên núi Nghĩa Lĩnh, gần với Giỗ Tổ Hùng Vương).

- HS viết nội dung luyện viết thêm vào VTV.

2.5. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Mở rộng vốn từ Lễ hội

- HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc mẫu.
- HS tìm từ ngữ phù hợp trong nhóm nhỏ bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn* (Gợi ý: a. *lễ hội đền Hai Bà Trưng, lễ hội Yên Tử, lễ hội vía Bà Ngũ hành, lễ hội miếu Bà Chúa Xứ núi Sam, ...*; b. *múa, hát, rước đèn, dâng hương, ...*; c. *trăng nghiêm, sôi nổi, tung bừng, ...*; d. *vui vẻ, thích thú, say mê, ...* GV khuyến khích HS nêu những lễ hội nơi địa phương mình sinh sống).

3.2. Đặt 1 – 2 câu về hoạt động trong lễ hội

- HS xác định yêu cầu của BT 2, đọc mẫu.
- HS làm bài cá nhân vào vở bài tập (VBT) và chia sẻ, thông nhất kết quả trong nhóm nhỏ.
- Một vài nhóm HS chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

3.3. Sắp xếp câu thành đoạn văn

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS đọc các câu ở BT 3 (HS nghe GV hướng dẫn, lưu ý từ ngữ chỉ trình tự (*mở đầu, sau*) và chủ ý nội dung được tả/ kể trong từng câu; đáp án: “*Mở đầu... đặc sắc.*” → “*Sau*”

tiết mục trống hội,... gói bánh chưng." → "Các khối lớp... thực hành gói bánh." → "Các bạn thích thú ... gói lại." → "Nhìn những cặp bánh... thật gần.")

- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.
- Một vài HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: Trao đổi với bạn về những điều nên và không nên làm khi được tham gia một lễ hội ở trường hoặc nơi em ở.
- HS thực hiện theo nhóm nhỏ (GV khuyến khích, động viên HS thể hiện ý kiến và dùng các từ phụ thêm ý nghĩa để nghị nên làm, cần làm thay cho *ên: hãy, cần, phải, nào, đi*. VD: *Hãy mặc quần áo phù hợp*, từ phụ thêm ý nghĩa ngăn cản thay cho *không nên: đừng, chớ*. VD: *Đừng vứt rác bừa bãi*).
- HS lắng nghe nhóm bạn chia sẻ kết quả.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

BÀI 2: ĐUA GHE NGO (tiết 5 – 7, SHS, tr.14 – 16)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

- Nói được với bạn những hình ảnh chính trong bức tranh; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; bước đầu thể hiện đúng giọng đọc văn bản thông tin; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài; hiểu được nội dung bài đọc: *Giới thiệu về lễ hội đua ghe ngo – một lễ hội truyền thống của đồng bào Klơner vùng Nam Bộ*.

- Nói được một vài câu về một lễ hội em biết.

2. Nói được về một nhân vật trong câu chuyện em thích dựa vào gợi ý.

- 3. Nhận diện được đoạn văn thuật về một ngày hội; lập được dàn ý cho đoạn văn thuật lại một ngày hội đã chứng kiến dựa vào gợi ý.

- 4. Suy tầm được tranh ảnh về lễ hội; hỏi – đáp được về một lễ hội.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip một số hình ảnh ghe ngo, hội đua ghe ngo, hội vật, hội xuống đồng, lễ hội Đền Hùng, lễ hội Đền Gióng, tranh ảnh về trang phục lễ hội ba miền,... (khuyến khích sử dụng hình ảnh lễ hội ở trường hoặc địa phương nơi HS sinh sống).

– Bảng phụ có ghi đoạn từ *Gần trưa...* đến *bút phá về đích*.

– HS mang theo tranh/ ảnh về lễ hội đã sưu tầm được (Ở khu vực khó khăn, GV có thể tổ chức tìm tranh ảnh từ SHS môn Tự nhiên – xã hội/ Đạo đức/ Hoạt động trải nghiệm,...).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ, trao đổi với bạn về những điều đã thấy được trong tranh (cảnh các đội đua ghe/ có rất nhiều ghe trên sông và rất nhiều người xem hội đua).

– HS nêu phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Đua ghe ngo*.

(*Đua ghe ngo* là một hoạt động trong lễ hội Óóc-om-bóc/ Lễ hội tạ ơn thần Mặt Trăng. Ghe ngo dài trên 30 mét, thân chạm hoa văn, sơn sắc sỡ; mũi và đuôi cong vút, tạc hình rắn thần Naga hoặc hổ, sư tử,... Mỗi chiếc ghe ngo của một ngôi chùa sẽ đại diện cho một hay nhiều phum sóc của đồng bào Khmer. Mỗi đội đua thường có 46 – 68 người cùng với một người điều khiển nhịp bơi bằng phéng la hoặc tu huyệt đứng giữa ghe và một người điều khiển chính ngôi ở mũi ghe).

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng đọc toàn bài vui vẻ, hào hứng, thông thả; đoạn 3 (từ Một hồi còi đến bút phá về đích): đọc nhịp nhanh, vui*).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *ghe ngo, đồng nghet, trang trí, sắc sỡ, chỉ huy, bút phá, về đích,...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Theo nhịp lệnh của người chỉ huy/ các thành viên đội đua/ đồng loạt mạnh mẽ vùng mái chèo/ đưa ghe tiến về đích.//; Tiếng cổ vũ/ tiếng reo hò/ càng náo nhiệt/ mỗi khi có đội bút phá về đích.//; ...*

+ Giải thích thêm nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu cần), VD: *đồng nghet* (đồng đến mức làm chặt kín cả một khoảng rộng; đồng nghĩa: *đồng nghệt*), *đồng loạt* (trong cùng một lúc; đồng nghĩa: *nhất loạt*),...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời các câu hỏi 1 – 3 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có), VD: *bế mạc* (kết thúc, dùng với sắc thái trang trọng);...

– HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 4 trong SHS (HS có thể nêu: *tung bím, mọi người đều vui vẻ, yêu mến lễ hội truyền thống, mong chờ gặp lại trong lễ hội năm sau*).

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Gần trưa...* đến *bút phá về đích*.

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Gần trưa...* đến *bút phá về đích*.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

1.2. Nói 1 – 2 câu về lễ hội em biết

– HS xác định yêu cầu của hoạt động luyện tập *Nói 1 – 2 câu về lễ hội em biết*.

– HS hoạt động nhóm nhỏ kể tên và nói 1 – 2 câu về lễ hội mà em biết (GV khuyến khích HS kể tùy vào thực tế của địa phương hoặc trải nghiệm của HS. GV có thể đưa hình ảnh cho HS quan sát, VD: lễ hội Đèn Hùng, lễ hội xuồng đồng, lễ hội công chiêng, lễ hội Nghinh Ông,...).

– Một vài nhóm HS nói trước lớp, có thể kết hợp sử dụng hình ảnh, audio và video clip.

– HS nghe bạn và GV nhận xét nội dung nói.

2. Nói và nghe

2.1. Đọc lời hai bạn trong tranh và thực hiện các yêu cầu

– HS quan sát tranh, đọc và xác định yêu cầu BT 1.

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ, thực hiện BT 1:

+ Hai bạn nói về nhân vật hoa đào (trong truyện *Chiếc áo của hoa đào*, có thể mở rộng thêm: bạn nữ nêu nhận xét → bạn nam đáp lời, xác nhận nếu HS ở vùng phát triển).

+ Đặc điểm nổi bật của hoa đào: màu sắc đẹp.

+ Tính cách của hoa đào: khiêm nhường.

– Một vài HS nói trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Nói về một nhân vật trong câu chuyện

– HS đọc yêu cầu BT 2, quan sát các gợi ý.

– HS thảo luận nhóm nhỏ, dựa vào gợi ý để thực hiện yêu cầu, trao đổi với bạn:

+ Truyện em thích, tên nhân vật em thích

+ Đặc điểm nổi bật của nhân vật

+ Tính cách của nhân vật

+ Lí do em thích nhân vật

– HS nói theo yêu cầu BT trong nhóm nhỏ (GV khuyến khích HS nói tự do, mở rộng câu theo vốn hiểu biết).

– Một vài HS nói trước lớp, kết hợp sử dụng tranh, ảnh truyện và nhân vật em thích (nếu có).

– HS nghe bạn và GV nhận xét nội dung nói.

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Nhận diện thể loại văn thuật lại một ngày hội em đã chứng kiến

– HS đọc đoạn văn và xác định yêu cầu của BT 1.

– HS thảo luận trong nhóm nhỏ trả lời các câu hỏi tìm hiểu đoạn viết và cách viết (HS nghe GV hướng dẫn, trả lời theo dạng sơ đồ đơn giản, nêu tác dụng của câu đầu – câu cuối, từ ngữ chỉ trình tự: *sau đó, cuối buổi, ...*).

– HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp.

– HS nghe bạn nhận xét và GV chốt ý.

– HS rút ra những lưu ý khi viết đoạn văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến.

3.2. Tìm ý cho đoạn văn thuật lại một ngày hội em đã chứng kiến

– HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.

– HS thực hiện yêu cầu bằng cách trả lời một vài câu hỏi định hướng của GV:

+ Em chọn viết về ngày hội nào? Vì sao?

+ Ngày hội đó diễn ra ở đâu? Khi nào?

+ Những hoạt động nào diễn ra trong ngày hội? (Bắt đầu ngày hội là hoạt động gì?

Các hoạt động tiếp theo? Ngày hội kết thúc thế nào?)

+ Không khí ngày hội thế nào? (cảnh vật, âm thanh, thái độ của người tham dự,...)

+ ...

– HS thực hiện vào VBT.

– Một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét để bổ sung, hoàn chỉnh nội dung tìm ý.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động vận dụng: *Chơi trò chơi Phòng tranh vui vẻ.*

– HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện: trưng bày tranh, ảnh về lễ hội đã sưu tầm được, nói 2 – 3 câu về lễ hội có trong tranh, ảnh em sưu tầm được trong nhóm nhỏ.

– Một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả thực hành.

BÀI 3: RỘN RÀNG HỘI XUÂN (tiết 8 – 11, SHS, tr.17 – 19)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Kể được tên một số lễ hội được tổ chức ở trường em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Về tung bừng nào nhiệt của ngày hội xuân ở trường, niềm vui cùng bạn tham gia hội xuân, niềm vui chuẩn bị đón ngày tết Cổ truyền.*

– Tìm đọc một bài đọc về lễ hội, viết được *Phiếu đọc sách* và biết cách chia sẻ với bạn những thông tin em biết về lễ hội được nhắc đến trong bài.

2. Nghe – viết đúng bài *Lễ hội hoa nước Ý*; phân biệt được *s/ x; ch/ tr* hoặc *thanh hỏi/ thanh ngã*.

3. Nhận diện đúng câu khiến qua chức năng (nếu đề nghị) và dấu chấm câu (dấu chấm than); sử dụng đúng dấu chấm và dấu chấm than.

4. Đặt được câu khiến theo yêu cầu.

5. Chia sẻ được cảm xúc khi tham gia một lễ hội ở trường.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh ảnh, video clip một vài hình ảnh về hội khỏe Phù Đổng, ngày hội đọc sách, hội Stem, hội thi nghi thức Đội, hội thi sáng tạo rô-bốt, mùa lân,... (khuyến khích sử dụng hình ảnh lễ hội ở trường); lễ hội hoa ở nước Ý (nếu có).

- Bảng phụ hoặc mấy chiếc ghi các khổ thơ từ *Gian Hoa xuân...* đến hết.
- Thẻ từ ghi sẵn một số từ ngữ cho BT chỉnh tả, LTVC.
- HS mang theo sách, báo có bài đọc viết về một lễ hội và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép về bài viết đã đọc.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, kể tên một số lễ hội được tổ chức ở trường em (GV có thể chiếu video clip hoặc hình ảnh về một vài ngày hội ở trường, VD: hội khỏe Phù Đổng, hội sách, hội rằm Trung thu,...).
- HS quan sát tranh minh họa, đọc tên bài, liên hệ với nội dung khởi động nêu phỏng đoán về nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Rộn ràng hội xuân*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng đọc toàn bài trong sáng, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ vẻ đẹp, hoạt động và cảm xúc của bạn nhỏ khi tham gia hội xuân; ngắt nhịp 2/3 hoặc 1/4 hoặc 3/2 tùy vào câu thơ*).
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:
 - + Cách đọc một số từ ngữ khó: *rộn ràng, rộn rã, gian Chợ Tết, bánh, hành, treo, khoe mụ, ngọt lành, ban mai,...*
 - + Cách ngắt nghỉ một số dòng thơ:

*Gian Hoa xuân/ rực rỡ/
Đào/ khoe mụ thắm hồng/
Mai/ vàng tươi như nắng/
Hoa cúc/ vừa trở bông //*

*Góc/ dành cho Hội sách/
Giấy mới/ thơm giọng cười/
Bài thơ xuân/ em đọc/
Ngọt lành/ như ban mai.//*

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu cần), VD: *câu đối đỏ* (GV dùng hình ảnh hoặc vật thật để giải thích “câu đối đỏ”),...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 3 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *gieo* (rắc hạt giống để cho mọc mầm, lên cây → làm cho nảy sinh, phát triển và lan truyền),...

– HS rút ra nội dung bài thơ trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 4 trong SHS (Khuyến khích HS đa dạng hoá nội dung nói: *Không khí tung bừng nào nhiệt của ngày hội xuân ở trường, niềm vui cùng bạn tham gia hội xuân, niềm vui chuẩn bị đón ngày tết Cổ truyền.*)

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài thơ.

– HS nghe GV đọc toàn bài.

– HS luyện đọc các khổ thơ từ *Gian Hoa xuân...* đến hết trong nhóm, trước lớp và học thuộc ba khổ thơ em thích bằng cách tự nhẩm thuộc, xoá dần hoặc thay chữ bằng hình,...

– Một số HS thi đọc thuộc lòng trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một bài đọc về lễ hội

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

– HS tìm đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài đọc về lễ hội trên sách báo hoặc trên mạng in-tơ-nét theo hướng dẫn của GV:

+ Viết vào *Phiếu đọc sách* những thông tin mới sau khi đọc bài đọc: tên bài đọc, tên tác giả, tên lễ hội, thời gian tổ chức, hoạt động chính của lễ hội,...

+ Trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ đề hoặc nội dung bài đọc.

1.2.2. Chia sẻ những thông tin về lễ hội

– HS dựa vào *Phiếu đọc sách* chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ những thông tin em biết về lễ hội được nhắc đến trong bài, có thể đọc một đoạn trong bài cho bạn nghe hoặc chia sẻ các thông tin cho các bạn cùng đọc.

– Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào Góc sáng tạo/ Góc sân phẩm.

- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Nghe – viết

- HS đọc bài *Lễ hội hoa nước Ý*, trả lời 1 – 2 câu hỏi về nội dung bài:
 - + Lễ hội nào được giới thiệu trong bài?
 - + Cảnh vật có gì đặc biệt?
- HS quan sát, đánh vần (nếu cần) một số tiếng/ từ ngữ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *rải, bức tranh, đặc sắc,...*
- HS đọc thầm lại bài và tìm tên địa danh nước ngoài (*Ý, Rô-ma*; GV giải thích thêm: Ý còn gọi là I-ta-li-a – tên một quốc gia ở châu Âu), nêu cách viết các tên riêng đó (nếu tên riêng chỉ có một tiếng: viết hoa tiếng đó; nếu tên riêng gồm hai tiếng: viết hoa chữ đầu, dấu gạch nối giữa hai chữ, các chữ và dấu gạch nối viết sát vào nhau, không có khoảng cách).
- HS nghe GV đọc từng cụm từ/ câu và viết vào VBT.
- HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.
- HS nghe bạn và GV nhận xét bài viết.

2.2. Phân biệt s/ x

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS tìm nghĩa của các cặp từ, đặt trong câu để chọn từ với nghĩa tương ứng (HS nghe GV giải thích thêm, nếu cần, VD: *sắc: màu sắc; xác: từ cầm tay hoặc đeo ở vai, thường bằng da, miệng có thể cài kín; say: (ngủ) rất sâu, không còn hay biết gì cả; xay: làm cho tróc vỏ, vỡ ra hay nhỏ mịn bằng cối quay).*
- HS thực hiện vào VBT, chia sẻ trong nhóm đôi (Đáp án: a. *chiếc xác vải – chỉ người sắc; b. vừa sinh – rất xinh; c. ngủ say – xay bột).*
- Một vài HS nêu kết quả trước lớp.
- HS nghe GV đánh giá bài làm.

2.3. Phân biệt ch/ tr hoặc thanh hỏi/ thanh ngã

- HS xác định yêu cầu của BT (3).
 - HS chọn một trong hai nội dung của BT, thực hiện vào VBT.
 - Một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- (Đáp án gợi ý: a. *chăm chỉ, chăm chú, chăm chút, chặt chẽ, chói chang, chang chang,.../ trống trọt, trang trại, trang trí, trầm trồ, trang trọng, trịnh trọng,...*; b. *khỏe*

khảo, âm ỉ, tí mỉ, vất vả, hối hả, lả tả, ra rả, hi hi, .../ mạnh mẽ, sạch sẽ, âm ỉ, vội vã, vật vã, rộn rã, kì cang, ...).

– HS nghe bạn và nghe GV đánh giá bài làm.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Nhận diện câu khiến

– HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc đoạn văn, tìm các câu nêu yêu cầu, đề nghị (câu khiến) và xác định dấu chấm cầu.

– Một vài nhóm chia sẻ kết quả trước lớp (Đáp án: *Con hãy nắm chặt tay em!; Đứng để em lạc lối; cuối mỗi câu khiến có dấu chấm than*).

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.2. Điền dấu câu

– HS xác định yêu cầu của BT 3, thực hiện yêu cầu BT trong nhóm nhỏ.

– Một vài nhóm chia sẻ kết quả trước lớp (Đáp án: Dấu chấm cuối các câu kể: “*Có Mùa Xuân... bông hoa mi.*”, “*Nước mắt... lần dài.*”, “*Từ nay, em sẽ là... của mùa xuân.*”; Dấu chấm than cuối các câu khiến: “*Hót đi!*”; “*Hót nữa đi, hoa mi nhé!*”).

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.3. Tìm câu khiến

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS trao đổi nhóm đôi và làm bài vào VBT (Đáp án: “*Hót đi!*”; “*Hót nữa đi, hoa mi nhé!*”).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.4. Đặt câu khiến

– HS xác định yêu cầu của BT 4 và làm bài cá nhân.

– Một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu hoạt động: *Chia sẻ cảm xúc của em khi tham gia một lễ hội ở trường.*

– HS thực hiện BT trong nhóm nhỏ (có thể nói về tên lễ hội, nêu một vài hoạt động em thích có trong lễ hội/ em tham gia, nói câu sử dụng từ ngữ chỉ cảm xúc: *thích, hào hứng, yêu thích, ...*).

- Một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS tham gia bình chọn *Người chia sẻ cảm xúc ấn tượng* bằng cách đưa biểu tượng về các mức độ hài lòng hoặc bằng cách tính số lượng bông hoa được bình chọn,...
- HS nghe GV công bố kết quả bình chọn.

BÀI 4: ĐỘC ĐÁO LỄ HỘI ĐÈN TRUNG THU (tiết 12 – 14, SHS, tr.20 – 23)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

- Giải được câu đố, nêu được tên một số loại đèn Trung thu; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài; hiểu được nội dung bài đọc: *Không khí tưng bừng của một lễ hội mùa thu ở tỉnh Tuyên Quang với những chiếc đèn Trung thu độc đáo và giàu ý nghĩa.*
- Viết được câu văn hoặc sáng tác được một vài dòng thơ ngắn về một loại đèn Trung thu em thích.
- 2.** Nghe – kể được truyện *Ông già mùa đông và cô bé tuyết*; thêm được vào đoạn cuối cảm xúc của các em nhỏ khi nhận được quà theo gởi ý.
- 3.** Nói và viết được đoạn văn ngắn thuật lại một ngày hội đã chứng kiến.
- 4.** Thực hiện được yêu cầu trò chơi *Đèn Trung thu không lồ*.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip một số cảnh lễ hội Trung thu, làm đèn và rước đèn Trung thu (nếu có), nhất là cảnh lễ hội Trung thu ở tỉnh Tuyên Quang và các kiểu đèn Trung thu ở Tuyên Quang.
- Bảng phụ ghi đoạn từ đầu đến *các ngã đường của thành phố*.
- Tranh ảnh, audio, video clip truyện *Ông già mùa đông và cô bé tuyết*, hình ảnh về Lễ hội Mùa Đông của nước Nga (nếu có).
- Tranh “Đèn Trung thu khổng lồ” phóng to (nếu được) hoặc hiệu ứng tạo trên phần mềm PowerPoint, flash,... (nếu có) để tổ chức hoạt động vận dụng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm đôi/ nhóm nhỏ: giải các câu đố, kể tên các loại đèn Trung thu.
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh họa và liên hệ với nội dung khởi động để phỏng đoán về nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Độc đáo lễ hội đèn Trung thu*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng đọc toàn bài thông thả, chậm rãi, vui tươi, nhấn giọng những từ ngữ thể hiện vẻ đẹp của cảnh lễ hội, hình ảnh các loại đèn Trung thu, cảm xúc trước những hình ảnh đèn Trung thu rực rỡ trong lễ hội*).
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:
 - + Cách đọc một số từ ngữ khó: *nào nức, rực rỡ, bay bổng, sâu sắc,...*
 - + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Trước lễ hội/ khoảng một tuần,/ những chiếc xe gắn đèn màu/ đã mang đến không khí nào nức rộn rã/ cho các ngã đường thành phố.//; Mọi người luôn mong chờ/ đến lễ hội để đón xem/ những chiếc đèn khổng lồ/ được làm từ đôi bàn tay khéo léo,/ chan chứa tình yêu quê hương của các nghệ nhân.//; ...*
 - + Giải thích thêm nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu cần), VD: *Tuyên Quang* (một tỉnh miền núi phía bắc Việt Nam, cách Hà Nội 131 ki-lô-mét); *rộn rã* (có nhiều âm thanh sôi nổi, vui vẻ và liên tiếp); *hòn hờ* (về mặt tươi tỉnh, lộ rõ vẻ hài lòng, thích thú); *đèn rồng, đèn phượng* (đèn hình con rồng, hình chim phượng hoàng);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

- HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 4 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *anh hùng dân tộc* (những người có công lao kiệt xuất, được nhân dân suy tôn làm anh hùng và ghi danh vào lịch sử dân tộc Việt Nam); *đèn rồng* (đèn hình con rồng – được người Việt xem là con vật linh thiêng, tổ tiên của mình, một trong tứ linh *long, lân, ly, quy, phụng/ phượng*), *đèn phượng* (đèn hình chim phượng hoàng, một trong tứ linh), *có Tấm* (tên một nhân vật trong truyện cổ tích *Tấm Cám*, tiêu biểu cho những người hiền lành, chăm chỉ, chất phác, trải qua nhiều khó khăn để có được cuộc sống hạnh phúc);...

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu (*Không khí tung bừng của một lễ hội mùa thu ở tỉnh Tuyên Quang với những kiểu đèn Trung thu độc đáo và giàu ý nghĩa*).

– HS trả lời câu hỏi 5 trong SHS bằng cách chọn một chiếc đèn Trung thu và nói về chiếc đèn đó (*GV khuyến khích HS nói tự do, phát triển ý tưởng bản thân; hoặc có thể gợi ý HS: hình dáng, màu sắc, hình ảnh trang trí, lồng đèn thủ công hay điện tử,...*)

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS nghe GV đọc đoạn từ đầu đến *các ngã đường của thành phố*.

– HS luyện đọc lại trong nhóm, trước lớp đoạn từ đầu đến *các ngã đường của thành phố*.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

1.2. Viết câu văn hoặc sáng tác thơ về đèn Trung thu

– HS xác định yêu cầu của BT 2: *Viết 1 – 2 câu văn hoặc sáng tác 2 – 4 dòng thơ về một loại đèn Trung thu em thích. (Lưu ý: không ép buộc kiểu câu, không ép buộc HS phải gieo vần; không ép buộc phải đủ bốn dòng; HS có thể đặt tên bài thơ hoặc không. Tuy nhiên, GV nên khuyến khích HS đặt tên cho bài).*

VD tham khảo:

+ **Đèn ông sao:** Đèn ông sao/ Sao năm cánh/ Sáng lấp lánh/ Dưới trăng vàng.

+ **Đèn cá chép:** Đèn Trung thu/ Cá chép vàng/ Cũng mơ màng/ Đi dự hội.

+ **Đèn con ong:** Đèn ong vàng/ Bay nhẹ nhàng/ Vút mùa lúa/ Đón chị Hằng.

– HS thực hiện vào VBT.

– Một vài HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét hoạt động.

2. Nói và nghe

Ông già mùa đông và cô bé tuyết

1. Khi mùa thu vàng đi khuất về phía chân trời xa, gió bắc hun hút và tuyết trắng tinh khôi lại về. Tối đến, các gia đình đều quây quần bên bàn ăn, cạnh lò sưởi ấm áp. Các cô bé, cậu bé hào hứng nghe kể chuyện, mong chờ Lễ hội Mùa Đông để được gặp ông già mùa đông và cô bé tuyết.

2. Mùa đông, mọi ngã đường đều ngập trong tuyết trắng lấp lánh. Ban đêm, thường chỉ nghe tiếng sỏi tru, tiếng hổ gầm gừ, tiếng cú kêu. Nhưng vẫn có những người rời căn nhà gỗ sỏi ấm cúng, đi vào rừng. Họ bảo nhau: “Đừng sợ, ông già mùa đông sẽ bảo vệ chúng ta...”.

3. Giữa rừng thẳm có một ông già cao lớn, râu dài trắng muốt, đứng cạnh cỗ xe tam mã. Ông gật gù khen gấu xám, cáo đỏ giúp ông chắt quả lên xe. Cạnh ông là một cô bé xinh xắn, da trắng như tuyết, tóc dài vàng rực, má hồng, môi đỏ. Cô dịu dàng bảo hươu, nai:

– Hai em gôi nhỏ nhỏ giúp chị.

Hươu và nai đồng thanh đáp:

– Vâng ạ.

Sóc nhanh nhẩu thưa:

– Chúng em gôi hạt dẻ xong rồi ạ.

4. Lễ hội Mùa Đông đến, ông già mùa đông và cô bé tuyết ngồi trên xe tam mã đến từng nhà phát quà cho trẻ nhỏ. Cô bé tuyết vừa động viên các bạn nhỏ mùa hát vừa thoăn thoắt giúp ông phát quà. Ai cũng tin rằng nếu nhận được quà của ông hoặc chỉ cần nhìn thấy hai ông cháu thì năm mới của họ cũng sẽ vô cùng may mắn, hạnh phúc.

Phạm Minh Châu, *phỏng theo Truyện dân gian Nga*

• **Ông già mùa đông:** một vị phúc thần của người Nga có nguồn gốc từ văn hoá dân gian Nga. Ông phát quà cho trẻ nhỏ vào Lễ hội Mùa Đông, ông có cháu gái là cô bé tuyết làm phụ tá. Người Nga thường tổ chức Lễ hội Mùa Đông vào dịp Giáng sinh hoặc đầu năm mới; họ thường làm một ngôi sao, giữa là hình nộm bà chúa tuyết. Ngày Lễ, họ mang ngôi sao đến lễ hội để tham gia trò chơi, hát hò, nhảy múa quanh đồng lửa và cùng chúc nhau mạnh khoẻ.

2.1. Nghe – kể chuyện

– HS đọc tên truyện, nghe GV giới thiệu thêm về hình tượng ông già mùa đông trong văn hoá Nga.

– HS đọc lại tên truyện, xem tranh minh họa, phỏng đoán nội dung truyện.

– HS nghe GV kể chuyện lần thứ nhất (có thể dùng tệp ghi âm giọng kể, nếu có) để kiểm tra phỏng đoán. GV vừa kể vừa dùng các câu hỏi kích thích sự phỏng đoán, trí tò mò nhằm thu hút sự tập trung chú ý của HS, VD: *Vì sao các cô bé cậu bé mong chờ Lễ hội Mùa Đông? Có ai ra ngoài vào đêm đông giá lạnh và tuyết ngập mọi ngã đường không?...*

– HS trao đổi về phỏng đoán của mình sau khi nghe kể chuyện.

– HS nghe GV kể chuyện lần thứ hai (có thể dùng tệp ghi âm và ghi hình giọng kể phối hợp với tranh, hình ảnh động minh họa) kết hợp quan sát từng tranh minh họa để ghi nhớ nội dung từng đoạn câu chuyện.

2.2. Kể từng đoạn câu chuyện

– HS quan sát tranh và từ ngữ gợi ý dưới tranh, kể nối tiếp từng đoạn trong nhóm 4 (GV có thể gợi ý HS sáng tạo bằng cách thêm từ ngữ miêu tả, từ ngữ chỉ âm thanh, chỉ cảm xúc (VD: *lạnh ơi là lạnh* (đoạn 1), *à uôm, củ... củ* (đoạn 2), từ ngữ xưng hô, VD: *ông ơi, chị ơi* (đoạn 3, 4), *thật ngạc nhiên* (đoạn 4),...))

– HS nghe 1 – 2 nhóm kể nối tiếp từng đoạn câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Kể lại toàn bộ câu chuyện

– HS kể lại toàn bộ câu chuyện trong nhóm 4.

– 1 – 2 HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Tưởng tượng, kể thêm phần kết cho câu chuyện

– HS đọc yêu cầu BT 4.

– HS quan sát tranh 4, nghe GV hướng dẫn cách thêm vào đoạn cuối cảm xúc của các em nhỏ khi nhận quà dựa vào một số câu hỏi gợi ý:

+ Gương mặt, ánh mắt, dáng vẻ của các em nhỏ cho thấy tình cảm, cảm xúc của các em nhỏ như thế nào khi nhận quà?

+ Có thể dùng từ ngữ nào ngoài hai từ ngữ đã cho để thêm vào đoạn cuối cảm xúc của các em nhỏ khi nhận quà?

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ nêu từ ngữ có thể dùng (*vui mừng, vui sướng, phấn khởi, húng thú, vô cùng thích thú,...*).

– Một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần cảm xúc thêm vào.

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Nói về một ngày hội em đã chứng kiến

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS dựa trên dàn ý đã lập ở tuần trước để nói về một ngày hội em đã chứng kiến theo cặp hoặc nhóm nhỏ.

– HS nghe GV lưu ý một số nội dung khi thuật lại một sự việc đã chứng kiến:

+ Tên ngày hội, thời gian, nơi diễn ra

+ Các hoạt động chính của ngày hội (có thể thêm các từ *bắt đầu, tiếp theo, sau đó, kết thúc/ cuối cùng*)

+ ...

(**Lưu ý:** Với HS lớp 3, chỉ dừng lại ở mức độ yêu cầu HS nhận diện và thực hành những nội dung chính yếu của thể loại thuật việc được chứng kiến, chưa yêu cầu ở mức độ chuẩn theo cấu trúc và thể loại của một bài văn tường thuật)

3.2. Viết đoạn văn thuật lại một ngày hội em đã chứng kiến

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS viết đoạn văn (từ 7 đến 9 câu) dựa trên nội dung đã nói vào VBT.
- Một vài HS đọc bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động vận dụng: *Chơi trò chơi Đèn Trung thu không lò.*

- HS chọn một yêu cầu ghi trên cánh sao và thực hiện trong nhóm nhỏ.
- HS nghe một vài nhóm hoặc cùng cả lớp thực hiện hoạt động (nếu điều kiện không gian, thời gian lớp học và đồ dùng dạy học cho phép. GV có thể dùng tranh Đèn Trung thu không lò phóng to hoặc dùng hiệu ứng trên phần mềm PowerPoint, flash, để HS tham gia chọn một yêu cầu ghi trên cánh sao).
- Một vài HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét về hoạt động.

Chủ điểm 10. NGHỆ SĨ TÍ HON (Tuần 21 – 22)

Chủ điểm *Nghệ sĩ tí hon* hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực*: bước đầu cảm nhận được giá trị tinh thần mà các môn nghệ thuật mang lại cho cuộc sống, khơi gợi cảm xúc tích cực với các môn nghệ thuật, với những nghệ nhân, nghệ sĩ hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật và trong cuộc sống. Từ đó, các em ý thức hơn với việc học và tìm hiểu các môn nghệ thuật, trân trọng và sử dụng có hiệu quả các sản phẩm nghệ thuật, làm phong phú đời sống tinh thần của bản thân.

BÀI 1: TỪ BẢN NHẠC BỊ ĐÁNH RƠI (tiết 1 – 4, SHS, tr.24 – 27)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Chia sẻ được với bạn về một bài hát em thích; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài đọc, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; bước đầu đọc lời các nhân vật và người dẫn chuyện với giọng phù hợp; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài; hiểu được nội dung bài đọc: *Bản nhạc đầu tiên, trong sáng của nghệ sĩ thiên tài Mô-da có hoàn cảnh ra đời thật đặc biệt.*

– Tìm đọc một bài thơ về một môn nghệ thuật hoặc một bài thơ thiếu nhi, viết được *Phiếu đọc sách* và chia sẻ được hình ảnh em thích được nhắc đến trong bài thơ.

2. Viết đúng kiểu chữ hoa: O, Ô, O, Q, tên riêng và câu ứng dụng.

3. Mở rộng vốn từ về *Nghệ thuật*, đặt câu về hoạt động nghệ thuật; mở rộng câu *Đã làm gì?*

4. Giới thiệu được một bài hát mà em thích.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, audio, video clip về Mô-da và một vài bản nhạc của ông (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Về tới nhà...* đến hết.
- HS mang theo sách, báo có bài thơ về một môn nghệ thuật hoặc về thiếu nhi và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép về bài thơ.
- Mẫu chữ viết hoa O, Ô, O, Q cỡ nhỏ.
- Thẻ từ ghi sẵn một số từ ngữ cho bài tập LTVC.
- Tranh ảnh, video clip một số bài hát quen thuộc với HS (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm, từ đó nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm *Nghệ sĩ tí hon*.
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về một bài hát em thích: tên bài hát, tên tác giả, lời bài hát,...
- HS đọc tên bài, quan sát tranh minh họa, nêu phỏng đoán về nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Từ bản nhạc bị đánh rơi* (Bài đọc là một mẫu chuyện kể về thời thơ ấu của Mô-da (Wolfgang Amadeus Mozart, 1756 – 1791), nhà soạn nhạc người Áo. Mô-da sáng tác những khúc nhạc đầu tiên khi mới 4 – 5 tuổi. Sau này, ông trở thành một trong những nhà soạn nhạc nổi tiếng có nhiều ảnh hưởng quan trọng tới nhạc cổ điển châu Âu. Các tác phẩm của ông được xem là đỉnh cao của nhạc pi-a-nô, nhạc thính phòng, nhạc giao hưởng, nhạc tôn giáo, ô-pê-ra và đã trở thành một phần quan trọng trong nhiều buổi hoà nhạc).

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng người dẫn chuyện thông thả, vui tươi; giọng cha trầm ấm, thể hiện tình yêu và niềm tự hào; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, cảm xúc – suy nghĩ của Mô-da, Lê-ô-pôn và ông chủ rạp hát*).

– HS đọc thành câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *Lê-ô-pôn, Mô-da, rơi rớt, ...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Một hôm,/ trước khi đi làm,/ ông Lê-ô-pôn/ đưa cho Mô-da bản nhạc/ ông viết tặng con gái chủ rạp hát/ nhân dịp sinh nhật.//; Câu buồn bã quay về,/ ngồi vào đàn/ và nảy ra sáng kiến:/ viết một bản nhạc mới/ thay cho bản nhạc đã đánh rơi.//; ...*

+ Giải thích thêm nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu cần), VD: *Lê-ô-pôn* (Leopold Mozart (1719 – 1787) là cha của Mô-da; ông là một nhà soạn nhạc, một nhà sư phạm âm nhạc giỏi, là người thầy đầu tiên và là người có ảnh hưởng rất lớn đến Mô-da); *sáng kiến* (ý kiến mới, có tác dụng làm cho công việc tiến hành tốt hơn),...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 4 trong SHS (Câu 4: *Cha của Mô-da tin rằng sau này con mình sẽ trở thành một nhạc sĩ lớn vì bản nhạc đầu tiên do Mô-da viết khi còn rất nhỏ, lại trong sáng, rất đáng yêu, được nhiều người yêu thích*), kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có).

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 5 trong SHS.

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại

- HS xác định được giọng đọc của người dẫn chuyện, của từng nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.
- HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Về tới nhà...* đến hết.
- HS luyện đọc phân vai trong nhóm đoạn từ *Về tới nhà...* đến hết.
- HS nghe 1 – 2 nhóm đọc phân vai trước lớp đoạn từ *Về tới nhà...* đến hết.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một bài thơ về một môn nghệ thuật hoặc về thiếu nhi

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

- HS tìm đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài thơ về một môn nghệ thuật hoặc về thiếu nhi theo hướng dẫn của GV.
- + Viết vào *Phiếu đọc sách* những hình ảnh em thích sau khi đọc bài thơ: tên bài thơ, tên tác giả, hình ảnh đẹp, cách em tìm bài thơ...
- + Trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ đề hoặc nội dung bài thơ.

1.2.2. Chia sẻ hình ảnh em thích trong bài thơ

- HS dựa vào *Phiếu đọc sách* chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ hình ảnh em thích được nhắc đến trong bài thơ. HS có thể đọc bài thơ cho bạn nghe hoặc chia sẻ bài thơ cho các bạn trong nhóm.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào Góc sáng tạo/ Góc sân phẩm.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Ôn viết chữ O, Ô, Ơ, Q hoa

- HS quan sát mẫu chữ O hoa, nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ O hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu (hoặc quan sát qua phần mềm viết chữ) và nhắc lại quy trình viết chữ O hoa.
- HS viết chữ O hoa cỡ nhỏ vào bảng con (nếu HS viết tốt, GV có thể bỏ qua bước này, cho HS viết vào VTV).

– HS quan sát mẫu chữ *Ô, Ơ, Ớ, Ỗ* hoa, xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của chữ *Ỗ* hoa trong mối quan hệ so sánh với chữ *Ơ* hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu (hoặc quan sát qua phần mềm viết chữ) và nhắc lại quy trình viết chữ *Ô, Ơ, Ớ, Ỗ* hoa (nếu HS viết tốt có thể chọn một HS thay GV viết chữ *Ỗ* hoa trên bảng cho cả lớp quan sát).

– HS viết chữ *Ơ, Ớ, Ỗ, Ỗ* hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết từ ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ ứng dụng *Quang Trung* (Hoàng đế Quang Trung (1753 – 1792), tên thật là Nguyễn Huệ, ông là một nhà chính trị, nhà quân sự tài giỏi, lãnh đạo nhân dân đánh bại quân Thanh và quân Xiêm, đưa nước ta thoát khỏi họa xâm lăng).

– HS nhắc lại quy trình viết chữ *Ỗ* hoa và cách nối từ chữ *Ỗ* hoa sang chữ *u*, và chữ *T* hoa sang chữ *r* (nếu cần).

– HS quan sát cách GV viết chữ *Quang Trung* (nếu cần).

– HS viết chữ *Quang Trung* vào VTV.

2.3. Luyện viết câu ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng:

Quả treo lưc liu trên cành

Em đưa nét vẽ ngọt lành vào tranh.

Nguyễn Thảo

– HS viết câu ứng dụng vào VTV.

2.4. Luyện viết thêm

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ *Ồ Quan Chưởng* (tên một cửa ra vào Hà Nội xưa, nay nằm trên phố *Ồ Quan Chưởng*, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội).

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng: *Quang cảnh buổi diễn văn nghệ thật sôi động, hấp dẫn.*

– HS viết nội dung luyện viết thêm vào VTV.

2.5. Đánh giá bài viết

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Mở rộng vốn từ Nghệ thuật

– HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc từ ngữ trên các thẻ từ.

– HS thảo luận trong nhóm nhỏ.

– HS thực hiện vào VBT.

– 1 – 2 HS chữa bài trước lớp (Đáp án: a. Chỉ môn nghệ thuật: *mỹ thuật, khiêu vũ thể thao, âm nhạc*; b. Chỉ dụng cụ khi tham gia hoạt động nghệ thuật: *trống, đàn, bàn nhạc, trang phục, máy quay phim, giá vẽ*; c. Chỉ cảm xúc khi tham gia hoạt động nghệ thuật: *say mê, vui vẻ, hào hứng*).

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

3.2. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động nghệ thuật

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS quan sát tranh và từ ngữ gợi ý, tìm từ ngữ phù hợp trong nhóm nhỏ bằng kĩ thuật *Khăn trải bàn*.

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung (Đáp án: *hoa sĩ – vẽ tranh, nhạc công – chơi đàn, diễn viên múa – múa, người quay phim – quay phim, nhà điêu khắc – tạc tượng*).

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

3.3. Đặt câu về hoạt động nghệ thuật

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS đọc lại các từ ngữ tìm được ở BT 2 và câu mẫu, đặt câu theo yêu cầu trong nhóm đôi.

– HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả đặt câu trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.4. Mở rộng câu Để làm gì?

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS làm bài cá nhân, chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp (Đáp án: *Mô-da này ra sáng kiến viết một bản nhạc để làm gì? Những người thợ đã miệt mài làm việc để làm gì? Nhiều người đến đây để làm gì?*). GV có thể nói thêm: từ ngữ chỉ mục đích có thể đứng đầu hoặc đứng cuối câu, thường có từ *để/nhằm* đứng trước).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Giới thiệu về một bài hát đã học trong giờ Âm nhạc mà em thích.*
- HS giới thiệu trong nhóm nhỏ: Từng bạn nêu tên bài hát, tên nhạc sĩ sáng tác, nội dung bài hát, lí do mình thích và có thể hát 1 – 2 câu trong bài.
- HS mỗi nhóm chọn một bài để giới thiệu và có thể biểu diễn (hát) trước lớp sau khi giới thiệu trong nhóm.
- HS bình chọn nhóm *Người hâm mộ đáng yêu*, nêu lí do em bình chọn.
- HS chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc sau khi thực hiện hoạt động.
- HS nghe bạn và GV nhận xét hoạt động.

BÀI 2: QUẢNG CÁO (tiết 5 – 7, SHS, tr.28 – 31)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

- Trao đổi được với bạn về một tin quảng cáo em thích, nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động.
- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, bước đầu thể hiện đúng giọng đọc văn bản thông tin; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài; hiểu được nội dung bài đọc: *Quảng cáo Chương trình văn nghệ Xuân yêu thương của Câu lạc bộ Nghệ sĩ nhi thật sinh động, hấp dẫn.*
- Đặt được tên các tiết mục và nói được câu về một tiết mục biểu diễn.
- 2. Nói về một nhân vật trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình em thích dựa vào gợi ý.
- 3. Nhận diện đúng, biết tìm ý cho bài viết đoạn văn ngắn thể hiện tình cảm, cảm xúc với một nghệ sĩ hoặc một nhân vật trong phim hoạt hình.
- 4. Trao đổi được ý nghĩa của Chương trình văn nghệ Xuân yêu thương.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip một số quảng cáo vui nhộn, nhất là những quảng cáo về các chương trình biểu diễn nghệ thuật (nếu có).
- Bảng phụ ghi nội dung quảng cáo một số tiết mục.
- Một số truyện tranh hoặc tờ quảng cáo, hình ảnh, video clip các nhân vật quen thuộc trong phim hoạt hình (nếu có).
- Tranh ảnh, video clip một số hoạt động thiên nhiên của HS ở lớp, trường (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về một tin quảng cáo:
 - + Em đọc hoặc xem quảng cáo ở đâu?
 - + Điều gì ở quảng cáo khiến em thích? (GV có thể đặt câu hỏi gợi ý cho HS nêu suy nghĩ qua hình ảnh, âm thanh, từ ngữ/ cách trình bày chữ viết,...)
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh họa và nội dung khởi động, nêu phỏng đoán về nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Quảng cáo*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng đọc toàn bài trong sáng, vui tươi; nghỉ hơi hợp lý sau mỗi tiết mục, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động hoặc tên tiết mục biểu diễn*).
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:
 - + Cách đọc một số từ ngữ khó: *đi dôm, vui nhộn, độc đáo, thân thiện,...*
 - + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Hân hạnh chào đón thầy cô giáo/ phụ huynh/ và các bạn học sinh./; Toàn bộ số tiền/ quyền góp được từ buổi biểu diễn/ Ban Tổ chức dùng để mua quà Tết/ tặng các bạn thiếu nhi/ ở mái ấm Hoa Sữa./;...*
- + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *tiết mục* (từng mục được biểu diễn trong một chương trình), *đi dôm* (có tác dụng gây vui, gây cười một cách nhẹ nhàng và có ý vị), *quyền góp* (đóng góp hoặc vận động mọi người đóng góp tiền của để làm việc nghĩa, việc có ích chung),...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

- HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 3 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có).
- HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.
- HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 4 và 5 trong SHS (Câu 4: HS cần giải thích được lí do, GV có thể hướng dẫn HS dựa vào từ ngữ chỉ đặc điểm và từ ngữ gợi tên nội dung quảng cáo, Câu 5: khuyến khích HS đưa câu trả lời theo ý kiến của bản thân, tránh gò ép, chỉ chỉnh sửa nếu câu trả lời ảnh hưởng đến đạo đức, thuần phong mỹ tục).

1.1.3. Luyện đọc lại

- HS xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.
- HS nghe GV đọc toàn bài.
- HS luyện đọc nội dung quảng cáo 2 – 3 tiết mục em thích trong nhóm, trước lớp.
- HS khá, giỏi đọc toàn bài.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

1.2. Đặt tên và nói về một tiết mục biểu diễn

- HS xác định yêu cầu BT 2.
- HS trao đổi, đặt tên cho tiết mục biểu diễn trong từng bức tranh theo nhóm nhỏ.
- Một vài nhóm HS nói trước lớp. (Đáp án: *áo thuật, nhảy hiện đại, biểu diễn đàn bầu, biểu diễn thời trang*).
- HS xác định yêu cầu BT 3.
- Một vài nhóm HS chia sẻ trước lớp, có thể kết hợp sử dụng hình ảnh, audio và video clip.
- HS nghe bạn và GV nhận xét nội dung nói.

2. Nói và nghe

2.1. Đọc lời nhân vật và trả lời câu hỏi

- HS đọc và phân tích yêu cầu BT 1, quan sát tranh.
- HS đọc lời bạn nhỏ trong tranh và trả lời câu hỏi theo yêu cầu BT trong cặp/ nhóm nhỏ.
- Một vài cặp/ nhóm HS nói trước lớp (có thể sử dụng tranh, ảnh nhân vật hoặc bìa truyện tranh).
- HS nghe bạn và GV nhận xét và chốt lại một vài lưu ý khi nói về một nhân vật trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình.

2.2. Nói về một nhân vật trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình

- HS đọc và phân tích yêu cầu BT 2.
- HS đọc các gợi ý và trả lời một vài câu hỏi của GV để thực hiện yêu cầu BT:
 - + Em thích đọc truyện hoặc xem bộ phim hoạt hình nào?
 - + Em thích nhân vật nào trong truyện hoặc phim hoạt hình?
 - + Đặc điểm nổi bật của nhân vật đó là gì?

- + Hình dáng, màu sắc hoặc trang phục của nhân vật thể nào?
- HS nói theo yêu cầu BT trong nhóm nhỏ.
- Một vài HS trình bày trước lớp (có thể sử dụng tranh, ảnh nhân vật).
- HS nghe bạn và GV nhận xét nội dung nói.

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Nhận diện thể loại văn nêu tình cảm, cảm xúc

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc những dòng cảm xúc của Dế Mèn về tiết mục biểu diễn của Hoa Mi sau Hội thi nhạc.
- HS thảo luận trong nhóm nhỏ trả lời các câu hỏi:
 - + Tìm hiểu đoạn viết (đoạn văn viết về tình cảm, cảm xúc của Dế Mèn trước tiết mục biểu diễn của Hoa Mi).
 - + Tìm hiểu cách viết (*Câu đầu đoạn thể hiện điều gì? – tình cảm, cảm xúc của Dế Mèn về tiết mục biểu diễn của Hoa Mi; Từ ngữ, dấu câu nào giúp em nhận ra điều đó? – “đùng là” và dấu chấm than; Các câu tiếp theo, Dế Mèn nói những gì về Hoa Mi? – sự chăm chỉ và tác dụng của giọng hát Hoa Mi; Câu cuối đoạn, Dế Mèn khẳng định điều gì? – Hoa Mi là nghệ sĩ rừng xanh; ...*).
- HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp.
- HS nghe bạn nhận xét và GV chốt ý (có thể dùng sơ đồ để chốt về cấu trúc và một vài lưu ý khi làm bài).
- HS rút ra những lưu ý khi viết đoạn văn ngắn về tình cảm, cảm xúc đối với một người biểu diễn tiết mục mình thích (GV lưu ý HS: viết câu thể hiện tình cảm, cảm xúc/ nhận xét và có thể đặt ở vị trí đầu đoạn: cách dùng từ ngữ bộc lộ cảm xúc, cách dùng dấu chấm câu ở câu biểu thị cảm xúc; câu cuối đoạn: khẳng định lại tình cảm, cảm xúc/ nhận xét).

3.2. Tìm ý cho đoạn văn ngắn nêu tình cảm, cảm xúc

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.
- HS trả lời một vài câu hỏi của GV để định hướng cho HS thực hiện yêu cầu:
 - + Em sẽ nêu tình cảm, cảm xúc của em với nghệ sĩ hay nhân vật nào?
 - + Nghệ sĩ hoặc nhân vật đó có đặc điểm nào gây ấn tượng với em? (tài năng, tính cách, lời nói, việc làm, ...)
 - + Tình cảm, cảm xúc của em trước những đặc điểm gây ấn tượng đó như thế nào?
 - + Em học được điều gì từ nghệ sĩ hoặc nhân vật đó? (tài năng, tính cách, lời nói, việc làm, ...)

+ Em sẽ dùng những từ ngữ, câu văn nào để thể hiện tình cảm, cảm xúc của mình?
(thích thú, yêu thích, cảm động, xúc động, ấn tượng, nhớ mãi,...)

+ ...

- HS làm bài cá nhân vào VBT, tập ghi chép bằng sơ đồ.
- Một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét để bổ sung, hoàn chỉnh nội dung tìm ý.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động vận dụng: *Trao đổi với bạn bè hoặc người thân ý nghĩa của Chương trình văn nghệ Xuân yêu thương.*

– HS thảo luận trong nhóm nhỏ (Gợi ý: *một hoạt động thiết thực, tăng cường sự gắn bó, thân thiện giữa HS các khối lớp, PH và GV, HS; giáo dục tình thương yêu chia sẻ với những bạn nhỏ có hoàn cảnh khó khăn, ...*).

- 1 – 2 nhóm HS trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả thực hành.

BÀI 3: NGHỆ NHÂN BÁT TRĂNG (tiết 8 – 11, SHS, tr.32 – 35)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Chưa sẽ được về một nghề hoặc làng nghề truyền thống mà em biết, nếu được phòng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngắt nghỉ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài; hiểu được nội dung bài đọc: *Cả ngời đôi bàn tay khéo léo của nghệ nhân Bát Trạng đã làm ra những sản phẩm gốm độc đáo.*

– Tìm đọc một bài văn về một môn nghệ thuật, viết được *Phiếu đọc sách* và chia sẻ với bạn câu có hình ảnh so sánh về môn nghệ thuật.

2. Nghe – viết đúng đoạn văn *Sắc màu*, phân biệt được *êu/ yêu, l/ n* hoặc *ư/ ư*.

3. Tìm được từ ngữ biểu thị ý câu khiến; chuyển đổi được câu kể thành câu khiến.

4. Đặt được câu khiến để mượn sách, xin phép tham gia câu lạc bộ.

5. Nói được câu thể hiện cảm xúc, ca ngợi.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh ảnh, video clip ghi lại hình ảnh nghệ nhân Bát Trạng tạo hình, trang trí,... sản phẩm gốm hoặc cảnh làm việc của nghệ nhân các làng nghề truyền thống ở địa phương (nếu có).

- Bảng phụ ghi đoạn từ *Bút nghiêng lắt phất... đến nghệ nhân Bát Tràng*.
- Thẻ từ ghi sẵn một số từ ngữ cho BT chính tả, LTVC.
- HS mang theo sách, báo có bài văn về một môn nghệ thuật và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép ngắn gọn về bài văn đã đọc.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ về một nghề hoặc làng nghề truyền thống mà em biết (GV cũng có thể cho HS xem tranh ảnh, video clip cảnh làm việc của nghệ nhân các làng nghề truyền thống ở địa phương,... và trao đổi về những điều em thấy trong tranh ảnh, video clip).

– HS quan sát tranh minh họa, đọc tên bài, liên hệ với nội dung khởi động, nêu phỏng đoán về nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Nghệ nhân Bát Tràng*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng đọc trong sáng, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động của bàn nhô và vẻ đẹp của cảnh vật được trang trí trên những sản phẩm gốm; hai dòng thơ cuối đọc chậm lại*).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *bống, bay lá, bay la, luy tre, tròn trĩnh,...*

+ Cách ngắt nhịp một số dòng thơ:

Bút nghiêng/ lắt phất hạt mưa/

Bút chao/ gợn nước Tây Hồ lặn tận//

Hài hoà/ đường nét hoa văn/

Dáng em,/ dáng của/ nghệ nhân Bát Tràng//

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *chao* (đưa qua đưa lại, khi nghiêng bên này khi nghiêng bên kia), *Tây Hồ* (chỉ Hồ Tây, còn gọi là hồ Kim Ngưu, Lăng Bạc, Dâm Đàm, Đoàn Hồ, là hồ nước tự nhiên lớn nhất nằm ở nội thành Thủ đô Hà Nội, thuộc

quận Tây Hồ), *hoa văn* (hình trang trí được vẽ, chạm, khắc trên các đồ vật (nói khái quát)); GV giải thích thêm từ “em” trong bài thơ (nhân vật “em” hàm ý chỉ người vẽ hoa văn trên sản phẩm gốm Bát Tràng còn trẻ tuổi).

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 3 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *hài hoà* (có sự kết hợp cân đối giữa các yếu tố, các thành phần, gây được ấn tượng về cái đẹp, cái hoàn hảo), *lần lần* (có nhiều cơn nước nhỏ nổi lên liên tiếp và chen sát nhau trên bề mặt),...

– HS rút ra nội dung bài thơ trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 4 trong SHS (Câu 4: *Vì những nét vẽ của nhân vật “em” đẹp như nét vẽ của nghệ nhân.*)

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài thơ.

– HS nghe GV đọc đoạn từ *Bút nghiêng lối phát... đến nghệ nhân Bát Tràng*.

– HS luyện đọc bốn dòng thơ cuối trong nhóm, trước lớp và học thuộc lòng bài thơ bằng cách tự nhẩm thuộc, xoá dần hoặc thay chữ bằng hình,...

– Một số HS thi đọc thuộc lòng trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một bài văn về một môn nghệ thuật

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

– HS tìm đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài văn về một môn nghệ thuật theo hướng dẫn của GV.

+ Viết vào *Phiếu đọc sách*: Tên bài văn, tên tác giả, tên môn nghệ thuật, hình ảnh đẹp, ấn tượng của môn nghệ thuật,...

+ Trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bài văn.

1.2.2. Chia sẻ câu văn có hình ảnh so sánh

– HS đưa vào *Phiếu đọc sách* chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ 2 – 3 câu có hình ảnh so sánh về môn nghệ thuật. HS có thể nói câu có hình ảnh so sánh về môn nghệ thuật được nhắc đến trong bài hoặc chia sẻ bài văn cho các bạn cùng đọc.

– Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Nghe – viết

– HS đọc đoạn văn *Sắc màu*, trả lời 1 – 2 câu hỏi về nội dung (đoạn văn tả cảnh các bạn nhỏ đang vẽ, tả hình ảnh trong từng bức vẽ).

– HS quan sát, đánh vần (nếu cần) một số tiếng/ từ ngữ khó đọc, để viết sai do ảnh hưởng của ngữ nghĩa, cấu tạo, phương ngữ. VD: *đương, hoa, buồm, sãi, trắng,...*

– HS nghe GV đọc và viết vào VBT.

– HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.

– HS nghe bạn và GV nhận xét bài viết.

2.2. Phân biệt yêu/ yêu

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS thực hiện vào VBT (Đáp án: *yêu mến, kì diệu, yếu ớt, hiểu biết, yêu điệu, biểu diễn, điệu khúc, tin yêu, điệu múa*).

– HS chia sẻ kết quả trong nhóm hoặc trước lớp.

– HS đọc lại các từ đã điền, giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu cần), VD: *yếu đuối* (thường dùng để chỉ người phụ nữ có dáng người mềm mại, yếu ớt),...

– HS nghe bạn và GV đánh giá bài làm.

2.3. Phân biệt V n hoặc ư/ ư

– HS xác định yêu cầu của BT (3).

– HS chọn một trong hai nội dung của BT làm vào VBT (Đáp án: a. *(nốt) lá, no, nón lá; b. nứt, đứt, thức*).

– HS chia sẻ kết quả trong nhóm hoặc trước lớp (có thể tổ chức cho HS chơi *Tiếp sức*).

– HS giải nghĩa một số từ ngữ khó và đặt câu với 1 – 2 từ ngữ tìm được.

– HS nghe bạn và GV đánh giá bài làm.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Tìm từ ngữ biểu thị ý cầu khiến

- HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc các câu văn.
- HS tìm từ ngữ biểu thị ý cầu khiến theo yêu cầu trong nhóm nhỏ bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn* và thống nhất kết quả trong nhóm (Đáp án: a. *hãy* (có thể nêu thêm ý dùng từ *nhé* ở cuối câu); b. *nào* (cuối câu); c. *nên* (trước từ ngữ chỉ hoạt động *tô theo*).
- Một vài nhóm chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.2. Chuyển câu kể thành câu khiến

- HS xác định yêu cầu của BT 2, đọc câu kể cho trước.
- HS thực hiện yêu cầu BT trong nhóm 3 bằng kỹ thuật *Mảnh ghép*.
- Một vài nhóm chia sẻ kết quả trước lớp (GV lưu ý các câu đều có thể thực hiện cả ba cách: thêm từ ngữ chỉ ý cầu khiến vào trước từ ngữ chỉ hoạt động hoặc vào cuối câu hoặc vào đầu câu → GV khơi gợi để HS nêu kết quả; đối với HS khá, giỏi, GV có thể hướng dẫn HS dùng từ ngữ chỉ ý cầu khiến ở đầu câu, VD: *Đề nghị/ Mong bé tô màu bức tranh thật đẹp!*; *Đề nghị/ Mong các em chọn màu sắc phù hợp với bức vẽ!*; nhắc HS cách nói, đọc câu khiến và dấu kết thúc câu khiến).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.3. Đặt 1 – 2 câu khiến

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS làm bài cá nhân, chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ (**Lưu ý:** GV có thể gợi ý để HS xác định dùng từ ngữ cầu khiến phù hợp với tình huống, đảm bảo lịch sự trong giao tiếp; với mỗi tình huống HS có thể đặt 1 – 2 câu).
- Một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Nói câu thể hiện cảm xúc; câu ca ngợi.*
- HS thảo luận trong nhóm nhỏ thực hiện yêu cầu thứ nhất: *Nói 1 – 2 câu thể hiện cảm xúc khi thấy một sản phẩm gốm Bát Tràng đẹp* (VD: *Cái bình gốm này đẹp quá!*; *Con gà sứ trông thật ngộ nghĩnh!*; *Chà, cái lọ hoa quá đẹp!*,...).)
- Một vài nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS thảo luận trong nhóm nhỏ thực hiện yêu cầu thứ hai: *Nói 1 – 2 câu ca ngợi nghệ nhân Bát Tràng* (VD: *Những nghệ nhân làng gốm Bát Tràng thật khéo tay! Những nghệ nhân Bát Tràng có đôi tay thật tài hoa!...*).

– Một vài nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 4: TIẾNG ĐÀN (tiết 12 – 14, SHS, tr.36 – 39)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Chia sẻ được với bạn về một âm thanh em thích; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài; hiểu được nội dung bài đọc: *Ca ngợi tiếng đàn trong trẻo, hồn nhiên, đáng yêu, hoà quyện với khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp và cuộc sống thanh bình.*

– Tìm được từ ngữ miêu tả âm thanh của một số sự vật, hiện tượng.

2. Nghe – kể được truyện *Thi nhạc* theo gợi ý.

3. Nói và viết được đoạn văn ngắn về tình cảm, cảm xúc.

4. Nói được câu về bia truyền tranh hoặc tờ quảng cáo phim hoạt hình em thích.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh ảnh buổi biểu diễn đàn vi ô lông.

– Bảng phụ ghi đoạn từ đầu đến *khẽ rung động*.

– Tập ghi âm một số âm thanh (nếu có).

– Tranh ảnh, audio, video clip truyện *Thi nhạc* (nếu có).

– Tranh ảnh, bia truyền tranh, tờ quảng cáo phim hoạt hình, video clip một số nhân vật trong truyền tranh hoặc phim hoạt hình các em thích (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về một âm thanh em thích (*tiếng chim hót, tiếng hát, tiếng thác đổ, tiếng mưa rơi, tiếng gã gáy, tiếng gió thổi* – GV khơi gợi HS nói về những âm thanh em thích, không lệ thuộc vào hình ảnh gợi ý).

– HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ và nội dung khởi động, nêu phỏng đoán về nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Tiếng đàn*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng đọc trong sáng, vui tươi, nhấn giọng những từ ngữ chỉ âm thanh của tiếng đàn (trong trẻo); hoạt động, cảm xúc (kêu thờ, khẽ chạm,...), vẻ đẹp của Thuý, của cảnh vật xung quanh (trắng trẻo, ửng hồng, êm ái, mát rượi, lướt nhanh,...)*).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *vi ô lông, trắng trẻo, ắc sê, trong trẻo, mát rượi,...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Khi ắc sê/ vừa khẽ chạm vào những dây đàn/ thì như có phép lạ/, những âm thanh trong trẻo/ vút lên giữa yên lặng của gian phòng.//; Vầng trán cô bé/ hơi tái đi/ nhưng gò má ửng hồng/, đôi mắt sẫm màu hơn/, làn mi rậm cong dài/ khẽ rung động.//,....*

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *vi ô lông* (còn gọi là *vĩ cầm*, một loại đàn bốn dây),...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 5 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó.

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS trả lời câu hỏi 4, 5 trong SHS trong nhóm nhỏ (GV khuyến khích HS dùng kĩ thuật *Khăn trải bàn* để trả lời câu 4, nêu được các hình ảnh: *cánh ngọc lan rung êm ái, nền đất mát rượi, đàn trẻ con vui chơi, đàn chài bắt cá, hoa nở đỏ, bỏ câu lướt bay, thuyền giấy; câu 5: tiếng đàn, vì tiếng đàn trong trẻo, bay lên, ngân nga, lan toả,...*).

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ đầu đến *khẽ rung động*.

– HS luyện đọc lại trong nhóm, trước lớp đoạn từ đầu đến *khẽ rung động*.

– HS khả, giỏi đọc toàn bài.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

1.2. Tìm từ ngữ miêu tả

– HS tìm từ ngữ miêu tả âm thanh và tham gia thi trước lớp (theo hình thức GV chọn ngẫu nhiên hoặc chơi trò chơi *Tiếp sức* giữa các đội/ nhóm). Đáp án gợi ý: tiếng đàn: *trung trẻo, ngân vang, róc rắt, êm đềm, du dương, trầm bổng, ...*; tiếng hát: *ngọt ngào, êm dịu, ngân nga, thánh thót, du dương, ...*; tiếng gió thổi: *rì rào, xào xạc, vi vu, ào ào, ...*; tiếng nước chảy: *róc rách, ầm ầm, ào ào, ...*).

– Một vài nhóm HS nói trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét nội dung nói.

2. Nói và nghe

Thi nhạc

1. Hôm nay, sau bao năm dốc toàn tâm lực dạy dỗ, thầy giáo Vàng Anh tổ chức thi nhạc cho những học trò ông yêu quý. Về Sầu với đôi mắt nâu lấp lánh trình bày bản giao hưởng “Mùa hạ”. Gian phòng tràn ngập một âm thanh sáng chói, vì ô lồng róc rắt, màu hoa phượng đỏ rực, nắng sáng trắng với bầu trời xanh mênh mông...

2. Gà Trống mở đầu khúc nhạc nhan đề “Bình minh” đầy hứng khởi. “Tờ róc... tờ re... te te”. Dế Mèn khoé khoé và trang nhả trong bộ đồ màu nâu cánh gián bắt đầu với bản giao hưởng “Mùa thu”. Những chiếc lá khô rơi trong nắng, nắng lung linh như những đợt sóng nguồn. Nàng Hoa Mí xuất hiện với tà áo tha thướt trình bày bản giao hưởng “Mùa xuân”. Những giọt mưa xuân nhẹ rơi, mầm cây hé nở, hoa đào nở lên hoa mắt...

3. Cuối cùng là phần trình diễn của Vịt với tác phẩm “Ao nhà”. Phong cách biểu diễn lôi cuốn làm mọi người hào hứng vỗ tay nhịp theo “Quac quac... quac quac!”. Âm nhạc diễn tả buổi sáng đẹp trời, mặt ao trong trẻo gọn lắt lắt.

4. Hội thi kết thúc, thầy giáo Vàng Anh đứng lên, xúc động nói:

– Ta rất vui lòng vì sự thành công của các con, cảm ơn các con đã cho ta niềm vui này. Ngày mai các con sẽ trở về với những miền quê yêu dấu của các con, chẳng còn ở bên ta nữa, nhưng lòng ta sẽ mãi dõi theo.

Theo Nguyễn Phan Hách

2.1. Nghe – kể chuyện

– HS đọc tên truyện và tranh minh họa, phỏng đoán nội dung truyện.

– HS nghe GV kể chuyện (có thể dùng tệp ghi âm giọng kể nếu có) để kiểm tra phỏng đoán. GV vừa kể vừa dùng các câu hỏi kích thích sự phỏng đoán, tri tò mò nhằm thu hút sự tập trung chú ý của HS, VD: *Những con vật nào tham gia hội thi?; Con vật nào biểu diễn?; Tiết mục của con vật đó là gì?; ...*).

– HS trao đổi về phỏng đoán của mình sau khi nghe kể chuyện.

– HS quan sát tranh, nghe GV kể đoạn 1 và hướng dẫn kể các đoạn dựa vào một số gợi ý (*Những con vật nào tham gia biểu diễn sau Vẽ Sầu?; Vết biểu diễn tiết mục gì?; Cuối buổi biểu diễn, thầy giáo nói gì?...*)

– HS quan sát tranh, cum từ gợi ý dưới tranh và nhớ lại các câu hỏi gợi ý để kể chuyện trong nhóm 4. (HS nghe GV hướng dẫn, sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật.)

2.2. Kể từng đoạn câu chuyện

– HS quan sát tranh và từ ngữ gợi ý dưới tranh, kể nối tiếp đoạn trong nhóm 4 (GV hướng dẫn khuyến khích HS sáng tạo bằng cách khi kể có thể thêm từ ngữ miêu tả, mô phỏng âm thanh, cảm xúc, từ ngữ chỉ trình tự,... VD: *ve ve ve ve* (đoạn 1), *rộn rã, trong vắt, vèo vèo* (đoạn 2), *biết bao, tuyết rơi* (đoạn 4),...

– HS nghe 1 – 2 nhóm kể nối tiếp từng đoạn câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Kể lại toàn bộ câu chuyện

– HS kể lại toàn bộ câu chuyện trong nhóm 4.

– HS nghe 1 – 2 HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Đóng vai để nói lời đáp của các học trò khi nghe lời dặn dò của thầy giáo Vàng Anh.

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS thảo luận nhóm để đóng vai, nói lời đáp của các học trò khi nghe lời dặn dò của thầy giáo Vàng Anh (VD: *Em cảm ơn thầy đã dạy dỗ, Em sẽ ghi nhớ làm theo lời thầy chỉ bảo...*).

– Một vài nhóm HS đóng vai nói trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Chia sẻ về tình cảm, cảm xúc của em

– HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc lại nội dung tìm ý cho đề bài viết về tình cảm của em với một nghệ sĩ hoặc một nhân vật trong bộ phim hoạt hình em thích ở tiết học tuần trước.

– HS nói trong nhóm đôi và nhận xét, giúp bạn hoàn chỉnh bài nói.

- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét về nội dung nói.

3.2. *Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của em*

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS nghe GV lưu ý một số nội dung khi viết:
 - + Nội dung
 - + Hình thức
 - + Độ dài
 - + ...

- HS viết các nội dung đã nói vào VBT.
- Một vài HS đọc bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.3. *Trang trí và trưng bày bài viết*

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS đọc lại bài và trang trí đơn giản cho bài viết.
- HS trình bày bài viết bằng kĩ thuật *Phòng tranh* trong nhóm hoặc trước lớp.
- HS tham quan *Phòng tranh* và đọc một bài viết em thích.

3.4. *Nói về điều em học được ở bài viết của bạn*

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ thực hiện yêu cầu BT (HS có thể nêu các từ ngữ, các hình ảnh so sánh hay, các câu rõ ràng và hay, thể hiện cảm xúc một cách sinh động,...).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. *VẬN DỤNG*

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Nói 2 – 3 câu về bức tranh hoặc tờ quảng cáo phim hoạt hình em thích.*
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét về nội dung hoạt động.

Chủ điểm 11. NIỀM VUI THỂ THAO (Tuần 23 – 24)

Chủ điểm *Niềm vui thể thao* hướng đến việc hình thành ở học sinh các phẩm chất *nhân ái, trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm*: bồi dưỡng tình cảm yêu thích thể thao, biết được vai trò của sức khoẻ, của thể dục thể thao,... Qua đó, giúp HS tích cực học tập môn Giáo dục thể chất, tham gia hoạt động thể dục thể thao; hứng thú với các hoạt động rèn luyện thể chất ở nhà và ở trường, biết giữ gìn an toàn khi tập luyện, thi đấu thể thao; biết giữ gìn sức khoẻ, nâng cao thể lực, góp phần rèn luyện đức tính tự tin, kĩ năng hợp tác và tinh thần đồng đội, rèn luyện tính kỉ luật,... cho HS.

BÀI 1: CUỘC CHẠY ĐUA TRONG RỪNG (tiết 1 – 4, SHS, tr. 40 – 43)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Kể được tên và nói về một môn thể thao; nêu được phỏng đoán về nội dung bài qua tên bài đọc, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; bước đầu đọc phân biệt được lời các nhân vật và lời người dẫn chuyện với giọng phù hợp; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Kể về cuộc chạy đua của ngựa con và lời khuyên cần cẩn thận, chu đáo, không được chủ quan khi làm bất cứ việc gì, cho dù là việc nhỏ nhất.*

– Tìm đọc một truyện về thể thao, viết được *Phiếu đọc sách*; chia sẻ với bạn điều em học được.

2. Viết đúng kiểu chữ hoa: U, Ư, tên địa danh và câu ứng dụng.

3. Mở rộng vốn từ về *Thể thao*; đặt được câu nêu đặc điểm của một dụng cụ thể thao; đặt thêm câu để hoàn thành được đoạn văn nói về lợi ích của việc luyện tập thể thao.

4. Trao đổi được về những việc cần chuẩn bị để có thể tham gia một cuộc thi đấu thể thao.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip về một số môn thể thao, hoạt động thể thao, dụng cụ thể thao.
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Ngựa con thích lắm... đến nhất định sẽ thắng mà!*
- Mẫu chữ viết hoa U, Ư cỡ nhỏ.

- Thẻ từ ghi sẵn một số từ ngữ cho bài tập LTVC.
- HS mang theo sách, báo có truyện về thể thao và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép về truyện đã đọc.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm, từ đó nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ về tên chủ điểm *Niềm vui thể thao*.
- HS xem tranh hoặc video clip các môn thể thao ở trường (nếu có), cho HS chơi trò chơi *Tiếp sức* (hoặc nói nối tiếp) theo nhóm để kể tên, nói về các môn thể thao em biết.
- HS đọc tên bài, quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động, nêu phỏng đoán về nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Cuộc chạy đua trong rừng*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng người dẫn chuyện vui, thay đổi theo diễn biến câu chuyện, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện thái độ của ngựa con, sự hào hứng của muông thú, không khí của cuộc đua, giọng ngựa cha ôn tồn, dịu dàng, giọng ngựa con: tự tin, pha vẻ ngạo ngạo; giọng hồ: rõ, vang*).
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *vòng nguyệt quế, sửa soạn, chải chuốt, hươu, sói rú, tập tễnh...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Hình ảnh chú hiện lên/ với bộ đồ nàu tuyền đẹp./ với cái bờm dài/ được chải chuốt/ ra dáng một nhà vô địch...//; Bỗng/ chú có cảm giác/ vương vướn ở chân và giật mình thảng thốt/ một cái móng lưng lay/ rồi rời hẳn ra...//; Ngựa con/ rút ra được bài học quý giá/ đừng bao giờ chú quan./ cho đâu/ đó/ là việc nhỏ nhất...//; ...*

+ Giải thích thêm nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu cần). VD: *chải chuốt* (sửa sang, tô điểm công phu, cầu kì cho hình thức bên ngoài), *ân hận* (băn khoăn, day dứt và tự trách mình đã để xảy ra việc không hay), *chú quan* (nhận thức không xuất phát từ thực tế mà xuất phát từ ý thức của bản thân),...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 4 trong SHS (Câu 4: *Vì ngựa con chuẩn bị cuộc thi không chu đáo, không chăm sóc bộ móng. Ngựa con không nghe lời khuyên của cha,...*), kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu cần); VD: *ngung nguỷ* (vùng vắng, tỏ ra gian dối, không vừa lòng), *rắn rần* (như rắn rần),...

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 5 trong SHS (HS trao đổi và trả lời dựa trên thực tế nhận thức của bản thân; GV khuyến khích HS trình bày ý kiến).

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc của người dẫn chuyện, ngựa cha, ngựa con và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS nghe GV đọc lại đoạn văn từ *Ngựa con thích lắm...* đến *sẽ thắng mà!*.

– HS luyện đọc phân vai trong nhóm đoạn từ *Ngựa con thích lắm...* đến *sẽ thắng mà!*.

– 1 – 2 nhóm HS đọc phân vai trước lớp.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một truyện về thể thao

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

– HS tìm đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một truyện về thể thao theo hướng dẫn của GV:

+ Viết vào *Phiếu đọc sách*: tên truyện, tên tác giả, tên môn thể thao, lợi ích của môn thể thao, nhân vật (hành động, việc làm,...).

+ Trang trí *Phiếu đọc sách* theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung truyện em đọc.

1.2.2. Chia sẻ điều em học được sau khi đọc truyện

– HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về điều em học được sau khi đọc truyện. HS có thể đọc một đoạn hoặc chia sẻ truyện cho các bạn trong nhóm.

– Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Ôn luyện viết chữ U, U' hoa

- HS quan sát mẫu chữ U hoa, nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ U hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nhắc lại quy trình viết chữ U hoa.
- HS viết chữ U hoa cỡ nhỏ vào bảng con (nếu HS viết tốt, GV có thể bỏ qua bước này, cho HS viết vào VTV).
- HS quan sát mẫu chữ U' hoa, nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của chữ U' hoa trong mối quan hệ so sánh với chữ U hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu (hoặc quan sát qua phần mềm viết chữ U' hoa) và nhắc lại quy trình viết chữ U' hoa (nếu HS viết tốt có thể chọn một HS thay GV viết chữ U' hoa trên bảng cho cả lớp quan sát).
- HS viết chữ U, U' hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết từ ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ ứng dụng *Uông Bí* (thành phố thuộc tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam, nơi có phong trào chạy việt dã tiêu biểu của cả nước).
- HS nhắc lại cách nối từ chữ U hoa sang chữ ô và chữ B hoa sang chữ i (nếu cần).
- HS quan sát cách GV viết chữ *Uông Bí* (nếu cần).
- HS viết chữ *Uông Bí* vào VTV.

2.3. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng:

Ước gì em hoá đám mây

Em che cho mẹ suốt ngày bóng râm.

Thanh Hào

(Câu thơ thể hiện điều ước mong của con và tâm lòng hiếu thảo của con đối với mẹ.)

- HS viết câu ứng dụng vào VTV.

2.4. Luyện viết thêm

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ *Ung Văn Khiêm* (1910 – 1991, quê An Giang, là một nhà cách mạng, từng giữ nhiều chức vụ cao cấp trong chính phủ Việt Nam) và câu ứng dụng: *Hằng năm, Uông Bí thường tổ chức giải chạy việt dã.* (Chạy việt dã là một môn thể thao chạy bộ, giúp nâng cao sức khỏe, tăng sức bền, dẻo dai).
- HS viết nội dung luyện viết thêm vào VTV.

2.5. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Mở rộng vốn từ Thể thao

– HS xác định yêu cầu của BT 1 (GV có thể cho HS quan sát tranh, video clip về một số hoạt động thể thao như bóng chuyền, cờ vua, thể dục dụng cụ, cầu lông dành cho thiếu nhi ở địa phương hoặc ở trường).

– HS phân loại các từ trong nhóm nhỏ (có thể dùng kĩ thuật *Khăn trải bàn*), thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ.

– HS chữa bài bằng hình thức chơi trò chơi *Tiếp sức* (Đáp án: a. Môn thể thao: *bóng chuyền, cầu lông, cờ vua*; b. Dụng cụ thể thao: *bàn cờ, quả bóng, vợt*; c. Hoạt động thể thao: *chuyền bóng, đánh cầu, đấu cờ*).

3.2. Đặt 1 – 2 câu nói về đặc điểm của một dụng cụ thể thao

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS quan sát mẫu (GV có thể gợi ý HS rút ra mẫu câu: *Ai (cái gì, con gì) thế nào?*; có thể cho HS quan sát tranh ảnh/ vật thật một số dụng cụ thể thao; gợi ý HS quan sát về hình dáng, kích thước, màu sắc và từ ngữ chỉ các đặc điểm về hình dáng, màu sắc,... của dụng cụ).

– HS tìm tên dụng cụ thể thao và đặc điểm theo cá nhân và chia sẻ, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ.

- HS làm bài cá nhân, trao đổi, góp ý nhận xét bài của mình và bạn trong nhóm đôi.
- Một vài HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.3. Hoàn thành đoạn văn nêu lợi ích của việc luyện tập thể thao

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS thảo luận nhóm các lợi ích của việc luyện tập thể thao.
- HS làm bài cá nhân, viết thêm 3 – 4 câu để hoàn thành đoạn văn.
- Một vài HS đọc đoạn văn trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu: *Trao đổi những việc cần chuẩn bị trước khi tham gia một cuộc thi đấu thể thao.*
- HS quan sát tranh minh họa, trao đổi trong nhóm đôi những điều cần chuẩn bị (luyện tập, chế độ ăn uống, trang phục, tâm lý,...) (GV khuyến khích HS liên hệ, mở rộng dựa vào hiểu biết của cá nhân).
- HS chia sẻ những điều cần chuẩn bị cho việc tham gia một cuộc thi đấu thể thao.
- Một vài HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét hoạt động.

BÀI 2: CÔ GÁI NHỎ HOA “KINH NGƯ” (tiết 5 – 7, SHS, tr. 44 – 46)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

- Chia sẻ được suy nghĩ về một bức tranh; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, khởi động và hình ảnh minh họa.
- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; bước đầu thể hiện đúng giọng đọc văn bản thông tin; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài; hiểu được nội dung bài đọc: *Giới thiệu, tự hào với thành tích xuất sắc của đoàn thể thao Việt Nam và của vận động viên bơi lội Nguyễn Thị Ánh Viên tại Đại hội thể thao Đông Nam Á lần thứ 30 ở Phi-lip-pin.*
- Đóng vai, nói và đáp được lời chúc mừng.

2. Nói được về một dụng cụ luyện tập thể thao theo gợi ý.

- 3. Nhận diện được cấu trúc đoạn văn thuật lại việc đã tham gia, lập được dàn ý cho đoạn văn thuật lại một trận thi đấu hoặc buổi luyện tập thể thao.

- 4. Kể được tên một số trò chơi vận động và nói được cảm xúc khi tham gia các trò chơi.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Video clip, tranh ảnh về lễ khai mạc, đoàn thể thao Việt Nam diễu hành, đội tuyển bóng đá nam, VĐV Vương Thị Huyền nhận HCV môn cử tạ, VĐV Ánh Viên tham gia thi đấu tại SEA Games 30; về SEA Games 29, ASIAN Para Games 29, 30 (nếu có).
- Bảng phụ viết sẵn đoạn từ *Đóng góp lớn... đến nhiều Huy chương Vàng nhất của kì Đại hội.*

- Thẻ từ ghi sẵn một số từ ngữ cho các hoạt động Nói và nghe, Vận dụng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ suy nghĩ về từng bức tranh: Đội tuyển bóng đá nam và tranh vận động viên trên bục nhận thưởng (GV có thể đặt câu hỏi gợi ý cho HS nêu suy nghĩ qua các hình ảnh về bối cảnh, nhân vật, cảm xúc,...).

– HS đọc tên bài, quan sát hình ảnh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động, nêu phỏng đoán về nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Cô gái nhỏ hoá “kính ngư”*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng đọc toàn bài thông thả, tự hào; nội dung nói về thành tích của VĐV Nguyễn Thị Ánh Viên đọc với giọng tự hào, trêu mến*).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *Phi-líp-pin, xuất sắc, siêu kính ngư,...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Trong lễ bế mạc, Nguyễn Thị Ánh Viên/ đã được vinh danh/ với giải thưởng dành cho vận động viên nữ xuất sắc nhất/ kì Đại hội Thể thao lớn nhất Đông Nam Á//,...*

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *Đại hội Thể thao Đông Nam Á* (tên tiếng Anh là SEA Games: sự kiện thể thao tổ chức hai năm một lần, với sự tham gia của các vận động viên từ các nước trong khu vực Đông Nam Á); *vinh danh* (tôn vinh tên tuổi, công lao của một cá nhân hoặc một tập thể),...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 4 trong SHS (Câu 4: *Người viết đã gọi Nguyễn Thị Ánh Viên bằng các từ ngữ “siêu kính ngư”, “tiểu tiên cá” người Cẩn Thơ” vì tài bơi lội của nữ VĐV trẻ tuổi, quê Cẩn Thơ*), kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có), VD: *tiểu tiên cá* (nàng tiên cá nhỏ),...

- HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.
- HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 5 trong SHS (GV khuyến khích HS mạnh dạn trình bày suy nghĩ, gợi ý: *tự hào, yêu thích, mong muốn trở thành vận động viên,...*).

1.1.3. Luyện đọc lại

- HS xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.
- HS luyện đọc đoạn từ *Đóng góp lớn...* đến *nhều Huy chương Vàng nhất của kì Đại hội* trong nhóm, trước lớp.
- HS khá, giỏi đọc toàn bài.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

1.2. Đóng vai, nói và đáp lời chúc mừng

- HS xác định yêu cầu BT.
- HS thực hiện BT trong nhóm nhỏ: Đóng vai, nói và đáp lời chúc mừng của các vận động viên trong đoàn thể thao Việt Nam với vận động viên Anh Viên.
- Một vài nhóm HS trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Nói và nghe

2.1. Đọc lời nhân vật và trả lời câu hỏi

- HS đọc và phân tích yêu cầu BT 1 dựa vào một vài câu hỏi gợi ý của GV:
 - + Tranh có mấy nhân vật?
 - + Các nhân vật đang làm gì?
- HS đọc lời các nhân vật trong tranh (có thể cho đọc phân vai) và trả lời câu hỏi trong nhóm đôi:
 - + Hai bố con trao đổi về điều gì?
 - + Câu nào thể hiện cảm xúc của bạn nhỏ?
 - + ...
- Một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, có thể rút ra một vài lưu ý về cách nói về một dụng cụ thể thao (tên dụng cụ → tên môn thể thao → đặc điểm của dụng cụ,...).

2.2. Nói về một dụng cụ luyện tập thể thao

- HS đọc yêu cầu BT 2, quan sát các gợi ý.
- HS thảo luận nhóm nhỏ, nói về một dụng cụ luyện tập thể thao dựa vào một vài câu hỏi gợi ý của GV:
 - + Tên của dụng cụ em muốn nói đến là gì?
 - + Dụng cụ đó sử dụng cho môn thể thao nào?
 - + Dụng cụ đó có đặc điểm gì?
 - + Cách sử dụng dụng cụ đó thế nào?
 - + ...
- Một vài nhóm HS trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét nội dung thực hành.

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Nhận diện thể loại văn thuật lại một việc đã chứng kiến hoặc tham gia

- HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi gợi ý:
 - + Các bạn thi đấu môn thể thao gì?
 - + Cuộc thi bắt đầu thế nào?
 - + Diễn biến cuộc thi có gì thú vị?
 - + Cuộc thi kết thúc ra sao?
 - + ...
- HS có thể lập dàn ý đoạn văn bằng sơ đồ tư duy dạng đơn giản, khuyến khích HS phát triển ý trên cơ sở bài đọc và những gợi ý trong SHS: tên môn thể thao (*kéo co*) → đối tượng tham gia (*lớp tôi và lớp 3C*) → diễn biến cuộc thi (*Ngay sau tiếng còi..., lúc đầu..., hơn một phút sau...*) → kết thúc cuộc thi...
 - Một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp, có thể dựa trên sơ đồ tư duy vừa thực hiện.
 - HS nghe bạn và GV nhận xét về nội dung thực hành.

3.2. Tìm ý cho đoạn văn thuật lại một việc đã chứng kiến hoặc tham gia

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS tìm ý với bạn trong nhóm nhỏ về một trận thi đấu hoặc một buổi luyện tập thể thao em đã chứng kiến hoặc tham gia theo gợi ý: *Tên môn thể thao → những ai tham gia hoặc em tham gia với ai → diễn biến (bắt đầu, tiếp theo, ...)* – GV có thể hướng dẫn HS cách nêu chi tiết thú vị trong diễn biến cuộc thi) → *kết thúc*. (GV có thể khuyến khích HS

trình bày dần ý dưới dạng sơ đồ tư duy, hướng dẫn HS sử dụng các từ ngữ chỉ trình tự gần với sơ đồ như *bắt đầu, tiếp theo, sau đó, kết thúc, ...*

- Một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động vận dụng: *Chơi trò chơi Em là vận động viên.*
- HS đọc yêu cầu thứ nhất: *Kể tên một số trò chơi vận động trong giờ Giáo dục thể chất.*
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ theo kĩ thuật Truyền điện (Gợi ý: *Lăn bóng; Lăn sóng; Chạy nhanh theo số; Nhảy đúng, nhảy nhanh; Chuyển bóng về nhà; Tìm người chỉ huy; Cùng nhau vượt chướng ngại vật; ...*).
- Một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS đọc yêu cầu thứ hai: *Nói về cảm xúc của em khi tham gia trò chơi.*
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ chia sẻ cảm xúc của em khi tham gia trò chơi (Gợi ý: *vui, hào hứng, hồi hộp, mừng rỡ, ...*).
- Một vài nhóm HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả thực hành.

BÀI 3: CHƠI BÓNG VỚI BỐ (tiết 8 – 11, SHS, tr. 47 – 50)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

- Nói được về trò chơi vận động trong tranh; nêu được phỏng đoán về nội dung bài qua tên bài và tranh minh họa.
- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài; hiểu được nội dung bài đọc: *Hai bố con cùng chơi đá bóng vui vẻ, hào hứng và rất “chuyên nghiệp”.*
- Tìm đọc một bản tin thể thao, viết được *Phiếu đọc sách* và chia sẻ với bạn một vài hiểu biết của em về môn thể thao được nhắc đến trong bản tin.
- 2. Nghe – viết đúng bài thơ *Cùng vui chơi*; phân biệt được *d/ gi; u/ ưu* hoặc *ân/ ăng*.
- 3. Nhận biết được tác dụng của câu cảm; chuyển đổi được câu kể thành câu cảm.
- 4. Đặt được câu nêu cảm xúc khi tham gia luyện tập, khi chứng kiến hoặc tham gia một trận thi đấu thể thao.
- 5. Nói được vài câu về việc luyện tập thể thao của em.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip về trò chơi ném bóng; đồ chơi con lăn bóng, các cầu thủ nhỏ chơi đá bóng; pha sút bóng và đón bóng của các cầu thủ nhỏ; bóng chuyền (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Bố là... thủ môn ngoại hạng...* đến hết.
- Thẻ từ ghi sẵn một số từ ngữ cho BT chính tả, LTVC.
- HS mang theo bản tin thể thao và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép về bản tin đã đọc.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ, quan sát tranh và nói về trò chơi vận động trong tranh (tên trò chơi vận động khi học môn Giáo dục thể chất và tác dụng của nó: *Ném bóng vào rổ, giúp cho việc học hiệu quả hơn*); có thể cho HS xem video clip về trò chơi trên.

– HS đọc tên bài, quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động, nêu phỏng đoán về nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Chơi bóng với bố*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng trong sáng, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ cảm xúc, từ ngữ gợi tả cảnh hai bố con chơi bóng; ngắt nhịp 2/2/2 hoặc 3/3 hoặc 2/4 hoặc 1/1/3/1, ... tùy vào câu thơ*).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *vạch biên vội, lăn sệt, lênh khênh, ...*

+ Cách ngắt nhịp một số dòng thơ:

Bố/ là.../ thủ môn ngoại hạng//

Con/ là danh thủ nhí thôi/

Quả bóng nhựa/ thường lăn sệt/

Lênh khênh/ bỏ phải.../ bắt ngòi!!!

Mỗi lần/ có pha thùng lười/

Bố,/ con/ cùng vỗ tay/ cười/

Trận đấu/ chỉ có hai người/

Mà cũng/ rộn ràng/ ra phết...//

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *cầu môn* (khung thành, đồng nghĩa: *gôn*); *lăn sệt* (lăn sạt trên cỏ, trên đất, trên sân), *ra phết* (ở mức tương đối cao);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 3 trong SHS (Câu 3: *Muốn bắt được quả bóng nhựa, bố phải ngồi xuống, vì bố cao lênh khênh mà quả bóng nhựa con đã lại lăn sạt trên mặt sân gạch*), kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *mượt mồm* (mồm hôi toát ra nhiều, ở bài này ý nói rất vất vả, tốn nhiều công sức mới làm được); *lênh khênh* (cao quá mức, dễ ngã, ở bài này dùng chỉ đáng bỏ cao và gây);...

– HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 4 trong SHS (GV khuyến khích HS trả lời, tránh gò ép, VD: *Bố rất thương yêu bạn nhỏ: “biến” sân nhà thành sân bóng có cả khung thành, mướt mồm hôi khi làm thủ môn để con sút bóng; Bố rất yêu thương bạn nhỏ và bạn nhỏ cũng rất yêu quý bố nên hai bố con chơi bóng với nhau rất ăn ý; ...*).

– HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 5. (GV khuyến khích HS trả lời, tránh gò ép, VD: *Nói lên tình cảm của con dành cho bố; Sự hiểu thảo, ngoan ngoãn của người con; ...*)

– HS rút ra nội dung bài thơ trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài thơ.

– HS nghe GV đọc toàn bài.

– HS luyện đọc 2 – 3 khổ thơ em thích trong nhóm, trước lớp và học thuộc lòng bằng cách tự nhẩm thuộc, xoá dần hoặc thay chữ bằng hình,...

– Một số HS thi đọc thuộc lòng trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một bản tin thể thao

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

– HS tìm đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bản tin thể thao trong sách báo theo hướng dẫn của GV.

+ Viết vào *Phiếu đọc sách*: Tên bản tin, tên môn thể thao, tên báo có bản tin, thông tin mới, thông tin thú vị,...

+ Trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bản tin thể thao đã đọc.

1.2.2. Chia sẻ hiểu biết về một môn thể thao

– HS dựa vào *Phiếu đọc sách* chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ một vài hiểu biết về môn thể thao. HS có thể đọc các thông tin cho bạn nghe hoặc chia sẻ các thông tin cho các bạn cùng đọc (HS có thể đưa tờ báo có bản tin hoặc bản tin em in ra từ bài đọc tìm trên in-tơ-nét nếu có điều kiện).

– Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào Góc sáng tạo/ Góc sân phẩm.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Nghe – viết

– HS đọc bài thơ *Cùng vui chơi*, trả lời 1 – 2 câu hỏi về nội dung đoạn thơ:

+ Bài thơ nói về những trò chơi nào?

+ Bài thơ nói về những lợi ích gì khi tham gia các trò chơi?

– HS quan sát, đánh vần (nếu cần) một số tiếng/ từ ngữ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng ngữ nghĩa, hoặc ảnh hưởng của cấu tạo tiếng, của phương ngữ. VD: *giấy, khoẻ, xanh xanh, bay, rơi, mát,...*

– HS nghe GV đọc từng dòng thơ và viết vào VBT.

– HS đối bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.

– HS nghe bạn nhận xét bài viết.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Phân biệt đ/ gi

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS thực hiện yêu cầu vào VBT.

– Một vài HS chữa BT (Đáp án: a. *Những cánh hoa giấy mỏng manh, dịu dàng rung rinh trong gió.* b. *Tiếng trống vang lên giòn giã như thúc giục chúng em nhanh chân đi thành hàng tập thể dục.*)

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Phân biệt *lưu/ưu* hoặc *ân/âng*

- HS xác định yêu cầu của BT (3).
- HS chọn một trong hai nội dung và thực hiện vào VBT.
- Một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp.

(Đáp án: a. *mưu trí* → *mưu trí*, *hoa lưu* → *hoa lưu*.

b. *bân khuâng* → *bâng khuâng*; *mũa lằng* → *mũa lằng*)

- GV giải thích nghĩa của một số từ (nếu cần).
- HS nghe bạn và nghe GV đánh giá bài làm.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Nhận biết tác dụng của câu cảm

- HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc đoạn văn.
- HS trao đổi trong nhóm đôi để thực hiện yêu cầu bài tập.
- Một vài HS trình bày kết quả trước lớp (Đáp án: *Câu bộc lộ cảm xúc – bày tỏ cảm xúc*).
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.2. Chuyển câu kể thành câu cảm

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS quan sát mẫu, phân tích mẫu bằng cách trả lời các câu hỏi gợi ý của GV:
 - + Những từ ngữ nào thường được dùng để thể hiện cảm xúc? (*a, ôi, ôi, ôi chao, quá, tuyệt quá, chà,...*).
 - + Những từ ngữ dùng để thể hiện cảm xúc thường đứng ở vị trí nào trong câu? (*đầu hoặc cuối câu*).
 - + Khi viết, cuối câu cảm thường dùng dấu gì? (*dấu chấm than*).
- HS thực hiện vào VBT, chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn trong nhóm nhỏ.
- Một vài HS trình bày bài làm trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.3. Đặt câu thể hiện cảm xúc

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS thực hiện vào VBT, chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ (đặt 1 – 2 câu cho mỗi tình huống).

- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn trong nhóm nhỏ.
- Một vài HS trình bày bài làm trước lớp (Đáp án gợi ý: *Buổi tập thể dục thật thú vị!, Ô, cái sát đẹp quá!,...*).

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Nói về việc luyện tập thể thao ở nhà, ở trường của em.*

– HS đọc yêu cầu, có thể quan sát tranh gợi ý.

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ (Gợi ý: *tập thể dục buổi sáng, đi xe đạp, tập thể dục giữa giờ, chạy, đi bộ thể thao,...*; HS có thể chỉ nêu tên hoạt động thể thao).

– Một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả thực hành.

BÀI 4: NGỌN LỬA Ô-LIM-PÍCH (tiết 12 – 14, SHS, tr. 51 – 53)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Trao đổi về những điều thấy được trong tranh minh họa bài đọc; nêu được phỏng đoán về nội dung bài qua tên bài và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài; hiểu được nội dung bài đọc: *Giới thiệu về Đại hội Thể thao Ô-lim-pích – đại hội thể thao của tất cả các dân tộc trên thế giới; nhấn mạnh ý nghĩa biểu tượng của ngọn lửa Ô-lim-pích: ước vọng hoà bình, hữu nghị của các dân tộc trên thế giới.*

– Đoán đúng tên môn thể thao, nói được vài câu về một môn thể thao đã đoán được.

2. Kể lại được truyện *Cuộc chạy đua trong rừng* sau khi đọc và theo gợi ý.

3. Nói được về một trận thi đấu hoặc luyện tập thể thao đã chứng kiến hoặc tham gia; viết được đoạn văn thuật lại một trận thi đấu hoặc luyện tập thể thao.

4. Viết được thông điệp vận động bạn bè, người thân tham gia tập thể thao.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh ảnh, video clip cảnh khai mạc, nước đuốc,... các kì Ô-lim-pích nếu có.

– Bảng phụ ghi đoạn từ *Trai trắng từ khắp nơi... đến người từ xứ.*

– Tranh ảnh, audio, video clip truyện *Cuộc chạy đua trong rừng* (nếu có).

– Một vài thông điệp kêu gọi luyện tập thể thao.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc, trao đổi với bạn về quang cảnh và các hình ảnh (*đường chạy, rước đuốc, vòng tròn thể thao, cảnh nguyệt quế, năm chàng trai đang chạy, gương mặt hân hỷ,...*); GV có thể kết hợp giới thiệu thêm: *vòng nguyệt quế* (tượng trưng cho chiến thắng); *năm chàng trai, năm vòng tròn* (màu xanh da trời, đen, vàng, đỏ, xanh lá cây, tượng trưng cho năm khu vực của thế giới tham gia các kì Ô-lim-pích),... tất cả đều mang tính biểu trưng cho sự đoàn kết của nhân loại).

– HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động, nêu phỏng đoán về nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Ngon lửa Ô-lim-pích*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng đọc toàn bài trong trẻo, vui, thông thả, sôi nổi; đoạn giới thiệu: đọc chậm, thông thả; đoạn miêu tả cảnh mọi người về dự đại hội: đọc nhanh, vui; nhân giọng những từ ngữ miêu tả cảnh thành phố Ô-lim-pi-a những ngày đại hội: cảnh trao và nhận giải: đọc với giọng vui, trang trọng; đoạn cuối: đọc chậm lại, giọng trang trọng thể hiện niềm vui, niềm tin yêu về tục lệ đẹp, về ý nghĩa biểu trưng của ngọn lửa Ô-lim-pích – ước vọng hoà bình, hân nghì của các dân tộc trên thế giới.*).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *Ô-lim-pích, Ô-lim-pi-a, tương bình, náo nhiệt,...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Tục lệ tổ chức Đại hội Thể thao Ô-lim-pích/ đã có từ gần 3000 năm trước/ ở nước Hy Lạp cổ.// Đại hội được tổ chức/ bốn năm một lần,/ vào tháng Bảy,/ thường kéo dài năm,/ sáu ngày.// Những người đoạt giải/ được tấu nhạc chúc mừng/ và được đặt một vòng nguyệt quế lên đầu/ tượng trưng cho vinh quang./ chiến thắng.//...*

+ Giải thích thêm nghĩa của một số từ ngữ, VD: *từ xir* (khắp mọi nơi), *hoà bình* (không dùng đến vũ lực, không để xảy ra chiến tranh); *hân nghì* (thân thiện, có tình chất bề bạn, thường nói về quan hệ giữa các nước);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời các câu hỏi 1 – 4 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *Hy Lạp* (quốc gia ở châu Âu, có nền văn minh phát triển sớm); *Ô-lim-pi-a* (Olympia – thành phố có nhiều công trình văn hoá của Hy Lạp cổ); *ngọn lửa Ô-lim-pích* (khí bắt đầu Đại hội Thể thao, người Hy Lạp lấy lửa trên bàn thờ của Hera, nữ thần của sinh sản và hôn nhân, ở Olympia và thực hiện nghi lễ rước đuốc thắp sáng chảo lửa Olympic);...

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS trả lời câu hỏi 5 trong SHS dựa vào đọc hiểu cả bài (GV khuyến khích HS phát biểu, không gò ép).

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc phù hợp và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Trai trắng từ khắp nơi... đến người từ xứ*.

– HS luyện đọc diễn cảm trong nhóm, trước lớp.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

1.2. Đoán tên và nội về một môn thể thao

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS quan sát tranh, tìm hiểu tranh bằng cách trả lời các câu hỏi gợi ý của GV:

+ Bạn trong tranh được vẽ trong tư thế thế nào?

+ Trang phục của bạn thế nào?

+ Bạn ấy đang thực hiện động tác gì?

+ Động tác và trang phục của bạn giúp em hình dung đến môn thể thao nào?

(Đáp án: bóng rổ, bóng đá, võ thuật, chạy – điền kinh).

– HS trao đổi và thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ.

– Một vài HS nêu tên môn thể thao đoán được trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ về môn thể thao đã đoán được.

– Một vài HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

2. Nói và nghe

2.1. Kể từng đoạn câu chuyện theo tranh

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS quan sát tranh, nhớ lại nội dung bài đọc và kể lại nội tiếp từng đoạn câu chuyện trong nhóm 4. (HS nghe GV hướng dẫn, sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể, phân biệt giọng các nhân vật).
- HS thể hiện sự sáng tạo bằng cách thêm vào từng đoạn của câu chuyện một vài chi tiết nhỏ nhờ câu hoặc câu hỏi gợi ý của GV:
 - + Tả cảnh ngựa con say sưa ngắm bóng mình dưới dòng nước trong veo (đoạn 1);
 - + Tả ngoại hình hoặc lời nói của nhân vật (đoạn 2);
 - + Lời nói, hành động của nhân vật (đoạn 3);
 - + Suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật (đoạn 4).
- 1 – 2 nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Kể toàn bộ câu chuyện

- HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.
- 1 – 2 HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

2.3. Tưởng tượng, kể thêm phần kết cho câu chuyện

- HS xác định yêu cầu BT.
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ để thêm phần kết cho câu chuyện.
- HS kể tiếp thêm phần kết cho câu chuyện trong nhóm nhỏ (GV có thể lưu ý HS chú ý giọng nói, gương mặt, điệu bộ phù hợp. VD: *ngựa con về ăn hận, xin lỗi cha và hứa sẽ cần thận, chuẩn bị tốt cho mọi công việc; ngựa cha nghiêm nghị, động viên, an ủi nhắc con về bài học,...*).
- Một vài HS kể thêm phần kết cho câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể thêm.

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Chia sẻ về một trận thi đấu hoặc một buổi luyện tập thể thao

- HS xác định yêu cầu của BT 1 (GV có thể cho HS xem video clip về trận thi đấu hoặc một buổi luyện tập thể thao mà các HS của lớp có tham gia).

– HS nói về một trận thi đấu hoặc một buổi luyện tập thể thao đã chứng kiến hoặc tham gia với bạn theo cặp hoặc nhóm nhỏ dựa vào một số câu hỏi gợi ý:

+ Trận đấu (buổi luyện tập) diễn ra ở đâu? Những ai tham gia? Em tham gia cùng với ai?

+ Trận đấu (buổi luyện tập) diễn ra như thế nào? Có những gì thú vị?

+ Kết quả của trận đấu (buổi luyện tập)?

+ ...

– Một vài HS trao đổi trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét về nội dung trao đổi.

3.2. *Viết đoạn văn*

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS viết lại nội dung vừa nói vào VBT với độ dài từ 7 – 9 câu.

– Một vài HS đọc bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

– HS trưng bày bài viết ở Góc sản phẩm/ Góc sáng tạo.

C. *VẬN DỤNG*

– HS viết và trang trí thông điệp vận động bạn bè, người thân tham gia tập thể thao theo nhóm nhỏ dựa trên gợi ý của GV (HS có thể quan sát một vài thông điệp kêu gọi luyện tập thể thao, VD: *Thể thao nâng cao thể lực! Thể dục để khỏe mạnh...* và nêu câu hỏi, VD: *Em sẽ viết gì trong thông điệp? Vì sao?...*)

– HS chia sẻ trong nhóm nhỏ về thông điệp của mình.

– Một vài HS chia sẻ thông điệp trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét nội dung thực hành.

Chủ điểm 12. THIÊN NHIÊN KÌ THÚ (Tuần 25 – 26)

Chủ điểm *Thiên nhiên kì thú* hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm*: bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, yêu thích vẻ đẹp của muôn thú, chim chóc, cây cối và những liên tưởng tự nhiên. Qua đó, HS biết bảo vệ chim chóc, muôn thú, cỏ cây, hoa lá; biết sống chan hoà với thiên nhiên và vạn vật quanh mình; biết tìm hiểu và giữ gìn vẻ đẹp của vạn vật.

BÀI 1: GIỌT SƯƠNG (tiết 1 – 4, SHS, tr. 54 – 57)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Trao đổi được những điều đơn giản về sương, mặt trời, chim vành khuyên; nêu được phỏng đoán về nội dung bài qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài; hiểu được nội dung bài đọc: *Kể về chuyện giọt sương và chim vành khuyên đã cùng nhau chia sẻ để giữ gìn vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên mùa thu; ngợi ca vẻ đẹp của sự sống, sự giao hoà giữa muôn vật trong thiên nhiên.*

– Tìm đọc một bài thơ về cây cối/ con vật, viết vào *Phiếu đọc sách*; chia sẻ được đặc điểm hoạt động của cây cối hoặc con vật trong bài thơ.

2. Viết đúng kiểu chữ hoa: Y, X, tên địa danh và câu ứng dụng.

3. Mở rộng vốn từ về *Thiên nhiên*, đặt được câu nói về vẻ đẹp của thiên nhiên.

4. Đọc và nêu được cảm nghĩ về một vài bài về, đồng dao.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh ảnh, video clip về vườn cây, giọt sương, dòng sông, bầu trời mùa thu, chim vành khuyên hót (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ *"Tò-ri-ích, tò-ri-ích"... đến loài chim chăm chỉ.*

– Mẫu chữ viết hoa Y, X cỡ nhỏ.

– Tranh ảnh, video clip về một số hiện tượng tự nhiên, hoạt động bảo vệ môi trường; tệp ghi âm hoặc bản in một số bài về/ đồng dao về thiên nhiên (nếu có).

– Thẻ từ ghi sẵn một số từ ngữ cho bài tập LTVC.

– HS mang theo sách, báo có bài thơ về cây cối hoặc con vật và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép về bài thơ đã đọc.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm, từ đó nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm *Thiên nhiên kì thú.*

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ: quan sát tranh, trao đổi 1 – 2 điều mình biết về giọt sương, mặt trời, chim vành khuyên.

– HS đọc tên bài, quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động, nêu phỏng đoán về nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Giọt sương*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng người dẫn chuyện nhẹ nhàng, chậm rãi thể hiện sự trù mến; giọng giọt sương tha thiết, nhỏ như thăm thẳm; nhấn giọng ở những từ ngữ tả vẻ đẹp của giọt sương, tiếng hát của vầng khuyên,...*).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *vành khuyên, tuyết, thấp thoáng, vầng vầng,...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Trong đêm nổi/ soi mình vào đó,/ bạn sẽ thấy được cả vườn cây,/ con đường,/ dòng sông,/ bầu trời mùa thu biếc xanh/ với những cụm mây trắng/ trời lừng thừng//; Buổi sáng hôm đó,/ trong bài hát tuyệt vời/ của chim vành khuyên,/ người ta/ lại thấy/ thấp thoáng hình ảnh của vườn cây,/ con đường,/ dòng sông,/ bầu trời mùa thu...//;...*

+ Giải thích thêm nghĩa của một số từ ngữ khó. VD: *khát vọng* (mong muốn những điều lớn lao, tốt đẹp với một sức thôi thúc mạnh mẽ); *hoà thân* (biến thành một cái khác);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 5 trong SHS (Câu hỏi 5: GV khuyến khích HS nêu suy nghĩ của mình, không gò ép HS), kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó. VD: *nhảy nhót* (nhảy tung tăng một cách vui vẻ, thoải mái), *lấp lánh* (ánh sáng phát ra không liên tục nhưng đều đặn, tạo vẻ sinh động);...

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc của người dẫn chuyện, giọng của giọt sương và một số từ ngữ cần nhấn giọng; một vài câu, đoạn cần thay đổi nhịp điệu trên cơ sở hiểu nội dung bài đọc.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *"Tờ-rích, tờ-rích"*... đến *loài chim chăm chỉ*.

- HS luyện đọc phân vai trong nhóm.
- HS nghe 1 – 2 nhóm đọc phân vai trước lớp.
- HS khá, giỏi đọc toàn bài.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một bài thơ về cây cối hoặc con vật

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện trường,...) một bài thơ về cây cối hoặc con vật theo hướng dẫn của GV:

+ Viết vào *Phiếu đọc sách*: tên bài thơ, tên tác giả, tên cây cối hoặc con vật, đặc điểm, hoạt động của cây cối hoặc con vật, hình ảnh so sánh trong bài thơ,...

+ Trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ đề hoặc nội dung bài thơ.

1.2.2. Chia sẻ về đặc điểm, hoạt động của cây cối hoặc con vật

– HS dựa vào *Phiếu đọc sách* chia sẻ trong nhóm nhỏ 2 – 3 câu về đặc điểm, hoạt động của cây cối hoặc con vật được nhắc đến trong bài thơ, có thể đọc một vài khổ thơ hoặc chia sẻ bài thơ cho các bạn cùng đọc.

– Một vài nhóm HS chia sẻ trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Ôn viết chữ Y, X hoa

– HS quan sát mẫu chữ Y hoa, nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của chữ Y hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu và nhắc lại quy trình viết chữ Y hoa.

– HS viết chữ Y hoa cỡ nhỏ vào bảng con (nếu HS viết tốt, GV có thể bỏ qua bước này, cho HS viết vào VTV).

– HS quan sát mẫu chữ X hoa, nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của chữ X hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu và nhắc lại quy trình viết chữ X hoa (nếu HS viết tốt có thể chọn một HS thay GV viết chữ X hoa trên bảng cho cả lớp quan sát).

– HS viết chữ Y, X hoa vào VTV.

2.2. Luyện viết từ ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ ứng dụng *Y Yên* (tên một huyện nằm ở phía tây tỉnh Nam Định, Việt Nam), có thể kết hợp với quan sát vị trí trên bản đồ hành chính hoặc một vài hình ảnh về cảnh đẹp ở huyện *Y Yên*.

- HS nghe GV nhắc lại cách nối từ chữ *Y* hoa sang chữ *ê* (nếu cần).
- HS quan sát cách GV viết chữ *Y Yên* (nếu cần).
- HS viết chữ *Y Yên* vào VTV.

2.3. Luyện viết câu ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu thơ:

Yêu biết mấy những dòng sông bát ngát

Giữa đôi bờ rào rạt lúa ngô non.

Tố Hữu

(Câu thơ bày tỏ tình cảm yêu mến vẻ đẹp thanh bình của cảnh đồng quê).

– HS viết câu ứng dụng vào VTV.

2.4. Luyện viết thêm

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa từ ứng dụng *Nguyễn Viết Xuân* (1933 – 1964, quê Vĩnh Phúc, Việt Nam, hi sinh trong chiến đấu, được Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Tên ông được đặt cho nhiều con đường, trường học ở nhiều tỉnh thành của Việt Nam).

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng: *Xung quanh giọt sương là những tia nắng mai ấm áp.*

– HS viết nội dung luyện viết thêm vào VTV.

2.5. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Mở rộng vốn từ Thiên nhiên

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS phân loại các từ trong nhóm nhỏ (có thể dùng kĩ thuật *Khăn trải bàn*), thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ.

– HS chữa bài bằng hình thức chơi trò chơi *Tiếp sức* (Đáp án: a. Những sự vật có sẵn trong thiên nhiên (tự nhiên): *bầu trời, núi rừng, biển cả, sông suối, mưa nắng, mặt đất, muông thú, chim chóc*; b. Những sự vật do con người tạo ra: *nhà cửa, đường sá, xe cộ*).

3.2. Ghép các từ ngữ chỉ sự vật với đặc điểm của sự vật

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận nhóm nhỏ, thống nhất kết quả trong nhóm (Đáp án: *mây trời bông bồng; đôi núi trập trùng; ánh nắng chói chang; dòng sông trong vắt; đất đai màu mỡ*).
- Một vài nhóm HS chữa bài trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

3.3. Đặt 1 – 2 câu nói về vẻ đẹp của thiên nhiên

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và quan sát mẫu.
- HS làm bài cá nhân, chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ (GV khuyến khích HS với mỗi sự vật *bầu trời, núi rừng, chim chóc* có thể đặt câu nhiều hơn giới hạn đã nêu. Nếu HS chậm: chỉ yêu cầu một câu cho mỗi trường hợp và không buộc HS phải đặt câu có trạng ngữ như mẫu).
- Một vài HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét kết quả.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của BT 1: *Thi đọc các bài về, đồng dao về thiên nhiên*.
- HS thi đọc các bài về/ đồng dao về thiên nhiên (GV có thể cho HS nghe tệp ghi âm lời đọc về, đồng dao; tổ chức cho HS đọc hai bài trong SHS và các bài HS biết).
- HS xác định yêu cầu của BT 2: *Nói 1 – 2 câu nêu cảm nghĩ về bài vừa đọc*.
- HS đọc và chia sẻ cảm nghĩ trong nhóm nhỏ theo kĩ thuật tiếp sức (GV khuyến khích HS nêu cảm nghĩ về bài em đọc bằng một vài câu hỏi như: Em cảm thấy bài em vừa đọc thế nào? Em có thích bài em vừa đọc không? Vì sao?,...).
- Một vài nhóm HS nêu cảm nghĩ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 2: NHỮNG ĐÁM MÂY NGƯ SẮC (tiết 5 – 7, SHS, tr. 58 – 61)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

- Nói được về màu sắc của mây trời theo gợi ý; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài; hiểu được nội dung bài đọc: *Giới thiệu và ngợi ca vẻ đẹp huyền ảo, kì diệu của mây ngũ sắc ở biển Trường Sa.*

– Tưởng tượng và đặt được tên cho đám mây; chia sẻ được về tên đã đặt.

2. Nếu được tên nhân vật, điều mình thích ở nhân vật; tưởng tượng và nói về dáng vẻ, hành động, lời nói của một nhân vật

3. Nhận diện được cấu tạo của đoạn văn miêu tả một đồ vật, lập được dàn ý cho đoạn văn tả một đồ vật; nói được câu giới thiệu, thể hiện tình cảm, cảm xúc với đồ vật.

4. Giải được ô chữ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh ảnh, video clip về mây trời, bầu trời Trường Sa lúc hoàng hôn và những thời điểm khác (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ *Thời điểm hoàng hôn... đến sắc nét trên nền trời.*

– Tranh ảnh, audio, video clip truyện *Giọt sương* (nếu có).

– Tranh ảnh hoặc vật thật về một số vật dụng thường dùng khi đi tham quan, du lịch; hình ảnh: cá kiếm, kì đà, tôm hùm, hải cẩu, cục biển (nếu có).

– Thẻ từ: *cá kiếm, kì đà, tôm hùm, hải cẩu, cục biển.*

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ, trao đổi về màu sắc của đám mây (*tên màu, đặc điểm...*

Lưu ý: không ép buộc HS phải chọn màu đúng với thực tế, khuyến khích HS tưởng tượng, giới thiệu về màu mình chọn); HS nói trong nhóm, trước lớp.

– HS đọc tên bài, quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động, nêu phỏng đoán về nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Những đám mây ngũ sắc.*

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *toàn bài đọc giọng thông thả, vui tươi; nhấn giọng ở các từ ngữ miêu tả vẻ đẹp kì ảo của mây ngũ sắc*).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *ráng chiều, xung quanh, ...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Đặc biệt,/ có những hôm,/ trong ráng chiều đỏ ối/ phần chiều xuống mặt biển/ còn xuất hiện những đám mây ngũ sắc.//; Có những đám mây/ quay quanh mặt trời /và tạo ra lỗ hổng/ để lọt ánh nắng xuống/ nhìn như một cái “giếng trời” giữa thiên nhiên.//; ...*

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *thời điểm* (khoảng thời gian ngắn được xác định một cách chính xác), *nhuộm* (hoạt động làm thay đổi màu của một vật),...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 4 trong SHS (Câu 4: *Bầu trời trên biển đảo Trường Sa luôn sinh động nhờ những đám mây luôn thay đổi màu sắc, hình dạng một cách kì ảo*), kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *điều đã* (nghĩa trong bài: chỉ về duyên dáng, kiểu cách khiến người nhìn cảm thấy thích thú, đáng yêu), *sắc nét* (nghĩa trong bài: rất rõ và rất đẹp),...

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS đặt tên khác cho bài đọc dựa vào nội dung hoặc lấy các từ ngữ có sẵn trong bài (*Vẻ đẹp của Trường Sa, Mây ở biển Trường Sa, ...*).

– Một vài HS chia sẻ về tên mình đặt trước lớp.

– GV và các bạn nhận xét về tên mới của bài đọc.

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Thời điểm hoàng hôn...* đến hết.

– HS luyện đọc diễn cảm trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Thời điểm hoàng hôn...* đến hết.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

1.2. Đặt tên và chia sẻ về tên đã đặt

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS làm việc theo nhóm nhỏ:

+ HS quan sát các bức ảnh, chọn một bức ảnh mình thích.

+ HS tưởng tượng về hình dáng của vật mà đám mây trong bức ảnh gợi ra, đặt tên cho bức ảnh.

+ HS chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ về tên em đặt.

(Gợi ý: Có thể cho HS xem các bức ảnh có hình ảnh tương tự SHS nhưng được phóng to, rõ nét hơn; có thể nêu câu hỏi khuyến khích HS tưởng tượng, tìm tên gọi, VD: *Em thấy đám mây có hình gì?, Giống cái gì?/ Giống con vật nào?,...*).

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS chia sẻ trong nhóm nhỏ về tên em đặt. (Gợi ý: GV có thể nêu câu hỏi khuyến khích HS chia sẻ về tên mình đặt: *Vì sao em chọn tên gọi đó cho đám mây? Có thể đặt tên nào khác?*).

– Một vài nhóm HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Nói và nghe

2.1. Chia sẻ về một nhân vật trong truyện

– HS xác định yêu cầu BT 1a.

– HS hoạt động nhóm nhỏ, trao đổi để chọn ra nhân vật mình thích trong truyện (HS có thể dựa vào hình ảnh gợi ý để chọn).

– HS xác định yêu cầu BT 1b.

– HS hoạt động nhóm nhỏ, chia sẻ điều mình thích ở nhân vật (hình dáng, hành động, lời nói).

– Một vài HS chia sẻ kết quả.

– HS nghe bạn và GV nhận xét nội dung và rút ra lưu ý khi nói về nhân vật mình thích.

2.2. Nói về dáng vẻ hoặc hành động, lời nói của nhân vật

– HS đọc và phân tích yêu cầu BT 2.

– HS thực hiện BT trong nhóm nhỏ, nghe bạn góp ý để hoàn thiện nội dung mình chọn.

– Một vài HS nói trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét nội dung thực hành.

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Nhận diện thể loại văn miêu tả đồ vật

– HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc đoạn văn và các câu hỏi.

– HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.

– Một vài nhóm HS trả lời trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét về câu trả lời, có thể hệ thống ý trả lời thành sơ đồ (có thể dùng chiếc ống nhôm làm trung tâm để vẽ sơ đồ). Từ đó, HS rút ra một số lưu ý khi viết đoạn văn ngắn miêu tả một đồ vật: bố cục, nội dung, cách dùng từ, viết câu,...

3.2. *Tìm ý viết đoạn văn miêu tả đồ vật*

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ: đồ vật thường dùng khi tham quan, du lịch mà mình sẽ chọn tả (**Lưu ý:** Tùy thuộc vào thực tế, GV có thể gợi ý: *sổ tay, bút, điện thoại thông minh, máy tính bảng để ghi chép; hoặc túi xách, ba lô để đựng đồ đạc;...*).

– HS tìm ý cho viết đoạn văn miêu tả đồ vật bằng sơ đồ tư duy dạng đơn giản, có hình ảnh trung tâm là tranh/ ảnh đồ vật định tả, khuyến khích HS phát triển ý theo suy nghĩ cá nhân và những gợi ý trong SHS: Tên đồ vật → Đặc điểm chung của đồ vật: hình dạng, màu sắc, chất liệu, cấu tạo,... → Đặc điểm nổi bật của đồ vật → Công dụng của đồ vật: ghi chép, quan sát, nghe, lưu giữ, đựng, vận chuyển,... → Sử dụng và bảo quản đồ vật → Tình cảm/ suy nghĩ của em về đồ vật (GV hướng dẫn và khuyến khích HS vẽ sơ đồ vào VBT).

– HS chia sẻ kết quả trong nhóm đôi, đưa vào góp ý của bạn để bổ sung, phát triển ý.

– Một vài HS chia sẻ kết quả tìm ý trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, hoàn chỉnh sơ đồ tìm ý.

C. *VẬN DỤNG*

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Giải ô chữ*.

– HS quan sát các hình ảnh gợi ý, số thứ tự của hình ảnh và số ô chữ tương ứng.

– HS chơi theo đội giải ô chữ hàng ngang (Đáp án: 1. cá kiểng; 2. kì đà; 3. tôm hùm; 4. hải cẩu; 5. các biển → ô chữ hàng dọc (Đáp án: kì thú).

– HS nghe bạn và GV nhận xét, tính điểm cho các đội chơi.

– HS nghe GV nhận xét hoạt động.

BÀI 3: CHUYỆN HOA, CHUYỆN QUẢ (tiết 8 – 11, SHS, tr. 62 – 65)

I. *YÊU CẦU CẦN ĐẠT*

1. *Đọc:*

– Nói được một vài hiểu biết về một loại hoa hoặc quả em thích; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài; hiểu được nội dung bài đọc: *Nói về sự phong phú của hoa quả*

trong vườn; ngôi ca và đẹp của sân vật trong vườn – kết tinh từ đất đai, mưa nắng và công sức lao động của con người.

– Tìm đọc một bài văn về cây cối hoặc con vật, viết được *Phiếu đọc sách* và biết chia sẻ với bạn về câu có hình ảnh so sánh về cây cối hoặc con vật sau khi đọc bài văn.

2. Nghe – viết đúng *Rừng cọ quê tôi*; phân biệt được *d/ gi; s/ x* hoặc *m/ iêm*.

3. Biết được công dụng của dấu ngoặc kép, điền đúng dấu ngoặc kép.

4. Biết thay dấu gạch ngang trước lời đối thoại thành dấu ngoặc kép.

5. Kể được tên một số hoa, rau, quả theo hình dáng, màu sắc, mùi vị; nói được câu về hình dáng, màu sắc,... của loại hoa, rau, quả đã kể tên.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh ảnh một số loại rau, quả, củ; video clip vườn rau quả; rừng cọ, rừng bần, dừa nước theo kênh rạch (nếu có).

– Bảng phụ ghi bài thơ.

– Thẻ từ để tổ chức trò chơi học tập cho HS khi thực hiện các BT chính tả, LTVC.

– HS mang theo sách, báo có bài văn về cây cối hoặc con vật và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép về bài văn đã đọc.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói 2 – 3 câu về một loại hoa hoặc quả em thích theo gợi ý (hình dáng, màu sắc, hương vị,...).

– Một vài HS nói trước lớp.

– HS quan sát tranh minh họa, đọc tên bài, liên hệ với nội dung khởi động, nêu phỏng đoán về nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Chuyện hoa, chuyện quả*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng trong sáng, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ vẻ đẹp của hoa quả, ngôi ca sức lao động của con người; ngắt nhịp phù hợp thơ lục bát và với logic ngữ nghĩa của nội dung các dòng thơ, câu thơ*).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *loa kèn, say sưa, chất chầu,...*

+ Cách ngắt nhịp một số dòng thơ:

Trong vườn/ có mắt:/ quả na//

Có tai/ mọc nhũ/ có hoa/ loa kèn//

Quả mồng tơi/ mực tím đen//

Cà rốt/ bút đỏ/ ai đem ra đồng//

Quả bí ngô:/ cái đèn lồng//

Sao xanh/ quả khế/ ột/ con sừng bò//

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *thơm tho* (thơm và gây cảm giác dễ chịu), *đồng* (khoảng đất rộng và bằng phẳng để cây cây, trồng trọt,...),...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 4 trong SHS (Câu 4: *Cũng như người, đất cần màu mỡ để nuôi cây cho những mùa hoa thơm, trái ngọt,...*), kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *say sưa* (tập trung, cuốn hút hoàn toàn vào công việc thích thú), *màu mỡ* (chỉ ruộng đất giàu chất dinh dưỡng cho cây phát triển, đồng nghĩa: *mỡ màu, phì nhiêu*).

– HS rút ra nội dung bài thơ trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, góp ý.

TIẾT 2

Chân trời sáng tạo

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc, nhịp đọc thơ lục bát và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài thơ.

– HS nghe GV đọc toàn bài.

– HS luyện đọc tám dòng thơ cuối trong nhóm, trước lớp.

– HS khá giỏi đọc cả bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một bài văn về cây cối hoặc con vật

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài văn về cây cối hoặc con vật theo hướng dẫn của GV.

+ Viết vào *Phiếu đọc sách* những nội dung em thích sau khi đọc bài văn: tên bài văn, tên tác giả, tên cây cối hoặc con vật, hình ảnh đẹp, hình ảnh so sánh,...

+ Trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ đề hoặc nội dung bài văn.

1.2.2. Chia sẻ câu văn có hình ảnh so sánh

– HS dựa vào *Phiếu đọc sách* chia sẻ với bạn hoặc trong nhóm nhỏ 2 – 3 câu văn có hình ảnh so sánh, có thể đọc bài văn cho bạn nghe hoặc chia sẻ bài văn cho các bạn cùng đọc.

– Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Nghe – viết

– HS nghe đọc bài *Rừng cọ quê tôi*, trả lời 1 – 2 câu hỏi về nội dung bài văn (Bài văn tả cảnh gì? Thân cây cọ như thế nào? Lá cọ có gì đặc biệt?).

– HS phân tích một số tiếng/ từ ngữ khó đọc, để viết sai do cấu tạo, do ngữ nghĩa, do ảnh hưởng của phương ngữ. VD: *loà, xoè, gió, vút, trời, bão, ...*

– HS nghe GV đọc từng vế câu, từng câu và viết vào VBT.

– HS đối bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.

– HS nghe bạn nhận xét bài viết.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Phân biệt đ/ gi

– HS đọc yêu cầu BT 2 (GV có thể chiếu video clip kênh rạch có rừng bần, hàng dừa nước, bần trổ bông hoặc cho HS xem ảnh cây bần, dừa nước).

– HS làm bài cá nhân, chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ (Đáp án: *đọc, dòng, dai, giữa, giận*).

– Một vài HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3 Phân biệt s/ x hoặc im/ iêm

– HS xác định yêu cầu của BT (3), chọn một yêu cầu để thực hiện.

– HS thảo luận nhóm để tìm từ bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn*.

– HS chữa bài bằng hình thức chơi trò chơi *Tiếp sức*, thi đua tìm từ theo yêu cầu BT.
(Gợi ý: a. *con sâu, chó sói, chim sẻ, cây sồi, hoa sen, hoa sừng, ... / bọ xít, hoa xoan, quả xoài, cây xương rồng, ...*; b. *con nhím, con chim, cá kìm, cá lim kìm, hoa bìm bìm, .../ vẹt xiêm, dừa xiêm, hồng xiêm, trái ớt hiểm, cây cổ yếm, ...*).

– HS nghe bạn và GV đánh giá bài làm.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Tìm dấu ngoặc kép và tác dụng của dấu ngoặc kép

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS đọc từng đoạn văn để thực hiện yêu cầu BT.

– HS làm bài cá nhân, chia sẻ và đánh giá kết quả trong nhóm nhỏ.

– Một vài nhóm chia sẻ kết quả trước lớp (Đáp án: Đoạn a và đoạn b: dấu ngoặc kép dùng để *Đánh dấu chỗ bắt đầu và kết thúc lời nói nhân vật*; Đoạn c: dấu ngoặc kép dùng để *Đánh dấu chỗ bắt đầu và kết thúc phần trích dẫn nguyên văn*).

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.2. Điền dấu ngoặc kép

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS thực hiện yêu cầu BT trong nhóm đôi.

– Một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp (Đáp án: a. “*Em nào làm việc... nhận quà*”, b. “*Cây xoài này... về trồng*.”; c. “*Tết đã đến thật rồi!*”).

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.3. Thay dấu gạch ngang bằng dấu ngoặc kép, viết lại đoạn văn

– HS xác định yêu cầu của BT 4 và đọc đoạn văn.

– HS thực hiện yêu cầu BT trong nhóm đôi.

– Một vài nhóm chia sẻ kết quả trước lớp (Đáp án: *Thứ Bảy tuần vừa rồi, lớp tôi đi thăm khu du lịch Rừng Sác. Trước khi xuống xe, cô giáo nhắc: “Các em nhớ thực hiện đúng nội quy của khu du lịch!”. Chúng tôi đồng thanh đáp: “Dạ. Vâng ạ.”*.)

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

C. VẬN DỤNG

HS xác định yêu cầu của hoạt động vận dụng: *Chơi trò chơi Người làm vườn giỏi*.

– HS xác định yêu cầu thứ nhất, quan sát từ ngữ và hình ảnh gợi ý.

– HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện: HS chia thành hai đội thi kể tên các loài rau, hoa, quả theo hình dáng, màu sắc, mùi vị (Đáp án: *ớt sừng bò, cà dĩa, cà bát, cà chua bi, bắp cải, dưa lưới, ... / củe xanh, củe tím, cà tím, hồng vàng, hồng bạch, dưa vàng, thanh long vàng, ... / mướp đắng, khế ngọt, khế chua, ...* Tính điểm cho mỗi lời giải đúng bằng bông hoa hoặc ngôi sao).

– HS xác định yêu cầu thứ hai.

– HS thực hiện yêu cầu BT trong nhóm nhỏ.

– Một vài nhóm chia sẻ kết quả trước lớp (Gợi ý: *Quả cà dĩa trông như một quả dĩa nhỏ xinh xinh; Bông hồng nhưng cánh mềm, mượt, màu đỏ thắm như nhung; ...* Với HS khá giỏi, GV có thể khuyến khích HS nói câu có hình ảnh so sánh).

– HS nghe GV nhận xét và tổng kết trò chơi.

BÀI 4: MÙA XUÂN ĐÃ VỀ (tiết 12 – 14, SHS, tr.66 – 69)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Trao đổi được về mùa mình thích theo gợi ý; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng đầu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài; hiểu được nội dung bài đọc: *Sự hồi sinh, nảy nở của vạn vật khi mùa xuân đến; vẻ đẹp của con người sống chan hoà cùng thiên nhiên, ...*

– Nói được câu có hình ảnh so sánh về một sự vật có trong bài đọc.

2. Nghe – kể được truyện *Bồ nông có hiểu*; kể được đoạn mình thích bằng lời chủ bộ nông nhỏ, biết đặt tên khác cho câu chuyện.

3. Nói và viết được đoạn văn ngắn miêu tả một đồ vật.

4. Biết suy tâm, cùng bạn trưng bày tranh ảnh về hoa quả, chim chóc, muôn thú, nói được câu về tranh ảnh mình suy tâm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh ảnh, video clip một số hình ảnh về mùa xuân xù ộn đổi, audio, video clip truyện *Bồ nông có hiểu* (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ *Có non...* đến *phủ băng*.

– HS mang tới lớp tranh ảnh sưu tầm về cây cối, chim chóc, muôn thú.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, trao đổi về một mùa em thích theo gợi ý (tên mùa, đặc điểm về thời tiết, cảnh vật, hoạt động của con người,...).

– HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động, nêu phỏng đoán về bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Mùa xuân đã về*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *toàn bài đọc giọng thông thả, nhấn giọng những từ ngữ tả đặc điểm của cảnh vật, hoa cỏ hoặc hoạt động của người, vật,...*).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *quang đãng, chói lọi, thành thót, sải,...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Đàn chim sơn ca/ cất tiếng hót thành thót/ trên đồng cỏ nhưng tơ/ và những ruộng rau phủ bằng//; Và tiếng rìu của bác nông dân/ đang chữa lại cây bừa/ vang lên trong các sân nhà./;...*

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *tán đi* (lan ra một cách nhanh chóng), *quang đãng* (sáng sủa và rộng rãi),...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 5 trong SHS (Câu 5: GV khuyến khích HS nêu suy nghĩ của mình, không gò ép HS), kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: *căng phồng* (lâm căng đầy ra và to lên),...

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, góp ý.

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Cỏ non... đến phủ bằng* trong nhóm nhỏ.

– HS luyện đọc diễn cảm trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Cỏ non...* đến *phủ băng* trong nhóm nhỏ.

– HS khá, giỏi đọc toàn bài.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

1.2. Nói câu có hình ảnh so sánh

– HS xác định yêu cầu BT 2.

– HS thực hiện yêu cầu BT trong nhóm nhỏ (GV có thể gợi ý: *Em thích sự vật nào?, Em có thể so sánh sự vật đó với sự vật gì?, Em dùng từ so sánh nào?, ...* GV có thể nhắc lại khung so sánh sự vật với sự vật; VD: *siroong mù như một tấm khăn voan; mặt trời như một chiếc đĩa vàng; ánh nắng như lụa; ...*).

– Một vài nhóm chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, góp ý.

2. Nói và nghe

Bồ nông có hiếu

1. Trên đường về quê nhà, mẹ chủ bò nông nhỏ chẳng may bị nạn. Chủ diu mẹ vào một hốc cây, chờ vết thương của mẹ lành. Thấy vậy, một bác bồ nông dừng lại giúp đỡ hai mẹ con.

2. Một ngày, rồi hai ngày, bồ nông mẹ vẫn chưa nhắc cánh lên được. Trời ngày một nóng hầm hập. Bác bồ nông phải đuổi theo đàn con của bác. Bác gọi chủ bồ nông nhỏ dặn dò mọi việc cần thiết khi chăm sóc mẹ. Chủ bồ nông nhỏ vâng dạ ghi lòng.

3. Từ buổi ấy, bồ nông hết dặt mẹ đi tìm nơi mát mẻ, lại mò mẫm đi kiếm mồi. Đêm đến, khi gió gù huu huu, chủ bồ nông một thân một mình ra đồng xúc tép, xúc cá. Đôi chân khăng khịu của chủ vốn đã dài, giờ càng như dài thêm ra vì lặn lội.

Trên đồng nê, dưới ao khô, cua cá chết gần hết. Mặt sông chỉ còn xấp xỉ nước. Bắt được con mồi nào, chủ bồ nông cũng ngậm vào miệng để phần mẹ. Chủ nhớ đạo trước mỗi lần về nhà, mẹ lại há mồm ra cho các con ăn. Giờ đây, chủ đã hiểu: mẹ nhịn để cho các con ăn.

4. Ngày qua ngày, chủ bồ nông cứ dùng miệng làm túi đựng thức ăn nuôi mẹ. Cái mỏ xưa vốn gọn ghẽ, nay chầy xệ xuống giống hệt cái túi. Ngày nay, nó vừa là chiếc lưới, cái giã, cái nôm đi đánh cá, vừa là kỉ niệm hiếu thảo của một đứa con ngoan.

Theo Phong Thu

2.1. Nghe kể chuyện

– HS đọc tên truyện, xem tranh minh họa, đọc từ ngữ gợi ý dưới tranh, phỏng đoán nội dung truyện (GV có thể giới thiệu thêm về chủ đề: loài chim di cư, mùa đông thường bay về phương Nam tránh rét).

– HS nghe GV kể chuyện lần thứ nhất (có thể dùng tệp ghi âm giọng kể, nếu có); vừa kể vừa dùng các câu hỏi kích thích sự phỏng đoán, trí tò mò nhằm thu hút sự tập trung chú ý của HS, VD: *Chú bồ nông nhỏ đang làm gì khi mẹ gặp nạn? Bác bồ nông giúp hai mẹ con chú bồ nông nhỏ việc gì? Ngày ngày chú bồ nông nhỏ làm gì? Vì dùng miệng làm tù đưng thức ăn cho mẹ, nên miệng bồ nông như thế nào?...).*

– HS trao đổi về phỏng đoán của mình sau khi nghe kể chuyện.

– HS nghe GV kể chuyện lần thứ hai (có thể dùng tệp ghi âm và ghi hình giọng kể phối hợp với tranh, hình ảnh động minh họa) kết hợp quan sát từng tranh minh họa để ghi nhớ nội dung từng đoạn câu chuyện.

2.2. Kể từng đoạn câu chuyện

– HS quan sát tranh và từ ngữ gợi ý dưới tranh, và nhớ lại các câu hỏi gợi ý kể nối tiếp đoạn trong nhóm 4. (HS nghe GV hướng dẫn, sử dụng ảnh mắt, cử chỉ khi kể, phân biệt giọng các nhân vật).

– HS nghe 1 – 2 nhóm kể nối tiếp từng đoạn câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Kể lại toàn bộ câu chuyện

– HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm 4.

– 1 – 2 HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Kể lại đoạn truyện em thích bằng lời của chú bồ nông nhỏ.

– HS đọc yêu cầu BT 4.

– HS kể trong nhóm nhỏ đoạn mình thích bằng lời của chú bồ nông nhỏ.

(HS nghe GV hướng dẫn, sử dụng ảnh mắt, cử chỉ khi kể; chọn cách xưng hô, cách thể hiện suy nghĩ, cảm xúc để kể lại chuyện bằng lời nhân vật em chọn, VD:

+ Lời nói, việc làm của chú bồ nông nhỏ, bồ nông mẹ, bác bồ nông tốt bụng (đoạn 1)

+ Lời nói, việc làm của chú bồ nông nhỏ, bồ nông mẹ, bác bồ nông tốt bụng (đoạn 2)

+ Việc làm, suy nghĩ của chú bồ nông nhỏ (đoạn 3)

+ Vì sao miệng chú bồ nông nhỏ chảy xệ thành cái túi? Vì sao có thể nói đó là “khi niệm hiếu thảo của một đứa con ngoan”? (đoạn 4)

+ ...)

- Một vài HS kể đoạn truyện em thích bằng lời chủ bò nông nhỏ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS nói về nhân vật em thích và giải thích lí do hoặc trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện.

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Nói về một đồ vật em thường dùng khi đi học hoặc khi đi tham quan, du lịch

- HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc lại nội dung tìm ý cho đề bài tả một đồ vật (đã làm ở tuần trước).
- HS nói trong nhóm đôi và nhận xét, giúp bạn hoàn chỉnh bài nói.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét về nội dung nói.

3.2. Viết đoạn văn ngắn tả đồ vật

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS nghe GV lưu ý một số nội dung khi viết:
 - + Nội dung
 - + Hình thức
 - + Độ dài
 - + ...
- HS viết bài vào VBT.

3.3. Trao đổi với bạn về bài viết

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS thực hiện BT và chia sẻ trong nhóm đôi.
- Một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Chơi trò chơi Phòng tranh vui vẽ.*
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ về tranh ảnh mình sưu tầm được theo chủ đề:
 - + Chim chóc
 - + Hoa quả
 - + Muỗng thú

- HS triển lãm sản phẩm và nói 2 – 3 câu về tranh, ảnh em tìm được trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

(Tuần 27)

Tuần Ôn tập giữa học kì II tiếp tục hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm* thông qua việc ôn lại các bài học ở các chủ điểm *Bốn mùa mở hội, Nghệ sĩ tí hon, Niềm vui thể thao, Thiên nhiên kì thú*.

TIẾT 1 (SHS, tr. 70 - 71)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn tập về các văn bản truyện đã học từ đầu học kì II: đọc đúng một đoạn, trả lời được câu hỏi về nội dung đoạn đọc.
2. Ôn luyện viết chữ hoa: viết đúng các chữ *V, H, O, Q, U, U, Y, X* hoa, viết đúng tên địa danh Việt Nam và câu ca dao ứng dụng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi.
- Mẫu chữ viết hoa *V, H, O, Q, U, U, Y, X* (cỡ nhỏ).
- Bản đồ hành chính Thủ đô Hà Nội (nếu có).
- Tranh ảnh, video clip một số hình ảnh về Hồ Gươm, cầu Thê Húc, đền Ngọc Sơn, Đài Nghiên, Tháp Bút (nếu có); Việt Nam thời Tiền Lý, vua Lê Hoàn, nhà thơ Lê Anh Xuân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi

- HS đọc yêu cầu BT 1.
- HS bắt thăm theo nhóm 4, đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc.
- HS nghe bạn đọc để nhớ lại tên tác giả, nội dung bài.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi bằng bông hoa cảm xúc.

2. Ôn viết chữ *V, H, O, Q, U, U, Y, X* hoa (cỡ nhỏ)

2.1. Ôn viết chữ *V, H, O, Q, U, U, Y, X* hoa

- HS quan sát mẫu chữ *V, H, O, Q, U, U, Y, X* hoa cỡ nhỏ, nhắc lại chiều cao, độ rộng các chữ (theo nhóm chữ).

– HS quan sát GV viết mẫu và nhắc lại quy trình viết chữ 1 – 2 chữ hoa cỡ nhỏ (nếu HS viết tốt có thể chọn một HS thay GV viết chữ hoa trên bảng cho cả lớp quan sát).

– HS viết chữ *V, H, O, Q, U, U, X* hoa cỡ nhỏ vào VTV.

2.2. Luyện viết từ ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu về tên địa danh *Quốc Oai* (một huyện nằm ở phía tây Thủ đô Hà Nội), *Ứng Hoà* (một huyện nằm ở phía nam Thủ đô Hà Nội), *Yên Viên* (một thị trấn thuộc huyện Gia Lâm, Thủ đô Hà Nội). HS nghe GV giới thiệu vị trí Thủ đô Hà Nội trên bản đồ Việt Nam, vị trí huyện Quốc Oai, huyện Ứng Hoà, huyện Gia Lâm và thị trấn Yên Viên trên bản đồ hành chính Thủ đô Hà Nội (nếu được).

– HS quan sát và nhận xét cách viết các tên riêng *Quốc Oai, Ứng Hoà, Yên Viên*.

– HS xác định độ cao các con chữ, vị trí đặt dấu thanh, khoảng cách giữa các tiếng,...

– HS quan sát cách GV viết từ *Yên Viên* (có thể gọi HS có kĩ thuật viết tốt viết mẫu).

– HS viết các tên riêng *Quốc Oai, Ứng Hoà, Yên Viên* vào VTV.

2.3. Luyện viết câu ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của bài ca dao:

Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ,

Xem cầu Thê Húc, xem chùa Ngọc Sơn.

Đài Nghiên, Tháp Bút chưa mòn,

Hỏi ai gây dựng nên non nước này?

Ca dao

(Ca ngợi vẻ đẹp cổ kính của Thăng Long – Hà Nội, gìn giữ niềm tự hào về các giá trị văn hoá mà cha ông để lại, nhắc nhở thế hệ sau biết ơn công lao của cha ông, biết trân trọng, gìn giữ những di tích văn hoá của đất nước).

– HS viết câu ứng dụng vào VTV.

2.4. Luyện viết thêm

– HS đọc và tìm hiểu về tên riêng người Việt Nam: *Lê Hoàn* (941 – 1005, một trong 14 vị anh hùng tiêu biểu của dân tộc); *Lê Anh Xuân* (1940 – 1968, tên thật là Ca Lê Hiến, ông là một nhà thơ, một chiến sĩ, đã được Nhà nước Việt Nam truy tặng Giải thưởng Nhà nước và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân); *Lý Công Uẩn* (là người đã sáng lập nên nhà Lý của nước Việt ta, năm 1010 ông quyết định dời kinh đô từ Hoa Lư về Đại La và đổi tên thành Thăng Long).

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng: *Vạn Xuân là tên nước Việt Nam thời Tiền Lý*.

- HS viết nội dung luyện viết thêm vào VTV.

2.5. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

TIẾT 2 (SHS, tr. 71 - 72)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn tập về các văn bản thông tin đã học từ đầu học kì II: đọc đúng một đoạn, trả lời được câu hỏi về nội dung đoạn đọc.
2. Nghe – viết được bài *Cá linh*; viết hoa đúng tên người và địa danh nước ngoài; phân biệt được *s/x* hoặc *ắc/ắt*.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi.
- Tranh ảnh cây mâm xôi, cây xấu hổ, chim sẻ, sóc, hoa dã quỳ, hoa ngũ sắc (trâm ối), cô hồng, cô đuôi chồn,...
- Thẻ ghi từ ngữ ở BT 4 cho HS thực hiện trò chơi học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi

- HS đọc yêu cầu BT 1.
- HS bắt thăm theo nhóm 4, đọc thành tiếng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc.
- HS nghe bạn đọc để nhớ lại tên tác giả, nội dung bài.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi bằng bông hoa cảm xúc.

2. Ôn chính tả

2.1. Nghe – viết

- HS đọc bài *Cá linh*, trả lời câu hỏi về nội dung bài: *Đoạn văn tả về hiện tượng gì?*
- HS đánh vần một số tiếng/ từ ngữ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng của phương ngữ. VD: *nấm nào, rong, rằm, lai láng, sên sệt,...*
- HS nghe GV đọc từng về câu, từng câu và viết bài vào VBT.
- HS nghe GV đọc lại bài viết, tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Viết hoa tên người và địa danh nước ngoài

- HS xác định yêu cầu của BT 3 (GV gợi ý HS nhớ lại các tên riêng có trong các bài từ tuần 19, 20, 21).
- HS thực hiện BT vào VBT.
- Một vài HS chữa BT (Đáp án: *Mô-da, Lê-ô-pôn, Rô-ma*).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Phân biệt *s/ x* hoặc *ă/ ă*

- HS xác định yêu cầu của BT (4) và chọn thực hiện một trong hai phần của BT.
- HS thực hiện BT vào VBT.
- HS chơi tiếp sức để chữa BT (Đáp án: a. *sao, sưng, xôi, xấu, sẽ, sóc*; b. *mắt, sắc, sắc, mặc, ngất*).
- HS giải nghĩa (nếu cần) và đặt câu với từ ngữ vừa điền.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3 (SHS, tr. 73)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn tập về các văn bản thơ đã học từ đầu học kì II: đọc thuộc lòng một đoạn trong bài thơ, nói được cảm xúc sau khi đọc đoạn thơ.
2. Ôn tập về từ ngữ theo chủ đề đã học từ đầu học kì II: Giải được ô chữ *Niềm vui*, đặt được câu với từ ngữ tìm được

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc.
- Thẻ chữ cái ghi các chữ cái xuất hiện trong ô chữ ở BT 2 cho HS chơi trò chơi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi

- HS đọc yêu cầu BT 1.
- HS bắt thăm theo nhóm 4, đọc thuộc lòng một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi nêu cảm xúc của em sau khi đọc.
- HS nghe bạn đọc để nhớ lại tên tác giả, nội dung bài.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi bằng bông hoa cảm xúc.

2. Ôn mở rộng vốn từ và mở rộng câu

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS chơi theo đội giải ô chữ hàng ngang (Đáp án: *đá bóng, hội, chủ hề, múa, vỗ tay, thư, cười*), từ khoá (Đáp án: *niềm vui*).
- HS nghe bạn và GV nhận xét, tính điểm cho các đội chơi.
- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS thảo luận và chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ.
- Một vài HS trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS nghe GV nhận xét và tổng kết trò chơi.

TIẾT 4 (SHS, tr. 74)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn tập về các văn bản miêu tả đã học từ đầu học kì II: đọc đúng một đoạn trong bài văn, trả lời được câu hỏi về nội dung đoạn văn vừa đọc.
2. Ôn tập về Viết sáng tạo: Viết được đoạn văn thuật lại một hoạt động ở trường.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi

- HS đọc yêu cầu BT 1.
- HS bắt thăm theo nhóm 4, đọc một đoạn trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung bài đọc.
- HS nghe bạn đọc để nhớ lại tên tác giả, nội dung bài.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi bằng bông hoa cảm xúc.

2. Viết đoạn văn ngắn thuật lại hoạt động

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS quan sát sơ đồ gợi ý:
- HS nghe GV lưu ý một số nội dung khi viết:
 - + Nội dung
 - + Hình thức

- + Độ dài
- + ...
- HS viết bài vào VBT.
- HS tự đánh giá và đánh giá bài của bạn trong nhóm đôi.
- Một vài HS trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 5 (SHS, tr. 75)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc trôi chảy bài *Hoa thấp lửa*, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; đọc lời các nhân vật và người dẫn chuyện với giọng phù hợp.
2. Trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài; hiểu nội dung bài đọc: *Ngợi ca vẻ đẹp của cây gạo bà trồng, cảnh vật và tình cảm bà cháu*.
3. Tìm được từ trái nghĩa và đặt được câu có hình ảnh so sánh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh cây hoa gạo.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện đọc thành tiếng

- HS đọc tên bài, quan sát tranh, phỏng đoán về nội dung bài đọc trong nhóm nhỏ.
- HS nghe GV giới thiệu bài đọc *Hoa thấp lửa*.
- HS đọc nối tiếp các đoạn của bài trong nhóm nhỏ, đọc cả bài trong nhóm đôi và trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Ôn luyện đọc hiểu

- HS nghe GV hướng dẫn đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời các câu hỏi ở BT 2 a, b, c, d trong SHS.
- Một vài nhóm chia sẻ kết quả thảo luận trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả → rút ra nội dung bài đọc.

3. Ôn luyện từ và câu

3.1. Tìm từ ngữ có nghĩa trái ngược với từ cho trước

- HS xác định yêu cầu của BT 2e.

– HS làm bài cá nhân, thống nhất kết quả trong nhóm nhỏ.

– Một vài HS chữa bài trước lớp (Đáp án: *buồn – vui, vui vẻ, vui tươi, ...; mới – cũ, cũ rích, cũ xi, ...; nhớ – quên, lãng quên, ...* **Lưu ý:** vì “tính chất chuỗi” của hiện tượng đồng nghĩa và trái nghĩa, GV nên khuyến khích HS tìm nhiều từ, tránh dạng cụm từ tự do kiểu như *rất vui, rất cũ, quên rồi, ...*).

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

3.2. Đặt một câu có hình ảnh so sánh về hoa gạo

– HS xác định yêu cầu của BT 2g.

– HS làm bài cá nhân, trao đổi, nhận xét trong nhóm nhỏ (GV có thể gợi ý HS dùng hình ảnh so sánh: *hình dáng/ màu sắc/ ...*; từ ngữ so sánh: *như, tựa như, y như, hết, y hết, giống, giống như, ...* Với HS khá giỏi có thể khuyến khích đặt 2 – 3 câu nếu thời gian cho phép).

– Một vài HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

TIẾT 6 (SHS, tr. 76 – 77)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện về dấu câu: dấu phẩy.
2. Ôn luyện về câu: câu khiến, câu cầu.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh: cây cối hoặc con vật.
- Bảng phụ ghi BT 1, 2.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện về dấu câu

– HS đọc yêu cầu BT 1.

– HS thực hiện BT vào VBT.

– Một vài HS chữa BT (Đáp án: a. *Bóng đá, bơi lội, cờ vua, võ thuật là những môn thể thao được trẻ em yêu thích.* (GV có thể giải thích thêm dấu phẩy ở câu a dùng ngăn cách giữa các từ ngữ cùng trả lời câu hỏi “Cái gì?” của kiểu câu “Ai là gì?”); b. *Lớp em tham gia tập ca, diễn kịch, nhảy dân vũ.* (GV có thể giải thích thêm dấu phẩy ở câu b dùng ngăn cách giữa các từ ngữ cùng trả lời câu hỏi “Làm những gì?” của kiểu câu “Ai làm gì?”); c. *Sáng sớm, khi mặt trời vừa lên, những chú chim đã cất tiếng véo von.* (GV có thể giải thích thêm dấu phẩy ở câu c dùng ngăn cách giữa các từ ngữ cùng trả lời câu hỏi “Khi nào?”).

- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Ôn luyện về câu khiến, câu cảm

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thực hiện BT vào VBT.
- Một vài HS chữa BT (Đáp án: *Ồi chao, con cá sấu to quá!* là câu cảm; *Ồ đây chơi với chúng em một chút nào!* là câu khiến. GV có thể hỏi thêm về dấu chấm câu của câu khiến và câu cảm – dấu chấm than).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS quan sát mẫu.
- HS thực hiện BT vào VBT, chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ.
- Một vài HS trình bày kết quả bài làm trước lớp (GV có thể nhắc HS khi nói, viết câu khiến: dùng từ ngữ bổ sung ý nghĩa câu khiến vào trước từ chỉ hoạt động/ vào cuối câu hoặc đầu câu, nhấn giọng vào từ ngữ bổ sung ý nghĩa câu khiến, dùng dấu chấm than; khi nói viết câu cảm: dùng từ ngữ bộc lộ cảm xúc đầu câu hoặc trước từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm, tính chất; nhấn giọng vào từ ngữ bộc lộ cảm xúc, dùng dấu chấm than).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 7 (SHS, tr. 77)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Viết được đoạn văn ngắn về một việc làm bảo vệ môi trường dựa vào gợi ý.
2. Biết trang trí và trưng bày bài viết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Hình ảnh trong SGK phóng to (nếu được).
- Góc/ bảng trưng bày bài viết.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Viết đoạn văn thuật lại một việc làm bảo vệ môi trường dựa vào gợi ý

- HS đọc yêu cầu BT 1, quan sát tranh, đọc từ ngữ gợi ý dưới mỗi tranh.
- HS nói trong nhóm đôi/ nhóm nhỏ về nội dung của từng tranh dựa vào tranh và từ ngữ gợi ý dưới tranh.
- HS viết bài vào VBT (GV lưu ý HS nội dung, hình thức, độ dài, trình bày,...).
- HS tự đánh giá và đánh giá bài của bạn trong nhóm đôi. (GV có thể hướng dẫn HS đọc lại bài viết, chữa lỗi chính tả (nếu có))

2. Trang trí và trưng bày bài viết

- HS đọc yêu cầu của BT 2.
- HS trang trí và trưng bày bài viết.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết (về nội dung và trang trí).

Chủ điểm 13. QUÊ HƯƠNG TƯƠI ĐẸP (Tuần 28 – 29)

Chủ điểm *Quê hương tươi đẹp* hướng đến việc hình thành ở học sinh các phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*: bồi dưỡng tình cảm yêu mến quê hương; mong muốn được góp phần dựng xây đất nước ngày càng giàu đẹp như lời dạy của Bác Hồ: “Tuổi nhỏ làm việc nhỏ”. Qua đó, các em càng thêm tự hào, gắn bó hơn với nơi mình đã sinh ra và lớn lên, biết phấn đấu học tập, rèn luyện để mai sau chung tay bảo vệ, dựng xây quê hương đất nước.

BÀI 1: NĂNG PHƯƠNG NAM (tiết 1 – 4, SHS, tr. 78 – 81)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

- Trao đổi được với bạn về một vài điểm khác biệt giữa ngày Tết ở miền Bắc và miền Nam về thời tiết, cảnh vật,...; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài đọc và tranh minh họa.
- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; biết đọc lời các nhân vật và người dẫn chuyện với giọng phù hợp; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: *Tình cảm yêu thương, gắn bó của các bạn nhỏ ở miền Nam dành cho các bạn thiếu nhi miền Bắc.*
- Tìm đọc một truyện về quê hương, viết được *Phiếu đọc sách* và diễn tả lại đáng về hoặc hành động, lời nói của một nhân vật.
- 2. Viết đúng kiểu chữ hoa: A, Ă, Æ (kiểu 2), tên người và câu ứng dụng.
- 3. Mở rộng vốn từ về *Quê hương*, hoàn thành câu có hình ảnh so sánh.
- 4. Viết được lời cảm ơn khi nhận quà của bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip chợ hoa xuân ở Thành phố Hồ Chí Minh (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Điều ước của Huệ*.. đến *năng phương Nam*.

- Mẫu chữ viết hoa *A, Ă, Ẫ* (kiểu 2) cỡ nhỏ.
- Thẻ từ ghi sẵn một số từ ngữ cho LTVC.
- HS mang theo sách, báo, tuyển tập có truyện về quê hương và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép về truyện đã đọc.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm, từ đó nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm *Quê hương tươi đẹp*.

– Trao đổi được với bạn về một vài điểm khác biệt giữa ngày Tết ở miền Bắc và miền Nam về thời tiết, cảnh vật,... (Gợi ý: *miền Bắc: lạnh, hoa đào, mưa xuân; miền Nam: ấm áp, nắng vàng, hoa mai vàng, mùa lân,...*).

– HS quan sát tranh, đọc tên bài, liên hệ với nội dung khởi động, nêu phỏng đoán về nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Nắng phương Nam*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng người dẫn chuyện thông thả; giọng các bạn nhỏ vui tươi, hồn nhiên, tình nghịch; giọng của Vân tình cảm, tha thiết*).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ khó: *riu rít, rạo rực, xoắn xuýt, sừng sốt,...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Những dòng suối hoa/ trôi dưới bầu trời xám đục/ và làn mưa bụi trắng xoà.//; Cả nhóm/ hôn hờ quay lại đầu đường./ nơi một rừng mai vàng thắm/ đang rung rinh dưới nắng.//; ...*

+ Giải thích thêm nghĩa của một số từ khó (nếu cần), VD: *riu rít* (tiếng nói chuyện vui vẻ, hồn nhiên của các bạn nhỏ), *tím tím* (cười mỉm môi), *nhao nhao* (tộ lên, ồn ào riu rít lên cùng một lúc), *lạnh buốt* (rất lạnh, có cảm giác buốt đến tận xương), *mưa bụi* (mưa hạt nhỏ li ti như những hạt bụi),...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 4 trong SHS (Câu 3: *Huê ước gọi cho Vân được ít nắng phương Nam vì nắng là nét đặc đáo rất riêng của Tết phương Nam, giống như tình cảm của các bạn miền Nam gửi ra miền Bắc với mong muốn Vân và người dân miền Bắc cảm thấy ấm áp hơn trong những ngày giáp Tết.*), kết hợp giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *rao rức* (cảm giác xao xuyến trong lòng, như có điều gì thôi thúc không yên),...

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 5 trong SHS. (*Khuyến khích HS có thể nói bằng nhiều lời/ cách khác nhau để thể hiện tình cảm vui mừng, biết ơn của Vân khi nhận được cành mai vàng của các bạn phương Nam.*)

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc của từng nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Điều ước của Huệ.. đến nắng phương Nam.*

– HS luyện đọc phân vai trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Điều ước của Huệ.. đến nắng phương Nam.*

– HS khá, giỏi đọc toàn bài.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một truyện về quê hương

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một truyện về quê hương theo hướng dẫn của GV:

+ Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em thấy thú vị sau khi đọc truyện: tên truyện, tên tác giả, địa điểm (tên, vẻ đẹp), nhân vật,...

+ Trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung của truyện.

1.2.2. Diễn tả lại bằng vẽ hoặc hành động, lời nói của nhân vật

– HS chia nhóm nhỏ, tưởng tượng và diễn tả lại bằng vẽ hoặc hành động, lời nói của một nhân vật trong truyện, có thể đọc truyện cho bạn nghe hoặc chia sẻ truyện cho các bạn cùng đọc.

– Một vài HS chưa sẽ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ A, Ă, Á hoa (kiểu 2)

– HS quan sát mẫu chữ A hoa (kiểu 2), nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của chữ A hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ A hoa.

– HS viết chữ A hoa cỡ nhỏ vào bảng con (nếu HS viết tốt, GV có thể bỏ qua bước này, cho HS viết vào VTV).

– HS quan sát mẫu chữ Ă, Ẫ hoa (kiểu 2), nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của chữ Ă, Ẫ hoa trong mối quan hệ so sánh với chữ A hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ Ă, Ẫ hoa (nếu HS viết tốt có thể chọn một HS thay GV viết chữ Ă, Ẫ hoa trên bảng cho cả lớp quan sát).

– HS viết chữ A, Ă, Ẫ hoa (kiểu 2) vào VTV.

2.2. Luyện viết từ ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ ứng dụng *An Dương Vương* (tên thật là Thục Phán, là người lập nên nước Âu Lạc, nhà nước thứ hai trong lịch sử Việt Nam sau nhà nước Văn Lang).

– HS nghe GV nhắc lại cách nối từ chữ A hoa (kiểu 2) sang chữ n, chữ D hoa sang chữ u, chữ V hoa sang chữ r (nếu cần).

– HS quan sát cách GV viết chữ *An Dương Vương* (nếu cần).

– HS viết từ ứng dụng *An Dương Vương* vào VTV.

2.3. Luyện viết câu ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng:

Ai về núi Ân sông Trà

Non xanh nước biếc hiện hoà quê em.

Ca dao

(Núi Ân – tên đầy đủ là núi Thiên Ân là một ngọn núi thiêng có hình tựa như chiếc ân, cao 106 mét, nằm bên sông Trà Khúc; sông Trà – là sông lớn nhất ở Quảng Ngãi với tổng chiều dài lên đến 150 ki-lô-mét. Câu ca dao thể hiện niềm tự hào của người dân Quảng Ngãi về cảnh đẹp quê mình.)

- HS viết câu ứng dụng vào VTV.

2.4. Luyện viết thêm

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ Âu Dương Lân (? – 1875, là quan nhà Nguyễn và là chiến sĩ chống Pháp ở gần cuối thế kỉ XIX trong lịch sử Việt Nam).

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng: *Ai cũng muốn gửi tặng Văn một món quà ý nghĩa.*

- HS viết nội dung luyện viết thêm vào VTV.

2.5. Đánh giá bài viết

- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Mở rộng vốn từ Quê hương

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS tìm từ ngữ phù hợp trong nhóm nhỏ (có thể dùng kĩ thuật *Khăn trải bàn*).
- Một vài nhóm HS chữa bài trước lớp bằng hình thức *Tiếp sức*. (Đáp án gợi ý:

Cảnh vật	Đặc điểm	
	Nông thôn	Thành thị
Nhà cửa	thưa thớt, nhỏ, riêng rẽ, cạnh ruộng vườn, trong vườn cây,...	san sát, cao tầng, dọc theo đường phố, nhiều dây nhà, to lớn,...
Đường sá	quang đàng, ít xe cộ, nhỏ, ngoằn ngoèo, đường đất, đường nhiều sỏi/đá/cát,...	đông đúc, tấp nập, hiện đại, đường nhựa, thẳng tắp, nhiều hầm/ngõ,...
Xe cộ	ít, nhiều xe thô sơ,...	nhiều, đủ mọi loại xe,...
Vườn tược	rộng rãi, nhiều thứ cây, trên nền đất, thường trồng rau củ, cây ăn trái, xanh tốt,...	nhỏ, xinh, ở ban công, trên sân thượng, vườn treo, thường trồng hoa, cây cảnh,...
Không khí	trong lành, mát mẻ, dễ chịu,...	nhiều bụi, khô, nóng,...

GV có thể hướng dẫn HS dùng cả cụm từ để nêu đặc điểm, có thể khuyến khích HS tìm những từ ngữ theo hướng so sánh, khác biệt, và cả những trường hợp tương tự,...

3.2. Diễn từ ngữ phù hợp

- HS xác định yêu cầu của BT 2. (**Lưu ý:** mỗi chỗ trống chỉ chọn một đáp án)
- HS làm bài cá nhân, chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ.
- Một vài HS trình bày kết quả trước lớp.

(Đáp án: a. Hai bên đường, những cánh đồng mênh mông, những vườn cây xanh mướt, những mái nhà ẩn hiện dưới những tán cây xanh. Nhà cửa thưa thớt không san sát như ở thành phố. Tôi mở cửa kính xe để được hít thở không khí trong lành của làng quê yên bình.

b. Từ bé, tôi đã quen với cảnh nhộn nhịp của phố xá: xe cộ đi lại tấp nập, nhà cửa san sát, công viên rợp bóng cây xanh cùng những trung tâm thương mại sầm uất. Ban đêm, đèn điện sáng trưng như ban ngày.

Lưu ý: GV khuyến khích HS trình bày, không gò ép)

- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.
- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS quan sát mẫu (GV có thể hướng dẫn HS sử dụng khung so sánh).

Sự vật A	Từ so sánh	Sự vật B
Thảo Cầm Viên	giống như	một khu rừng thu nhỏ.

- HS làm bài cá nhân, chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ.
- Một vài HS trình bày kết quả trước lớp. (Đáp án gợi ý: a. Mùa lúa chín, cánh đồng như một tấm thảm vàng mênh mông/ trông như một biển vàng bao la; b. Dòng sông tựa như một dải lụa; c. Những toà nhà cao tầng như những toà tháp khổng lồ sừng sững dưới trời xanh/ như những cánh tay khổng lồ hướng lên trời xanh bao la. **Lưu ý:** GV khuyến khích HS trình bày, không gò ép).

- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Viết lời cảm ơn khi nhận được một món quà từ bạn bè hoặc người thân.*
- HS nhớ lại: *Ai ở xa tặng quà cho em? Tên món quà? Món quà đó trông như thế nào?; Cảm xúc của em khi nhận được món quà đó?; ...*
- HS viết lời cảm ơn vào VBT, có thể trang trí lời cảm ơn (nếu muốn).
- Một vài HS chia sẻ bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 2: TRÁI TIM XANH (tiết 5 – 7, SHS, tr. 82 – 84)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Giới thiệu được với bạn một cảnh đẹp sông nước mà em biết; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài đọc và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu được nội dung bài đọc: *Bài văn giới thiệu về hồ Ba Bể, hồ nước ngọt tự nhiên lớn nhất Việt Nam, thuộc tỉnh Bắc Kạn. Người dân nơi đây rất tự hào về thắng cảnh của quê hương mình.*

– Biết đóng vai hướng dẫn viên, giới thiệu được về hồ Ba Bể.

2. Biết nói chuyện qua điện thoại với cách mở đầu và kết thúc phù hợp.

3. Nhận diện đúng, biết tìm ý cho đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc trước một cảnh đẹp.

4. Đọc được thơ về quê hương.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh ảnh, video clip một cảnh sông nước ở quê hương hoặc nơi ở của HS và hồ Ba Bể (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ *Hồ Ba Bể...* đến hết.

– Mô hình điện thoại bán, điện thoại di động,... (nếu có).

– Một số bài thơ/ tệp ghi âm đọc thơ về quê hương, đất nước.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về một cảnh sông nước ở quê hương hoặc nơi mình ở. HS có thể chia sẻ về tên gọi, địa điểm, đặc điểm của cảnh vật, tình cảm của mình đối với nơi ấy,... kết hợp với sử dụng tranh ảnh (nếu có).

– HS đọc tên bài, quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động, nêu phỏng đoán về nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Trái tim xanh*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *toàn bài đọc giọng thông thả, chậm rãi; nội dung nói về tình cảm của người dân đối với hồ Ba Bể đọc với giọng tự hào, trù mến*).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ khó: *quốc gia, sắc đỏ,...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Ba Bể/ là hồ nước ngọt tự nhiên/ lớn nhất Việt Nam/ và cũng là một trong 100 hồ nước ngọt/ lớn nhất thế giới,/ nằm trong Vườn Quốc gia Ba Bể.//; Hồ Ba Bể/ thuộc xã Nam Mẫu,/ huyện Ba Bể,/ tỉnh Bắc Kạn,/ cách Hà Nội khoảng 230 ki-lô-mét/ về phía Bắc.//; Nước hồ/ bốn mùa trong lành,/ mát mẻ/ nhưng mỗi mùa/ mang những sắc đỏ riêng.//;...*

+ Giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *khách du lịch* (người đi khỏi nơi vẫn thường sinh sống để đến nơi khác tham quan, nghỉ ngơi, vui chơi giải trí,...),...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 4 trong SHS (Câu 4: khuyến khích HS đa dạng hoá nội dung liên quan đến hồ Ba Bể và tình cảm của người dân Bắc Kạn đối với hồ để phát triển các ý trả lời), kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có) VD: *Vườn Quốc gia* (vườn Quốc gia là loại rừng đặc dụng có vị trí và tầm quan trọng đặc biệt đối với quốc gia, có chức năng chung của rừng đặc dụng đồng thời có thể có chức năng chủ yếu là bảo tồn và dự trữ thiên nhiên, bảo tồn loài - sinh cảnh, bảo vệ cảnh quan),...

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 5 trong SHS (HS tìm hiểu về tên gọi của hồ Ba Bể từ tiết trước bằng một số hình thức: đọc sách báo, hỏi người thân, tìm hiểu trên in-tơ-nét,... Gợi ý: *Hồ được hình thành từ cách đây hơn 200 triệu năm. Ba nhánh của hồ thông nhau được gọi tên là Pé Lắm, Pé Lù và Pé Lềng. Chính vì vậy, hồ được đặt tên là hồ Ba Bể.*)

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc của từng đoạn, của toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS luyện đọc từ *Hồ Ba Bể*... đến hết trong nhóm, trước lớp.

– HS khá, giỏi đọc toàn bài.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

1.2. Đóng vai hướng dẫn viên, giới thiệu về hồ Ba Bể

- HS đọc yêu cầu của BT 2.
- HS đưa vào bài đọc và một số hình ảnh chụp cảnh hồ Ba Bể (nếu có) đóng vai hướng dẫn viên giới thiệu về hồ Ba Bể trong nhóm nhỏ (HS có thể dựa vào bài đọc nêu những ý chính theo dạng sơ đồ, VD: vị trí - ở đâu, độ lớn - rộng, sâu, không khí,... và cách dùng từ ngữ xưng hô khi đóng vai hướng dẫn viên du lịch, VD: chào, xưng hô,...).
- Một vài nhóm HS chia sẻ trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Nói và nghe

2.1. Nhận diện hoạt động nói - nghe qua điện thoại

- HS đọc và phân tích yêu cầu BT 1 dựa vào một vài câu hỏi gợi ý của GV:
 - + Tranh có mấy nhân vật?
 - + Các nhân vật đang làm gì?
 - + ...
- HS đọc lời các nhân vật trong tranh (có thể cho đọc phân vai) và trả lời câu hỏi trong nhóm đôi:
 - + An nói gì khi bà bắt máy?
 - + Bà đáp lời An thế nào?
 - + Trước khi tắt điện thoại, bà nói gì?
 - + An trả lời bà ra sao?
 - + Em có nhận xét gì về cách nói chuyện điện thoại của An?
 - + ...
- Một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, có thể rút ra một vài lưu ý về cách mở đầu và kết thúc khi nói chuyện điện thoại.

2.2. Đóng vai gọi và trả lời điện thoại theo tình huống

- HS đọc yêu cầu của BT 2.
- Hai HS tự chọn một tình huống, đóng vai để gọi và trả lời điện thoại.
- Một vài nhóm HS đóng vai trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét nội dung thực hành.

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Nhận diện thể loại văn nêu tình cảm, cảm xúc trước một cảnh đẹp

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc đoạn văn và các câu hỏi gợi ý.
- HS thực hiện yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- Một vài nhóm HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung, rút ra một số lưu ý khi viết đoạn văn ngắn về cảm xúc với một cảnh vật: cấu tạo, nội dung, cách thức thể hiện cảm xúc,... (**Lưu ý:** HS nghe GV hướng dẫn, cách viết câu cảm và vị trí của câu cảm – đầu đoạn).

3.2. Tìm ý cho đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc trước một cảnh đẹp

- HS xác định yêu cầu của BT 2, đọc sơ đồ gợi ý.
- HS có thể lập dàn ý đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc trước một cảnh đẹp ở quê hương hoặc nơi mình đang sinh sống bằng sơ đồ tư duy dạng đơn giản, khuyến khích HS phát triển ý dựa trên những gợi ý trong SHS: tên cảnh đẹp, kỉ niệm, cảm xúc với cảnh vật,...
- HS chia sẻ kết quả tìm ý trong nhóm đôi, bổ sung, hoàn chỉnh phần tìm ý.
- Một số HS chia sẻ kết quả trước lớp, kết hợp với ảnh chụp cảnh đẹp (nếu có).
- HS nghe bạn và GV nhận xét về nội dung tìm ý để hoàn chỉnh nội dung tìm ý.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động vận dụng: *Thi đọc thơ về quê hương*.
- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động và đọc diễn cảm một bài thơ hoặc đoạn thơ về quê hương.
- HS bình chọn *Người đọc thơ đáng yêu*, nêu lí do em bình chọn.
- HS nghe bạn và GV nhận xét hoạt động.

BÀI 3: VẦM CỎ ĐÔNG (tiết 8 – 11, SHS, tr. 85 – 88)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

- Nói được một số tên dòng sông; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài, hiểu được nội dung bài đọc: *Về đẹp của sông Vàm Cỏ Đông, niềm tự hào và tình cảm yêu thương của tác giả đối với dòng sông quê hương.*

– Tìm đọc một bài đọc về quê hương, viết được *Phiếu đọc sách* và chia sẻ những điều em biết thêm với bạn.

2. Nhớ – viết đúng *Vàm Cỏ Đông*; viết hoa đúng các địa danh trong bài *Nắng phương Nam*; phân biệt được *s/x* hoặc *ong/ ông*.

3. Nhận diện đúng dấu hai chấm, bước đầu biết sử dụng dấu hai chấm.

4. Biết mở rộng câu bằng từ ngữ trả lời câu hỏi *Vì sao?*

5. Giải được ô chữ về tên gọi các dòng sông; nói được vài câu về dòng sông em thích.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh ảnh, audio, video clip bài hát *Vàm Cỏ Đông* (Nhạc: Trương Quang Lục; Thơ: Hoài Vũ), giọng ngâm/ đọc bài *Vàm Cỏ Đông* và một vài dòng sông của Việt Nam (nếu có).

– Bảng phụ ghi hai khổ thơ cuối.

– Thẻ từ ghi sẵn một số từ ngữ cho BT chính tả, LTVC, giải ô chữ.

– HS mang theo sách, báo có bài đọc về quê hương và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép ngắn gọn về bài đọc.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ tên một số dòng sông mà em biết (VD: *sông Hồng, sông Lam, sông Mã, sông Cửu Long, sông Tiền, sông Hậu, sông Cỏ Chiên, ...*). HS có thể nêu tên sông ở quê hương hoặc nơi em ở). GV cũng có thể cho HS xem tranh ảnh, video clip một vài dòng sông ở Việt Nam và trao đổi về những điều em thấy trong tranh ảnh, video clip.

– HS quan sát tranh minh họa, đọc tên, liên hệ với nội dung khởi động, nêu phỏng đoán về nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Vàm Cỏ Đông*. (GV có thể cho HS nghe audio/ video clip bài hát *Vàm Cỏ Đông*).

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng chậm rãi, tình cảm, tha thiết, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ vẻ đẹp của sông Vàm Cỏ Đông và cảm xúc của tác giả đối với dòng sông quê hương; ngắt nhịp 3/4 hoặc 4/3 hoặc 2/3/2 tùy vào câu thơ*).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp, kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ khó: *tha thiết, dòng sông, soi, trang trải,...*

+ Cách ngắt nhịp một số dòng thơ:

Ở tận sông Hồng/, em có biết//

Quê hương anh/, cũng có dòng sông//

Anh mãi gọi/ với lòng tha thiết./

Vàm Cỏ Đông!// Oi Vàm Cỏ Đông!//

...

Đây con sông/ như dòng sữa mẹ/

Nước về/ xanh ruộng lúa,/ vườn cây/

Và ăn ấp/ như lòng người mẹ/

Chở tình thương/ trang trải đêm ngày//

+ Giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *phé phẩy* (đưa đi đưa lại một cách nhẹ nhàng), *trang trải* (đem đến, chia sẻ), ...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 3 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *sông nước chơi vơi* (dòng sông rộng, đầy nước, gợi cảm giác mênh mang do trên mặt nước chỉ có bóng dừa lơ lửng, dập dềnh theo sóng),...

– HS rút ra nội dung bài thơ trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 4 trong SHS (*biết – thiết, sông – Đông, trời – vơi,...*).

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài thơ.

– HS nghe GV đọc toàn bài.

– HS luyện đọc hai khổ thơ cuối, trước lớp và học thuộc lòng bằng phương pháp tự nhẩm thuộc, xoá dần hoặc thay chữ bằng hình,...

– Một số HS thi đọc thuộc lòng trước lớp. GV bật audio hoặc video clip bài hát/ nhạc Vàm Cỏ Đông làm nền cho phần đọc (nếu có).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một bài đọc về quê hương

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài đọc về quê hương theo hướng dẫn của GV.

+ Viết vào *Phiếu đọc sách* những nội dung em thích sau khi đọc bài đọc: tên bài đọc, tên tác giả, tên địa điểm, đặc điểm, thông tin nổi bật về địa điểm,...

+ Trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bài đọc.

1.2.2. Chia sẻ những điều em biết thêm về địa điểm được nhắc đến trong bài đọc

– HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ những điều em biết thêm về địa điểm được nhắc đến trong bài đọc (tên, đặc điểm về cảnh vật, con người,...), có thể đọc bài đọc cho bạn nghe hoặc chia sẻ cho các bạn cùng đọc.

– Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào Góc sáng tạo/ Góc sân phẩm.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

Chân trời sáng tạo

2.1. Nhớ – viết

– HS đọc thuộc lòng hai khổ thơ cuối bài *Vàm Cỏ Đông*, trả lời 1 – 2 câu hỏi về nội dung.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo, do ngữ nghĩa, do ảnh hưởng của phương ngữ. VD: *xuôi, ruộng, dừa, gió, sông, trời,...*

– HS nhớ viết hai khổ thơ vào VBT.

– HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.

– HS nghe bạn nhận xét bài viết.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Viết hoa tên địa lí Việt Nam

– HS đọc yêu cầu BT và bài *Nắng phương Nam*.

- HS làm bài vào VBT.
- HS chia sẻ và thông nhất kết quả trong nhóm.
- HS chữa bài bằng hình thức tiếp sức (Đáp án: (đường) *Nguyễn Huệ, Hà Nội, Nha Trang*).
- HS nhắc lại quy tắc viết hoa tên địa lí Việt Nam.
- HS nghe bạn và GV đánh giá bài làm.

2.3 Phân biệt *ơ* và *ong/ông*

- HS xác định yêu cầu của BT (3).
- HS chọn một trong hai nội dung của BT làm vào VBT.
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm hoặc trước lớp (Đáp án: a. *quả xoài, hoa sen*; b. *chim công, ong mật*).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Nhận diện dấu hai chấm

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc bài văn, trao đổi trong nhóm để thực hiện lần lượt các yêu cầu.
- Một vài nhóm chia sẻ kết quả trước lớp.

(Đáp án: a. Ông trồng đủ thứ cây: *chanh, ổi, khế, cúc, sả, tía tô và cả một bụi tre nhỏ*;

b. Đến khi về thấy là:

Sân nhà sao sạch quá

Dàn lợn đã được ăn

Cơm nước nấu tình thơm

Vườn rau tươi sạch cỏ.)

- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.2. Xác định chức năng của dấu hai chấm

- HS xác định yêu cầu của BT 2, đọc lại các câu có dấu hai chấm ở BT 1 và các đáp án đặt trong thẻ màu.
- HS lựa chọn đáp án bằng cách giơ thẻ bông hoa (Đáp án: *Báo hiệu phần giải thích, liệt kê*).
- HS nghe bạn và GV nhận xét về kết quả.

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS làm bài cá nhân vào VBT.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn trong nhóm nhỏ.
- Một vài HS chia sẻ bài làm trước lớp (Đáp án: a. Trong vườn, muôn hoa đua nhau khoe sắc: mai vàng rực rỡ, đào phơn phớt hồng, mào gà đỏ thắm,...; b. Chợ quê bán đầy thứ rau củ miệt vườn: cải ngọt, rau muống, bầu, bí, đậu đũa, khoai sọ, khoai lang,...)
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.3. Mở rộng câu

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS làm bài cá nhân vào VBT.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn trong nhóm nhỏ.
- Một vài HS chia sẻ bài làm trước lớp (Đáp án: a. Các bạn chọn tặng Vân cành mai với màu hoa ấm áp như màu nắng.; b. Nhờ có cảnh đẹp và không khí trong lành, hồ Ba Bể thu hút được nhiều khách du lịch.; c. Mùa hè ở quê nội thật tuyệt vì có nhiều trò chơi thú vị. GV có thể giải thích thêm về cách thức mở rộng câu bằng từ ngữ trả lời câu hỏi Vì sao?/ Nhờ đâu?).
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

C. VẬN DỤNG

1. Giải ô chữ

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện: HS chia thành hai đội thi đấu – đáp bằng thơ về các tên các dòng sông ở Việt Nam. Mỗi lời giải đố đúng được một ngôi sao hoặc bông hoa.
- HS chơi theo đội giải ô chữ hàng ngang (Đáp án: Sài Gòn, Mê Kông, Hương, Hồ Gươm, Hàn, Hồng); từ khóa (Đáp án: sông hồ).
- HS nghe bạn và GV nhận xét, tính điểm cho các đội chơi.

2. Nói một vài câu về dòng sông em thích

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS nói vài câu về dòng sông em thích trong nhóm nhỏ.
- Một vài HS nói trước lớp về dòng sông em thích.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS nghe GV nhận xét và tổng kết trò chơi.

BÀI 4: CẢNH LÀNG DẠ (tiết 12 – 14, SHS, tr. 89 – 91)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Chia sẻ những điều em thấy trong bức tranh; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài; hiểu được nội dung bài đọc: *Mặc dù thời tiết mùa đông khắc nghiệt nhưng cảnh làng Dạ vẫn đẹp và đầy sức sống.*

– Nói được câu văn có hình ảnh so sánh dựa vào từ ngữ đã cho.

2. Đọc – kể *Nắng phương Nam*.

3. Viết được đoạn văn ngắn nêu tình cảm, cảm xúc với một cảnh đẹp.

4. Biết nói lời mời bạn về thăm quê hương hoặc nơi em ở.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh ảnh, video clip một số cảnh vật ở vùng cao vào mùa đông; tranh các loại cây chít, cây coi, cây cau, ... (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ *Những những hàng cau làng Dạ...* đến hết.

– Thẻ từ ghi sẵn một số từ ngữ cho BT đọc hiểu.

– Tranh ảnh, audio, video clip truyện *Nắng phương Nam* (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói về những hình ảnh trong bức tranh. HS có thể chia sẻ cảm xúc của các em khi nhìn thấy những hình ảnh có trong tranh.

– HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động, nêu phỏng đoán về nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Cảnh làng Dạ*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *toàn bài đọc giọng thông thả, chậm rãi, nhấn giọng những từ ngữ tả sự khắc nghiệt của thời tiết, vẻ đẹp của thiên nhiên và sức sống mạnh mẽ của cây cối ở làng Dạ*).

– HS đọc thành tiếng, câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn

+ Cách đọc một số từ khó: *trườn xuống, nhẵn nhụi, sạch sẽ...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Mây từ trên cao theo các sườn núi trườn xuống./ chốc chốc lại gieo một đợt mưa bụi/ trên những mái lá chít bạc trắng.//; Trên những ngọn cỏ già mua cổ thụ./ những chiếc lá vàng còn sót lại cuối cành/ đang khua lao xao/ trước khi từ già thân mẹ đơn sơ.//; Trên nền đất rắn lại vì giá lạnh./ những đợt lá non vẫn đang xoè./ vàng nhạt/ và những cây cau/ vẫn duyên dáng./ rung rinh thân mình./ tưởng như chúng sinh ra/ là để trang điểm cho làng Dạ/ thêm vẻ thanh tú, nhẹ nhàng.//;...*

+ Giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *mưa bụi* (mưa hạt rất nhỏ như bụi), *mái lá chít* (mái nhà lợp bằng cây chít), *cỏ* (cây thân gỗ nhỏ, mọc nhiều bên sông suối ở các tỉnh miền núi phía Bắc, lá có thể dùng để đánh bắt cá),...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 4 trong SHS (Câu 4: *Tác giả cho rằng những cây cau sinh ra là để trang điểm cho làng Dạ bởi làng Dạ trồng nhiều cau, cây cau có tạo hình đẹp, trời giá rét những đợt lá non vẫn bật ra, khiến cho tác giả cảm thấy mùa đông bớt khắc nghiệt, đất đai bớt cần cỗi...*), kết hợp giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *trang điểm* (làm cho đẹp lên),...

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS trả lời câu hỏi 5 trong SHS bằng cách tự chọn nói về sự thay đổi của cảnh vật nơi em ở vào một mùa trong năm, giải thích một vài lí do em chọn mùa đó.

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS luyện đọc đoạn từ *Nhưng những hàng cau làng Dạ* đến hết trong nhóm nhỏ.

– Một vài HS đọc trước lớp.

– HS khá, giỏi đọc toàn bài.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

1.2. Hoàn thành câu văn có hình ảnh so sánh

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS tìm từ so sánh (*như, giống, giống như,...*) và những hình ảnh so sánh phù hợp với màu sắc các đám mây, hình dáng của con suối, dáng hình và sắc màu của những hàng cây (Đáp án gợi ý: *Những đám mây như những chiếc kẹo bông gòn khổng lồ trôi bồng*

bên/ trắng nõn như những cuộn bông khổng lồ/ ngũ sắc như vẽ lên trên nền trời bức tranh nhiều màu/ như những con sóng/...; Dòng suối ngoằn ngoèo uốn lượn như con trăn khổng lồ đang trườn qua đồi núi/ như một chiếc khăn lụa/ trong vắt như pha lê/ như dòng sữa mẹ nuôi sống cỏ cây/...; Hàng cây như những cây đu khổng lồ/ thẳng tắp như những chiếc thước đặc biệt của đất trời/...).

- HS nói trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.
- Một vài nhóm HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, chỉnh sửa.

2. Nói và nghe

2.1. Kể lại từng đoạn câu chuyện

– HS quan sát, ghi chép tình tiết chính, quan sát từng bức tranh, nhớ lại nội dung từng đoạn truyện trong bài đọc để kể lại nối tiếp từng đoạn câu chuyện trong nhóm 4 (HS nghe GV hướng dẫn, sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể, phân biệt giọng các nhân vật).

– HS thể hiện sự sáng tạo bằng cách thêm vào từng đoạn của câu chuyện một vài chi tiết nhỏ nhờ câu/ câu hỏi gợi ý của GV:

- + Kể về cảnh Uyên và bạn đi chợ hoa ngày Tết trên đường Nguyễn Huệ (đoạn 1)
- + Lời nói và hành động của Uyên, Phương, Huệ (đoạn 2)
- + Suy nghĩ, lời nói và hành động của Uyên và các bạn (đoạn 3)
- + Thái độ, việc làm của các bạn nhỏ trong khung cảnh chợ hoa ngày 28 Tết ở Thành phố Hồ Chí Minh (đoạn 4)

(Hoặc HS cũng có thể thể hiện sự sáng tạo bằng cách thêm vào từng đoạn của câu chuyện một vài từ ngữ miêu tả thái độ, biểu thị cảm xúc, suy nghĩ, lời nói, hành động của nhân vật qua các gợi ý của GV (*vui mừng, hào hứng, chà, thật tuyệt, đẹp quá, gương mặt sáng lên, mỉm cười, nhanh nhẹn,...*); từ ngữ chuyển tiếp (*thế rồi, sau đó, ngay lập tức,...*);...

- Một nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

2.2. Phân vai kể lại toàn bộ câu chuyện

- HS đọc yêu cầu BT 2.
- HS phân vai trong nhóm, kể phân vai trong nhóm.
- Một nhóm HS kể phân vai trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Chia sẻ tình cảm, cảm xúc trước một cảnh đẹp

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS nói trong cặp/ nhóm nhỏ về tình cảm, cảm xúc trước một cảnh đẹp ở quê hương hoặc nơi em ở dựa vào kết quả tìm ý ở tuần trước, nghe bạn nhận xét để chỉnh sửa, bổ sung.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét để hoàn chỉnh nội dung nói.

3.2. Viết đoạn văn ngắn nêu tình cảm, cảm xúc trước một cảnh đẹp

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS viết các nội dung đã nói vào VBT.
- Một vài HS đọc bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.3. Hoàn chỉnh, trang trí và trưng bày bài viết

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS đọc lại bài, phát hiện và chữa lỗi chính tả, lỗi dùng từ, bổ sung thêm câu hay hoặc ý hay (nếu có).
- HS trang trí đơn giản cho bài viết.
- HS trưng bày bài viết bằng kỹ thuật *Phòng tranh* trong nhóm hoặc trước lớp.
- HS tham quan *Phòng tranh* và đọc một bài viết em thích.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động vận dụng: *Nói lời mời bạn về thăm quê hương hoặc nơi em ở.*
- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện: HS trao đổi trong nhóm lớn để cử người tham gia và chuẩn bị nội dung giới thiệu về quê hương hoặc nơi em ở dựa vào một số gợi ý:
 - + Quê hương em (hoặc nơi em ở) ở đâu?
 - + Em sẽ nói lời mời bạn về thăm quê hoặc nơi ở của mình như thế nào?
 - + Em sẽ giới thiệu với bạn những gì về quê em hoặc nơi em ở (cảnh vật, con người, đặc sản, lễ hội,...)?
 - + ...
- Mỗi nhóm cử một đại diện thực hiện hoạt động nói lời mời trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét về nội dung giới thiệu.

Chủ điểm 14. ĐẤT NƯỚC MẾN YÊU (Tuần 30 – 31)

Chủ điểm *Đất nước mến yêu* hướng đến việc hình thành ở học sinh các phẩm chất *yêu nước, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm*: bồi dưỡng lòng tự hào về lịch sử hào hùng của dân tộc, tình yêu với cảnh đẹp quê hương đất nước, cung cấp thêm hiểu biết về nét đặc trưng ở một số vùng miền. Từ đó, các em thêm yêu đất nước, tích cực tham gia hoạt động giới thiệu về lịch sử đất nước, cảnh đẹp, nét đặc trưng của các vùng miền trên cả nước.

BÀI 1: HAI BÀ TRUNG (tiết 1 – 4, SHS, tr. 92 – 95)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Trao đổi được về nhân vật, hành động của nhân vật có trong tranh minh họa, nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; đọc lời các nhân vật và người dẫn chuyện với giọng phù hợp; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài; hiểu được nội dung bài đọc: *Vì yêu nước, thương dân, căm thù giặc, Hai Bà Trưng đã phất cờ khởi nghĩa, đánh đuổi giặc ngoại xâm, giành lại độc lập, tự do cho dân tộc.*

– Tìm đọc một bài thơ về đất nước, viết được *Phiếu đọc sách* và biết cách chia sẻ với bạn cảm xúc của em về đất nước Việt Nam sau khi đọc bài thơ.

2. Viết đúng kiểu chữ hoa: *N, M* (kiểu 2), tên địa danh và câu ứng dụng.

3. Mở rộng vốn từ về *Quê hương, đất nước*; tìm và phân loại được từ ngữ có nghĩa giống nhau, đặt câu, mở rộng câu với từ ngữ tìm được.

4. Thi kể tên và nói về đường phố, trường học mang tên nhân vật lịch sử em biết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Bảng phụ ghi đoạn từ *Hai Bà Trưng bước lên...* đến hết.

– Tranh ảnh, video clip đường phố, đền thờ, trường học,... mang tên Hai Bà Trưng và một số nhân vật lịch sử.

– Mẫu chữ viết hoa *N, M* (kiểu 2), cỡ nhỏ.

– Thẻ từ ghi sẵn một số từ ngữ cho bài tập LTVC, vận dụng.

– HS mang theo sách, báo có bài thơ về đất nước và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép về bài thơ đã đọc.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm, từ đó nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm *Đất nước mến yêu*.

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ: quan sát tranh, nói với bạn về những điều em thấy trong tranh, nêu phỏng đoán về nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Hai Bà Trưng* (Hai Bà Trưng (14 – 43): Trưng Trắc và Trưng Nhị là hai chị em sinh đôi, con gái một Lạc tướng ở Mê Linh thời vua Hùng. Thương dân, vợ chồng Trưng Trắc – Thi Sách nổi dậy chống lại nhà Đông Hán; Thi Sách bị tướng giặc là Tô Định giết chết. Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa vào năm 40 (Canh Tý). Chỉ trong hai tháng, đoàn quân Hai Bà Trưng đã đánh đuổi được bọn cai trị nhà Hán ra khỏi nước ta).

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng người dẫn chuyện thay đổi phù hợp với nội dung: thể hiện sự phẫn nộ ở đoạn đầu khi nói về tội ác của giặc ngoại xâm, tự hào ở đoạn hai khi nói về Hai Bà Trưng, phấn khích, tự hào khi nói về chiến công của Hai Bà Trưng; giọng Trưng Trắc đồng đặc, dứt khoát*).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ khó: *thuở xưa, ngoại xâm, thường lương, lập mưu, trẩy quân, riu rứa,...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Chúng bắt dân lên rừng/ săn thú lạ/ xuống biển/ mò ngọc trai/ khiến bao người thiệt mạng/ vì hổ báo/ cá sấu/ thường lương/...; Không!!/ Ta sẽ mặc giáp phục thật đẹp/ để dân chúng thêm phấn khích/ còn giặc trông thấy/ thì kinh hồn!!*

+ Giải thích thêm nghĩa của một số từ khó (nếu cần), VD: *thường lương* (theo truyền thuyết, là loài vật hung dữ, to lớn, sống dưới nước, hình dạng như con rắn, thường hại người); *võ nghệ* (nghề võ, nghệ thuật đánh võ), *lập mưu* (lập ra, bày ra cách khôn khéo được tính toán kỹ để đánh lừa đối phương, nhằm đạt mục đích của mình), *kinh hồn* (hoảng sợ đến mất tinh thần), *phấn khích* (phần khởi do tinh thần được kích động, cổ vũ), *thành trì* (bức tường lớn, dài, xung quanh một khu vực để bảo vệ khu vực nào đó); *giáo lao*,

cung nô, riu búa, khiến mộc (tên một số loại vũ khí chiến đấu thời xưa, GV có thể dùng hình ảnh minh họa để học sinh hình dung các vũ khí thô sơ này);...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 3 trong SHS (Câu 2: *tài: Hai Bà đều giỏi võ nghệ; chí: căm thù giặc, quyết đánh đuổi quân xâm lược để giành lại non sông*; Câu 3: *đoàn quân rừng rậm lên đường; giáo lao, cung nỏ, riu búa, khiến mộc cuốn tròn theo bóng voi ẩn hiện của Hai Bà*), kết hợp giải thích nghĩa của một số từ khó trong câu hỏi. VD: *khi thế* (sức mạnh tinh thần đang lên cao);...

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS thảo luận theo nhóm để trả lời câu hỏi 4 trong SHS (HS có thể suy tầm trước tranh ảnh và thông tin về đền thờ, lễ hội, trường học, đường phố,... mang tên Hai Bà Trưng để chia sẻ với bạn trong nhóm và trước lớp. GV có thể cung cấp thêm hiểu biết cho HS qua một số hình ảnh, video clip liên quan đến nội dung này, lưu ý liên hệ các địa danh tại địa phương có liên quan đến Hai Bà).

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc của từng nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Hai Bà Trưng bước lên...* đến hết.

– HS luyện đọc diễn cảm trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Hai Bà Trưng bước lên...* đến hết.

– HS khá, giỏi đọc toàn bài.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một bài thơ về đất nước Việt Nam

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài thơ về đất nước Việt Nam theo hướng dẫn của GV:

+ Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc bài thơ: tên bài thơ, tên tác giả, địa điểm (tên, vẻ đẹp), hình ảnh so sánh,...

+ Trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ đề hoặc nội dung bài thơ.

1.2.2. Chia sẻ cảm xúc của em về đất nước Việt Nam

– HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ những cảm xúc của em về đất nước Việt Nam sau khi đọc bài thơ. Có thể đọc bài thơ cho bạn nghe hoặc chia sẻ bài thơ cho các bạn cùng đọc.

– Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trong nhóm hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Luyện viết chữ N, M hoa (kiểu 2)

– HS quan sát mẫu chữ N hoa (kiểu 2), nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của chữ N hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ N hoa.

– HS viết chữ N hoa vào băng con (nếu HS viết tốt, GV có thể bỏ qua bước này, cho HS viết vào VTV).

– HS quan sát mẫu chữ M hoa (kiểu 2), nhắc lại chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của chữ M hoa trong mối quan hệ so sánh với chữ N hoa.

– HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ M hoa (nếu HS viết tốt có thể chọn một HS thay GV viết chữ M hoa trên băng cho cả lớp quan sát).

– HS viết chữ N, M hoa (kiểu 2) vào VTV.

2.2. Luyện viết từ ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ ứng dụng *Mê Linh* (tên một huyện ngoại thành Hà Nội. Lịch sử ghi lại, sau khi đánh thắng nhà Hán, Hai Bà Trưng đóng đô tại Mê Linh), có thể kết hợp với tranh ảnh hoặc bản đồ để học sinh dễ hình dung.

– HS nghe GV nhắc lại cách nối từ chữ M hoa (kiểu 2) sang chữ ê (nếu cần).

– HS quan sát cách GV viết chữ *Mê Linh* (nếu cần).

– HS viết chữ *Mê Linh* vào VTV.

2.3. Luyện viết câu ứng dụng

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng:

Thăng Long – Hà Nội đô thành

Nước non ai vẽ nên tranh họa đồ.

Ca dao

(Câu ca dao ca ngợi và bày tỏ niềm tự hào về vẻ đẹp của kinh thành Thăng Long xưa và Thủ đô Hà Nội ngày nay.)

– HS viết câu ứng dụng vào VTV.

2.4. Luyện viết thêm

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ *Mai Thúc Loan* (670 – 723, là một vị vua người Việt thời Bắc thuộc, người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống lại sự chiếm đóng của nhà Đường ở nước ta vào đầu thế kỉ VIII).

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng: *Nhờ tài và chí, Hai Bà Trưng đã thắng quân xâm lược.*

– HS viết nội dung luyện viết thêm vào VTV.

2.5. Đánh giá bài viết

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Mở rộng vốn từ *Quê hương, đất nước*

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS tìm từ trong nhóm đôi.

– Một vài nhóm HS chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung (Đáp án: a. *đất nước – nước nhà*; b. *nước – Tổ quốc*).

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.2. Phân loại các từ ngữ theo nhóm

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS đọc từ trong các đám mây rồi xếp vào thành các nhóm từ có cùng nghĩa với *đất nước, giữ gìn* và *yêu mến*, viết câu trả lời vào VBT.

– HS chia sẻ và thống nhất kết quả trong nhóm đôi và trước lớp. (Đáp án: a. *Tổ quốc, giang sơn, non sông*; b. *bảo vệ, bảo quản, gìn giữ*; c. *mến yêu, mến thương, yêu quý*).

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.3. Mở rộng từ ngữ

– HS xác định yêu cầu của BT 3, quan sát mẫu.

– HS tìm từ ngữ theo yêu cầu BT trong nhóm nhỏ theo kĩ thuật *Khăn trải bàn*.

– Một vài nhóm trình bày kết quả trước lớp (có thể dùng kĩ thuật *Truyền điện/ Tiếp sức*), các nhóm khác nhận xét, bổ sung (Đáp án gợi ý: *giữ gìn non sông, bảo vệ nước nhà; yêu quý Tổ quốc, Tổ quốc mến yêu, Tổ quốc yêu quý; yêu quý nước nhà, non sông mến yêu, non sông yêu quý,...*).

- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.4. Đặt câu

- HS xác định các yêu cầu của BT 4 và các câu mẫu.
- HS mở rộng theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- Một vài HS nói câu trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS viết câu vào VBT.
- HS đổi vở kiểm tra bài làm trong nhóm đôi.

C. VẬN DỤNG

1. Thi kể tên về các đường phố, trường học,... mang tên nhân vật lịch sử

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS chơi trò chơi trong nhóm 4, mỗi thành viên lần lượt kể tên các đường phố, trường học, bảo tàng, tượng đài, di tích,... mang tên nhân vật lịch sử mà HS biết (có thể kết hợp tranh ảnh). GV có thể hướng dẫn HS tìm tên nhân vật lịch sử được đặt tên cho các trường học, tuyến đường ở quê hương hoặc nơi em ở, hoặc dựa vào tên các bài đã học, đã đọc, như *Vua Hùng/ Hùng Vương, Hồ Chí Minh, Kim Đồng*,...
- Một vài nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

2. Nói 1 – 2 câu về đường phố, trường học,... mang tên nhân vật lịch sử

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS nói 1 – 2 câu về đường phố, trường học, bảo tàng, tượng đài, di tích,... mà mình vừa kể, có thể kết hợp sử dụng tranh ảnh trong nhóm.
- Một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét về kết quả.

BÀI 2: MỘT ĐIỂM ĐẾN THÚ VỊ (tiết 5 – 7, SHS, tr. 96 – 98)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

- Nêu được tên một số cảnh đẹp trên đất nước Việt Nam; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và hình ảnh minh họa.
- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài; hiểu được nội dung bài đọc: *Tây Nguyên với nhiều thắng cảnh đẹp chính là một điểm đến thú vị trong hành trình khám phá vẻ đẹp của đất nước mến yêu.*

– Nói được câu về sự vật, địa điểm được nói đến trong bài đọc.

2. Biết gọi điện cho bạn bè hoặc người thân để hỏi thăm sức khỏe và chia sẻ về một điều thú vị.

3. Biết cách tìm ý để viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một cảnh đẹp của đất nước Việt Nam dựa vào gợi ý; chia sẻ tình cảm, cảm xúc trước một cảnh đẹp.

4. Biết cách trưng bày tranh ảnh làng quê của mọi miền đất nước và nói được 1 – 2 câu về bức ảnh em thích nhất.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh ảnh, video clip về cảnh vật, con người,... ở Tây Nguyên.

– Bảng phụ ghi đoạn từ đầu đến *biển nơi đây thành "mùa tuyết"*.

– Tranh ảnh, video clip một số cảnh đẹp Việt Nam, cảnh làng quê ba miền, cảnh nơi HS sinh sống và học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, thi kể tên các cảnh đẹp trên đất nước Việt Nam.

– HS đọc tên bài, quan sát hình ảnh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động, nêu phỏng đoán về nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Một điểm đến thú vị*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *toàn bài đọc giọng thông thả, tươi vui*).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ khó: *Lắc, Dờ-rây Nu, nguyên sinh*.

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Không gì thú vị hơn/ khi được ngồi trên những con thuyền độc mộc/ ngắm nhìn đàn cá bơi lượn/ và nghe tiếng nước chảy hai bên mạn thuyền.// Với chiều dài trên 250 mét/ và chiều cao lên đến 30 mét/ thác được ví/ như một bức tường nước khổng lồ.//*

+ Giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *mạn thuyền* (hai bên hông chiếc thuyền), *hùng vĩ* (rộng lớn, đẹp, thường dùng để nói về cảnh vật),...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

- HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 3 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ khó (nếu có).
- HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.
- HS thảo luận theo nhóm nhỏ rồi chia sẻ cùng cả lớp về câu trả lời cho câu hỏi 4 và 5 trong SHS (Câu 5: *Vì nơi đây được thiên nhiên ưu ái, khi hậu mát mẻ, cảnh sắc tươi mát, nhiều danh lam thắng cảnh,...*) (Khuyến khích HS thể hiện các suy nghĩ tự do, sáng tạo, mạnh dạn chia sẻ trong nhóm và trình bày trước lớp trên cơ sở tìm hiểu bài đọc kết hợp với hiểu biết chung về Tây Nguyên sau phần Khởi động).

1.1.3. Luyện đọc lại

- HS xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.
- HS nghe GV đọc lại đoạn từ đầu đến *biển nơi đây thành "mùa tuyết"*.
- HS luyện đọc lại trong nhóm, trước lớp đoạn từ đầu đến *biển nơi đây thành "mùa tuyết"*.
- HS khá, giỏi đọc toàn bài.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

1.2. Nói 1 – 2 câu về cảnh đẹp

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS trao đổi trong nhóm nhỏ (Gợi ý: *nói về màu sắc, hình dáng,...* của hoa cà phê, hồ Lắk, thác Dờ-rây Nu; HS cũng có thể nói về tình cảm, cảm xúc của em với cảnh vật được nói tới).
- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Nói và nghe

- HS đọc và phân tích yêu cầu của BT, quan sát sơ đồ.
- HS làm việc nhóm đôi, đóng vai thực hiện các nội dung theo sơ đồ gợi ý (Gợi ý: *đừng từ xưng hô dùng vai, lịch sự khi gọi điện* (Mở đầu: chào → hỏi thăm sức khỏe; Kết thúc: hứa hẹn → chào); *chia sẻ điều thú vị biết thêm sau khi học bài* Một điểm đến thú vị (HS nghe GV hướng dẫn, quan sát sơ đồ, tranh, lựa chọn một nội dung (cà phê/ hồ Lắk/ thác Dờ-rây Nu) để chia sẻ).

- Một vài nhóm HS trình bày kết quả thực hành trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét nội dung thực hành và rút ra một vài lưu ý khi hỏi thăm sức khỏe, nói chuyện, chia sẻ với bạn bè/ hoặc người thân qua điện thoại.

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Tìm ý cho đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc trước một cảnh đẹp

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS tìm ý cho đoạn văn viết về tình cảm, cảm xúc trước một cảnh đẹp của đất nước Việt Nam bằng sơ đồ tư duy dạng đơn giản, có hình ảnh trung tâm là tranh/ ảnh cảnh đẹp (nếu có), khuyến khích HS phát triển ý theo suy nghĩ cá nhân và những gợi ý trong SHS: Tên cảnh đẹp → Cảnh vật: núi, sông, đồng cỏ, nhà cửa,...; Con người: đặc điểm, hoạt động, tính cách,... → Tình cảm, cảm xúc: vui vẻ, thích thú, hào hứng, tự hào, yêu mến,... HS có thể vẽ sơ đồ vào VBT.

- HS chia sẻ kết quả trong nhóm đôi, dựa vào góp ý của bạn để bổ sung, phát triển ý.
- Một vài HS chia sẻ kết quả tìm ý trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, hoàn chỉnh sơ đồ tìm ý.

3.2. Chia sẻ tình cảm, cảm xúc trước một cảnh đẹp của đất nước Việt Nam

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS quan sát các bức ảnh và tên các bức ảnh gợi ý, trao đổi trong nhóm nhỏ (**Lưu ý:** bốn bức ảnh và tên gợi ý ở SHS chỉ có tính gợi ý, GV có thể thay thế bằng hình ảnh cảnh đẹp nơi HS sinh sống và học tập; hướng dẫn HS khi nói cần nêu được: tên cảnh đẹp, địa phương có cảnh đẹp, điểm độc đáo của cảnh đẹp,...)

- Một vài HS chia sẻ trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động vận dụng: *Chơi trò chơi Em là nhà sưu tầm.*
- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện:
 - + HS treo hoặc dán các tranh, ảnh làng quê mọi miền đất nước mà mình sưu tầm được theo ba khu vực Bắc, Trung, Nam, phù hợp với không gian lớp học.
 - + HS lần lượt di chuyển qua các trạm Bắc, Trung, Nam để nghe các bạn giới thiệu về những cảnh đẹp mà mình đã sưu tầm được.

(Nếu lớp học khó di chuyển, GV cho HS tự chia sẻ trong nhóm nhỏ với nhau. Sau đó, 1 – 2 nhóm chia sẻ toàn lớp.)

- HS bình chọn *Nhà sưu tầm nhí*.

– HS nghe GV nhận xét giờ học.

BÀI 3: NON XANH NƯỚC BIẾC (tiết 8 – 11, SHS, tr. 99 – 101)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Kể được một số địa danh của Việt Nam; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài; hiểu được nội dung bài đọc: *Miêu tả và ca ngợi vẻ đẹp của các vùng miền trải dài trên đất nước Việt Nam từ Bắc đến Nam; bày tỏ tình yêu và lòng tự hào về quê hương đất nước Việt Nam.*

– Tìm đọc một bài văn về đất nước Việt Nam, viết được *Phiếu đọc sách* và biết cách chia sẻ với bạn về một hình ảnh đẹp.

2. Nghe – viết đúng một đoạn trong bài *Hai Bà Trưng*; viết hoa đúng tên địa danh Việt Nam; tìm được một số từ ngữ chứa tiếng có *l/ n* hoặc *g/ r*.

3. Nhận diện và tìm được một số từ ngữ chỉ màu sắc.

4. Đặt được 1 – 2 câu có từ ngữ chỉ màu sắc và viết được câu thể hiện cảm xúc khi thấy một cảnh đẹp.

5. Trao đổi với bạn những việc con người cần làm để giữ gìn, tô điểm cho non sông, đất nước ngày càng tươi đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Bản đồ hành chính Việt Nam.

– Bảng phụ ghi đoạn từ đầu đến *Đồng Nai thì về*.

– Thẻ từ ghi sẵn một số từ ngữ cho BT chính tả, LTVC.

– Tranh ảnh, video clip một số cảnh đẹp của Việt Nam được nhắc đến trong bài ca dao (nếu có).

– HS mang theo sách, báo có bài văn về đất nước Việt Nam và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép về bài văn đã đọc.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ kể tên một số địa danh của đất nước Việt Nam (**Lưu ý:** GV có thể tổ chức cho HS nêu tên các tỉnh, thành phố hoặc tên huyện, xã, làng, núi sông, biển

đảo,... VD: sông Cửu Long → Long An → An Giang/ núi Trường Sơn → Sơn Trà → Trà Nhĩc,...; có thể tổ chức cho HS nói “nối đuôi” hoặc không).

– HS quan sát tranh minh họa, đọc tên bài, liên hệ với nội dung khởi động, nêu phỏng đoán về nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Non xanh nước biếc*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng trong sáng, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ vẻ đẹp của các tỉnh, thành Việt Nam; ngắt nhịp phù hợp thơ lục bát, thơ bảy chữ*).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ khó: *Kỳ Lừa, quanh quanh, nghìn trùng, lòng lánh.*

+ Cách ngắt nhịp một số dòng thơ:

Đồng Đăng/ có phố Kỳ Lừa/

Có nàng Tô Thi/ có chùa Tam Thanh./

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ liên quan các địa danh kèm cho HS xem tranh ảnh, video clip, VD: *Kỳ Lừa* (địa danh nổi tiếng đã tồn tại và phát triển từ thế kỷ XVII), *Tô Thi* (một thắng cảnh, hình người phụ nữ bồng con), *Tam Thanh* (còn gọi là Thanh Thiện); *trong ngân* (nghĩa trong bài: rất trong), *sừng sừng* (gợi tả dáng của một vật to lớn, chắn ngang tầm nhìn),...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 3 trong SHS (Câu 3: *Nước chảy chia hai, có bay thẳng cánh, lòng lánh cá tôm, gạo trắng nước trong*), kết hợp giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *tranh hoa đỏ* (bức vẽ cảnh vật sông núi, ở đây ý nói cảnh đẹp như tranh); *Nhà Bè* (huyện thuộc TP Hồ Chí Minh); *Gia Định* (tên gọi trước đây của một tỉnh cũ ở miền Nam, nay có những quận huyện thuộc Thành phố Hồ Chí Minh); *Đồng Tháp Mười* (một vùng đất ngập nước của đồng bằng sông Cửu Long, trải rộng trên ba tỉnh Long An, Tiền Giang và Đồng Tháp);...

– HS rút ra nội dung bài đọc trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS chia sẻ theo nhóm nhỏ thực hiện câu hỏi 4 trong SHS (Khuyến khích HS chia sẻ cảm xúc của bản thân về quê hương, đất nước sau khi đọc bài và thấy được vẻ đẹp của các vùng miền của Tổ quốc).

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

- HS xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.
- HS nghe GV đọc toàn bài.
- HS luyện đọc năm câu ca dao em thích trong nhóm, trước lớp và học thuộc lòng bằng cách tự nhắm thuộc, xoá dần hoặc thay chữ bằng hình,...
- Một số HS thi đọc thuộc lòng trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một bài văn về đất nước Việt Nam

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

- HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài văn về đất nước Việt Nam theo hướng dẫn của GV.
 - + Viết vào *Phiếu đọc sách* những nội dung em thích sau khi đọc bài văn: tên bài văn, tên tác giả, cách quan sát, hình ảnh đẹp,...
 - + Trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bài văn.

1.2.2. Chia sẻ một hình ảnh em thích

- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về một hình ảnh em thích (đẹp, sinh động, đoạn/câu văn có hình ảnh đẹp). HS có thể đọc bài văn/ đoạn văn có hình ảnh đẹp, sinh động cho bạn nghe hoặc chia sẻ bài văn cho các bạn cùng đọc.
 - Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm.
 - HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Nghe – viết

- HS đọc lại đoạn văn trong bài *Hai Bà Trưng* (từ *Giáo lao, cung nỏ...* đến hết), trả lời 1 – 2 câu hỏi về nội dung đoạn văn.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo, do ảnh hưởng ngữ nghĩa, do ảnh hưởng của phương ngữ. VD: *quần, giáo, dười, riu, khiên...*
- HS nghe GV đọc từng câu văn và viết vào VBT.
- HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.

- HS nghe bạn nhận xét bài viết.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập viết hoa tên địa danh Việt Nam

- HS đọc yêu cầu BT 2.
- HS làm bài cá nhân, chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ.
- Một vài nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nhắc lại cách viết hoa địa danh Việt Nam, kiểm tra bài làm của mình (Đáp án: thị xã Đồng Đăng, đèo Hải Vân, tỉnh Đồng Nai, sông Vàm Cỏ Đông, vùng Đồng Tháp Mười, thành phố Cần Thơ).
- Một vài HS chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Phân biệt V n hoặc g/ r

- HS xác định yêu cầu của BT (3), chọn một trong hai bài tập.
- HS thảo luận nhóm để tìm từ bằng kĩ thuật *Khăn trải bàn*.
- HS chữa bài bằng hình thức chơi trò chơi *Tiếp sức*, thi đua tìm từ theo yêu cầu BT. (Đáp án gợi ý: a. *lấp lánh, long lanh, lóng lánh, lũng lờ,.../ nồn nà, nuột nà, náo nức, no nê, nũng nịu,...*; b. *gon gàng, gằng gỏi, gánh gồng, găng giường, gắt gồng, găm gừ, găm gào,.../ rộn ràng, rộn rã, rưng rưng, rạo rục, rứt rứt, rần rỏi, rì rầm, rầm rì, rẻo rắt,...*)
- HS nghe bạn và GV đánh giá bài làm.

TIẾT 4

Chân trời sáng tạo

3. Luyện từ và câu

3.1. Tìm từ ngữ chỉ màu sắc

- HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc đoạn thơ.
- HS làm bài cá nhân vào VBT.
- Một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp (Đáp án: *đỏ thắm, đỏ chót, đỏ thẫm, đỏ hồng, đỏ rực*), giải nghĩa từ ngữ bằng hình thức phù hợp (nếu cần).
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.2. Mở rộng từ ngữ chỉ màu sắc

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc mẫu.
- HS tìm từ ngữ trong nhóm 4, ghi vào thẻ từ.

– Các nhóm HS gắn từ tìm được lên bảng thành bốn nhóm (Đáp án: a. *vàng tươi, vàng rực, vàng hoe, vàng chanh, vàng ói, vàng ruộm, vàng đậm, vàng nhạt,...*; b. *trắng tinh, trắng ngần, trắng ngà, trắng nõn, trắng sứ, trắng mịn,...*; c. *tím tím, tím thẫm, tím than, tím cà, tím lịm,...*; d. *xanh lè, xanh mướt, xanh ngắt, xanh rờn, xanh ngát, xanh sẫm, xanh đậm, xanh nhạt, xanh da trời, xanh lá cây,...*), giải nghĩa từ ngữ bằng hình thức phù hợp (nếu cần).

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.3. Đặt câu có từ ngữ chỉ màu sắc

– HS xác định yêu cầu của BT 3, đọc câu mẫu.

– HS viết câu theo yêu cầu của BT 3 vào VBT, chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ.

– Một vài HS chia sẻ bài làm trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.4. Đặt câu thể hiện cảm xúc

– HS xác định yêu cầu của BT 4, quan sát câu mẫu.

– HS viết câu theo yêu cầu BT 4 vào VBT (GV có thể nhắc HS những lưu ý khi viết câu cảm: dùng từ ngữ bộc lộ cảm xúc, dùng dấu chấm than).

– HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn trong nhóm nhỏ.

– Một vài HS chia sẻ bài làm trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Trao đổi với bạn những việc con người cần làm để giữ gìn, xây dựng cho non sông, đất nước ngày càng tươi đẹp.*

– HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý của GV để suy nghĩ, tìm ý:

+ Những gì làm cho non sông đất nước tươi đẹp? (cây cối, vườn hoa, đường sá, các công trình kiến trúc, sông biển,...).

+ Những việc con người có thể làm để giữ gìn cây xanh, sông trong, biển sạch,...?

+ Các em có thể làm gì để góp phần vào những công việc đó?

+ ...

– Một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp theo hình thức *Truyền điện*, các nhóm nhận xét bổ sung.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 4: MỆNH MÔNG MÙA NƯỚC NỔI

(tiết 12 – 14, SHS, tr. 102 – 105)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Trao đổi được với bạn về những điều em thấy trong tranh; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài; hiểu được nội dung bài đọc: *Về đẹp độc đáo của đồng bằng sông Cửu Long vào mùa nước nổi.*

– Nói được câu về câu ca dao sắp xếp được từ các từ ngữ cho trước.

2. Nghe – kể được câu chuyện *Sự tích hoa mào gà*; biết kể lại câu chuyện bằng lời của một nhân vật.

3. Viết được đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc trước một cảnh đẹp của đất nước Việt Nam; biết hoàn chỉnh bài viết, trao đổi với bạn những điều em có thể học được từ bài viết của bạn và những điều em có thể góp ý cho bạn thêm vào bài viết.

4. Biết đóng vai hướng dẫn viên, giới thiệu một điểm du lịch trên đất nước Việt Nam.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh ảnh, video clip một số đặc sản, cảnh đẹp của vùng Tây Nam Bộ và các vùng khác của Việt Nam (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ *Những chuyện đồ ngang...* đến *hoa làm một.*

– Thẻ từ để thi sắp xếp các từ ngữ thành câu ca dao.

– Tranh ảnh, audio, video clip truyện *Sự tích hoa mào gà* (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, trao đổi với bạn về những điều em thấy trong ảnh.

– HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động, nêu phỏng đoán về nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Mệnh mông mùa nước nổi.*

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *toàn bài đọc giọng thong thả, chậm rãi, nhấn giọng những từ ngữ tả nét độc đáo của đồng bằng sông Cửu Long vào mùa nước nổi như: long lanh, tấm gương khổng lồ, dập dềnh, sóng sánh, toả ra đồng, vầng rực rỡ, bông bênh như quả bóng,...*)

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ khó: *long lanh, dập dềnh, sóng sánh, rực rỡ, rươi, lững lờ, nông nân,...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Những bụi bông điên điển vàng rực rỡ/ nghiêng nhanh khi chiếc xuồng câu đi qua,/ như mời gọi ai đó vươn tay tuốt hái,/ như để sẽ chia thêm một món ăn/ đậm đà hương vị mùa nước nổi.//; Nhưng rồi khi mùa nước nổi qua đi,/ nước lại lững lờ rút dần/ sau khi chắt chiu bao lớp phù sa nông nân/ cho những vụ mùa sau bội thu trở lại.//; ...*

+ Giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *phù sa* (đất, cát mịn và có nhiều chất màu được cuốn trôi theo dòng nước hoặc lắng đọng lại ở bờ sông, bãi bồi),...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 5 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *dập dềnh* (chuyển động lên xuống nhịp nhàng, trong bài nói về chuyển động của mặt nước khi có thuyền câu đi lại), *sóng sánh* (mặt nước chao qua chao lại cảm giác như sắp tràn),...

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, góp ý.

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Những chuyển đồ ngang... đến hoà làm một*.

– HS luyện đọc diễn cảm trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Những chuyển đồ ngang... đến hoà làm một*.

– HS khá, giỏi đọc toàn bài.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

1.2. Sắp xếp các từ ngữ đã cho thành câu ca dao

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS sắp xếp các từ thành câu ca dao (GV có thể dùng thẻ từ cho từng nhóm hoặc toàn lớp để hỗ trợ HS sắp xếp).
- HS nói trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ câu ca dao đã sắp xếp được.
- Một vài HS đọc câu ca dao trước lớp (Đáp án: *Thấy dừa thì nhớ Bến Tre/ Thấy bông sen nhớ đồng quê Tháp Mười*).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.3. Nói 1 – 2 câu về câu ca dao đã sắp xếp được

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS nói trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ 1 – 2 câu về câu ca dao đã sắp xếp được (GV có thể gợi ý cho HS bằng cách đặt câu hỏi gợi ý: *Câu ca dao cho em biết về điều gì? Em có cảm nghĩ gì khi nghe câu ca dao? Câu ca dao nói về cảnh đẹp của những vùng nào? Điểm gì nổi bật của cảnh vật được câu ca dao nhắc đến?...*).
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét nội dung nói.

2. Nói và nghe

Sự tích hoa mào gà

1. Ngày xưa, cô gà mái nào cũng có một cái mào đỏ rất đẹp y như mào của các chú gà trống bây giờ. Một buổi sớm, gà mái mơ soi mình trong vũng nước và sung sướng thấy cái mào trên đỉnh đầu mình đỏ rực rỡ như một chùm hoa. Mọi vật nhìn gà mái mơ xuyết xoa: “Chiếc mào mới xinh xắn làm sao!”

2. Gà mái mơ đi tung tăng khắp nơi kiếm mồi. Nó đến bên bể nước và nghe có tiếng khóc ti ti. Thì ra, có một cái cây màu đỏ tia đang khóc. Nó khẽ hỏi:

- Bạn sao thế?
- Cái cây sụt sịt:
- Các cây quanh đây, cây nào cũng có hoa, chỉ mỗi mình tôi là không có.
- Dứt lời, cây lại khóc, nước mắt rơi lã chã.

3. An ủi bao nhiêu cũng không làm cây nín, gà mái mơ nghĩ một lúc rồi quyết định:

- Tôi tặng bạn bông hoa đỏ trên đầu tôi nhé!
- Cây vẫy lá, rồi ríu:
- Ban cho tôi thật chứ? Cảm ơn bạn!

4. Sáng hôm sau, mọi người ngạc nhiên khi trên đầu gà mái mơ không còn chiếc mào đẹp đẽ. Còn cái cây bên bể nước thì lại nở một chùm hoa đỏ thắm. Cây sung sướng vươn mình đón ánh mặt trời. Nó thì thầm kể cho mọi người nghe câu chuyện về lòng tốt của gà mái mơ. Từ đó, mọi người gọi tên cây là “hoa mào gà”.

Truyện cổ tích Việt Nam

2.1. Nghe kể chuyện

- HS quan sát tranh, đọc tên truyện và phỏng đoán nội dung câu chuyện.
- HS nghe GV kể chuyện lần thứ nhất (có thể dùng tệp ghi âm giọng kể) để kiểm tra phỏng đoán. GV vừa kể vừa dùng các câu hỏi kích thích sự phỏng đoán, tri tò mò nhằm thu hút sự tập trung chú ý của HS (VD: *Ngày xưa, mào của gà mái thể nào? Gà mái mơ làm gì khi nghe tiếng khóc? An ủi mãi mà cái cây không nín, gà mái mơ làm gì? Vì sao gà mái mơ không còn chiếc mào đỏ thắm, xinh đẹp?...*).
- HS trao đổi về phỏng đoán của mình sau khi nghe câu chuyện.
- HS nghe GV kể chuyện lần thứ hai (có thể dùng tệp ghi âm giọng kể phối hợp với tranh, hình ảnh động minh họa) kết hợp quan sát từng tranh minh họa để ghi nhớ nội dung từng đoạn câu chuyện.

2.2. Kể từng đoạn câu chuyện

- HS đọc yêu cầu của BT 2.
- HS quan sát toàn bộ bốn bức tranh, cụm từ gợi ý dưới tranh.
- HS kể nối tiếp từng đoạn trong nhóm 4 (**Lưu ý:** HS có thể thể hiện sự sáng tạo bằng cách thêm vào từng đoạn của câu chuyện một vài từ ngữ miêu tả thái độ, biểu thị cảm xúc, suy nghĩ, lời nói, hành động của nhân vật, như *vui mừng, rất xinh, thật xinh, đỏ thắm; thút thít, tung tăng, trầm trồ, quắc quắc, ...*) hoặc từ ngữ chỉ ý chuyển tiếp (*bỗng, sau đó, rồi, từ đó, ...*);...
- Một vài nhóm HS kể nối tiếp toàn bộ câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Kể toàn bộ câu chuyện bằng lời của một nhân vật

- HS đọc yêu cầu của BT 3.
- HS kể trong nhóm đôi (HS có thể chọn vai gà mái mơ hoặc cây hoa mào gà để kể, nhắc HS dùng từ xưng hô theo vai kể).
- Một vài HS kể toàn bộ câu chuyện bằng lời của một nhân vật trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của em trước một cảnh đẹp của đất nước

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS viết đoạn văn vào VBT (GV lưu ý HS: viết 8 – 10 câu, dựa vào sơ đồ tìm ý ở bài trước, viết câu thể hiện cảm xúc, đặt câu thể hiện cảm xúc ở đầu đoạn, câu cuối đoạn: khẳng định lại tình cảm, cảm xúc).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Hoàn chỉnh và trang trí bài viết

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS đọc lại bài, phát hiện và chữa lỗi chính tả, lỗi dùng từ (nếu có); bổ sung thêm câu hay hoặc ý hay (nếu có).
- HS trang trí đơn giản cho bài viết.

3.3. Trao đổi với bạn về bài viết

- HS đọc yêu cầu BT 3.
- HS thảo luận nhóm đôi: đổi bài viết cho bạn, đọc và nói về những điều em học được từ bài viết của bạn: *cách dùng từ ngữ chỉ tình cảm, cảm xúc, cách mở rộng câu,...* Tiếp đó, góp ý cho bạn một vài điều bạn có thể thêm vào để bài viết hay hơn: hình ảnh so sánh, câu cảm,...
- HS điều chỉnh bài viết (nếu có).
- Một vài HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động vận dụng: *Chơi trò chơi Em là hướng dẫn viên.*
- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện:
 - + HS thảo luận nhóm, chọn địa điểm du lịch trên đất nước Việt Nam, chuẩn bị nội dung giới thiệu, chuẩn bị một số tranh ảnh minh họa (nếu có), (HS có thể chọn những địa điểm quen thuộc/ em biết qua các bài đọc hoặc qua môn Tự nhiên – Xã hội, qua Hoạt động trải nghiệm,...).
 - + HS phân vai hướng dẫn viên và khách du lịch, đóng vai giới thiệu một điểm du lịch trên đất nước Việt Nam.
- Một vài nhóm HS đóng vai trước lớp.
- HS bình chọn *Hướng dẫn viên nhì*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét giờ học.

Chủ điểm 15. MỘT MÁI NHÀ CHUNG (Tuần 32 – 33 – 34)

Chủ điểm *Một mái nhà chung* hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm: nhận thức được mọi người, mọi vật chung sống dưới “mái nhà chung”; có thêm hiểu biết về cảnh vật, con người, phong tục tập quán, văn hoá của các nước trên thế giới. Từ đó, các em có khát khao trải nghiệm, khám phá thế giới; có ý thức, trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ thiên nhiên tươi đẹp, bảo vệ “mái nhà chung”.

BÀI 1: CẬU BÉ VÀ MẪU SAN HÔ (tiết 1 – 4, SHS, tr. 106 – 108)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Nói được về một số loài sinh vật biển kì thú có tên được gọi theo đặc điểm nổi bật trên cơ thể; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài; hiểu được nội dung bài đọc: *Buổi tham quan khu bảo tồn và bộ phim về môi trường biển đã giúp Khánh hiểu rõ và có ý thức bảo vệ môi trường biển.*

– Tìm đọc một truyện về thiên nhiên, viết được *Phiếu đọc sách* và kể được một đoạn truyện em thích.

2. Viết đúng chữ hoa: Q, V (kiểu 2), tên địa danh và câu ứng dụng.

3. Mở rộng được vốn từ về *Môi trường*; biết mở rộng câu có từ ngữ trả lời câu hỏi “Bằng gì?”, đặt được câu nói về hoạt động bảo vệ tài nguyên thiên nhiên có bộ phận trả lời câu hỏi *Khi nào?* hoặc *Ở đâu?*

4. Trao đổi được một vài điều nên và không nên làm để bảo vệ môi trường biển.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip về cua mặt trăng, san hô tổ ong, ốc gai, ... (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Cuối buổi tham quan...* đến hết.
- Mẫu chữ viết hoa Q, V (kiểu 2) cỡ nhỏ.
- Bản đồ hành chính hoặc một vài hình ảnh về cảnh đẹp ở huyện đảo Vân Đồn (nếu có).
- Tranh ảnh, video clip một số việc làm bảo vệ/ hủy hoại môi trường (nếu có).

- Thẻ từ ghi sẵn một số từ ngữ cho bài tập LTVC.
- HS mang theo sách, báo có truyện về thiên nhiên và *Phiếu đọc sách* đã ghi chép về truyện đã đọc.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm, từ đó nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ của em về tên chủ điểm *Một mái nhà chung*.

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, đọc tên, quan sát ảnh, nói về tên gọi của các loài sinh vật biển trong ảnh: tên được gọi theo một đặc điểm nổi bật trên cơ thể (*cua mắt trắng*: trên lưng cua có nhiều hình tròn màu đỏ đậm, pha vào màu hồng tươi, trông như hình mặt trăng; *san hô tổ ong*: loại san hô có hình dáng nhiều tầng hình lục giác giống như tổ ong; *ốc gai*: vỏ gồm nhiều gai nhọn tủa ra bên ngoài).

– HS đọc tên bài, quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động, nêu phỏng đoán về nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Cậu bé và mẫu san hô*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng người dẫn chuyện thông thả: đoạn đầu vui tươi, đoạn giữa hào hứng, đoạn cuối trầm, giọng chị Hai thể hiện mong muốn thiết tha; nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả và từ ngữ chỉ hoạt động, cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật*).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

- + Cách đọc một số từ khó: *thủy sinh, bảo tồn, mẻ tít, nay, ...*
- + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *San hô kết lấy nhau/ hết một tổ ong khổng lồ, rêu bầm đầy/ như dệt thảm.//; Khánh cúi xuống,/ cậu nghe như/ mẫu san hô đang sụt sùi/ trong lòng bàn tay.//; ...*
- + Giải thích thêm nghĩa của một số từ khó (nếu cần), VD: *bể cá thủy sinh* (dùng hình ảnh minh họa trong bài để giải nghĩa); *khu bảo tồn biển* (nơi bảo vệ và duy trì nguồn tài nguyên biển); *san hô hoá thạch* (san hô đã chết và hoá thành đá), *nay* (có nghĩa giống với *cay*: làm bật ra bằng cách dùng vật cứng đặt vào kẽ hở rồi bẩy hoặc đẩy),...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 5 trong SHS (Câu 5: *Hành động của Khánh trên đường về cho thấy bộ phim về bảo vệ môi trường biển đã giúp em hiểu rõ và có ý thức bảo vệ môi trường biển*), kết hợp giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *sự siu* (từ gọi tả tiếng khóc nhỏ kéo dài, về ngậm ngùi như cổ giấu, cổ nên nổi đau lòng),...

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc của người dẫn chuyện, của chị Hai và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Cuối buổi tham quan...* đến hết.

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Cuối buổi tham quan...* đến hết.

– HS khá, giỏi đọc toàn bài.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một truyện về thiên nhiên

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một truyện về thiên nhiên theo hướng dẫn của GV:

+ Viết vào *Phiếu đọc sách* những điều em thấy thú vị sau khi đọc truyện: tên truyện, tên tác giả, cảnh đẹp (màu sắc, âm thanh), nhân vật (hành động, lời nói),...

+ Trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ đề hoặc nội dung truyện.

1.2.2. Kể lại một đoạn truyện em thích

– HS chia sẻ với bạn về truyện đã đọc, có thể đọc một đoạn truyện cho bạn nghe hoặc chia sẻ truyện cho các bạn cùng đọc.

– HS kể lại một đoạn truyện em thích (GV khuyến khích HS có thể kể bằng lời của một nhân vật trong câu chuyện).

– Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Ôn viết chữ Q, V hoa (kiểu 2)

- HS quan sát mẫu chữ Q hoa (kiểu 2), xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của chữ Q hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ Q hoa.
- HS viết chữ Q hoa cỡ nhỏ vào bảng con (nếu HS viết tốt, GV có thể bỏ qua bước này, cho HS viết vào VTV).
- HS quan sát mẫu chữ V hoa (kiểu 2), xác định chiều cao, độ rộng, cấu tạo nét chữ của chữ V hoa.
- HS quan sát GV viết mẫu và nêu quy trình viết chữ V hoa (nếu HS viết tốt có thể chọn một HS thay GV viết chữ V hoa trên bảng cho cả lớp quan sát).
- HS viết chữ Q, V hoa (kiểu 2) vào VTV.

2.2. Luyện viết từ ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ ứng dụng *Vân Đồn* (tên một huyện đảo có nhiều cảnh đẹp thuộc tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam), có thể kết hợp với quan sát vị trí trên bản đồ hành chính hoặc một vài hình ảnh về cảnh đẹp ở huyện đảo Vân Đồn.
- HS nghe GV nhắc lại quy trình viết chữ V hoa và cách nối từ chữ V hoa sang chữ ã, chữ Đ hoa sang chữ ố (nếu cần).
- HS quan sát cách GV viết chữ *Vân Đồn* (nếu cần).
- HS viết chữ *Vân Đồn* vào VTV.

2.3. Luyện viết câu ứng dụng

- HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng:

Cánh rừng Việt Bắc thật là hay

Vượn hót chim kêu suốt cả ngày.

Hồ Chí Minh

(Hai câu thơ của Bác Hồ ca ngợi vẻ đẹp tự nhiên, hoang sơ của núi rừng Việt Bắc – một vùng phía Bắc Hà Nội thời kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) gồm nhiều tỉnh ở Bắc Bộ.)

- HS viết câu ứng dụng vào VTV.

2.4. Luyện viết thêm

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của từ *Triệu Quang Phục* (524 – 571, tên thật của Triệu Việt Vương. Ông có công kể tục Lý Nam Đế đánh đuổi quân xâm lược, giữ nền độc lập cho nước Vạn Xuân).

– HS đọc và tìm hiểu nghĩa của câu ứng dụng *Quanh tổ ong san hô, rêu bám dày như tấm thảm*.

– HS viết nội dung luyện viết thêm vào VTV.

2.5. Đánh giá bài viết

– HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Mở rộng vốn từ Môi trường

– HS xác định yêu cầu của BT 1a, đọc mẫu.

– HS thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ, 1/3 số nhóm trong lớp tìm một nhóm từ.

– Một vài nhóm HS chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung (Đáp án gợi ý: trên mặt đất: *cây cối, rừng cây, đồng cỏ, đồi núi, chim chóc, ruộng lúa,...*; trong lòng đất: *dầu mỏ, vàng, nước ngầm, thiếc, quặng sắt, đồng, chì,...*; dưới biển: *tôm cá, rong biển, cát,...*).

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

– HS xác định yêu cầu của BT 1b.

– HS đọc mẫu, tìm từ ngữ phù hợp trong nhóm bốn bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn*.

– Một vài nhóm HS chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung (Đáp án: *trồng rừng, bảo tồn biển, tiết kiệm nước, đắp đê, tận dụng ánh sáng mặt trời, tận dụng gió tự nhiên, giảm sử dụng túi ni lông,...*).

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

3.2. Mở rộng câu

– HS xác định yêu cầu của BT 2, đọc các từ ngữ trong khung và các câu a, b, c đã cho.

– HS làm bài vào VBT, tự đánh giá bài làm của mình và của bạn (GV có thể hướng dẫn thêm: mở rộng câu bằng từ ngữ trả lời câu hỏi *Bằng gì?*).

– Một vài HS trình bày kết quả trước lớp (Đáp án: a. *Với những chiếc vô ôc biển nhỏ nhắn, bố đã làm cho anh em tôi nhiều đồ dùng xinh xắn*; b. *Những chú gà trống gọi bầy làng thục dậy bằng tiếng gáy “ò... ó... ó...” lạnh lạnh vang xa*; c. *Nhóm tự bảo vệ mình bằng những chiếc lông gai dài và sắc nhọn*).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.3. Đặt 1 – 2 câu có từ ngữ trả lời câu hỏi Khi nào? hoặc Ở đâu?

– HS xác định yêu cầu của BT 3, quan sát câu mẫu.

– HS làm bài vào VBT, tự đánh giá bài làm của mình và của bạn (GV khuyến khích HS đặt câu có từ ngữ chỉ thời gian, địa điểm khác với câu mẫu. VD: *Sáng nay, lớp em chăm sóc cây xanh./ Lớp em chăm sóc cây xanh ở sân trường.* HS khá, giỏi có thể khuyến khích đặt câu có từ ngữ trả lời câu hỏi *Khi nào?* và *Ở đâu?*, VD: *Sáng nay, ở vườn trường, lớp em chăm sóc cây xanh./ Ở vườn trường, sáng nay, lớp em chăm sóc cây xanh.*).

– Một vài HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Trao đổi với bạn những điều nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường biển.*

– Mỗi HS viết lên thẻ từ một điều nên và một điều không nên làm để bảo vệ môi trường biển.

– HS gắn thẻ lên bảng theo hai cột và chia sẻ chung.

– HS chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc sau khi tham gia hoạt động.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 2: HƯƠNG VỊ TẾT BỐN PHƯƠNG

(tiết 5 – 7, SHS, tr. 109 – 111)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Giới thiệu được với bạn một món ăn ngày Tết ở quê em theo gợi ý, nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài; hiểu được nội dung bài đọc: *Mỗi đất nước đều có món ăn truyền thống làm nên hương vị Tết độc đáo, riêng biệt. Món ăn ngày Tết còn tạo nên mối quan hệ gắn kết giữa những người thân trong gia đình, bè bạn và hàng xóm láng giềng.*

– Nói được vài điều về một món bánh quen thuộc của Việt Nam mà em biết.

2. Nói được một số đặc điểm của nhân vật em thích trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình dựa vào gợi ý.

3. Viết được đoạn văn ngắn về một nhân vật em thích hoặc không thích trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe dựa vào gợi ý.

4. Giới thiệu được với bạn bè một cuốn truyện hoặc nội dung quảng cáo một bộ phim hoạt hình em thích.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Vật thật, tranh ảnh, video clip một số món ăn ngày Tết ở các địa phương.
- Bảng phụ ghi nội dung giới thiệu món ăn của Lào và Mê-hi-cô.
- Tranh ảnh, video clip một số loại bánh, cách làm bánh,...
- HS mang tới lớp sách truyện hoặc tờ quảng cáo, nội dung quảng cáo một bộ phim hoạt hình mình thích.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

- HS hoạt động nhóm nhỏ, giới thiệu với bạn một món ăn ngày Tết ở quê em:
 - + Tên món ăn
 - + Màu sắc
 - + Hương vị
 - + ...
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động, nêu phỏng đoán về nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Hương vị Tết bốn phương*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *toàn bài giọng thông thả; nghỉ hơi hợp lý sau nội dung giới thiệu mỗi món ăn, nhấn giọng vào những từ ngữ chỉ tên, nguyên liệu, cách chế biến, ý nghĩa, ... của từng món ăn*).
- HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:
 - + Cách đọc một số từ khó: *Sô-ba, Ca-na-đa, Mê-xi-cô, ...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Họ tin rằng/ sợi mì dài/ và dài/ là biểu tượng cho sự trường thọ/ và may mắn.//; Nhân bánh làm từ thịt bò,/ thịt heo/ hoặc cá hồi/ và khoai tây băm nhỏ/ bên ngoài là lớp bột thơm ngon.//; ...*

+ Giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *giao thừa* (thời khắc chuyển giao giữa năm cũ và năm mới), *biểu tượng* (hình ảnh có ý nghĩa tượng trưng), *nhồi* (nhào, trộn),...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 4 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ khó (nếu có).

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 5 trong SHS. (Khuyến khích HS nói sáng tạo, thể hiện suy nghĩ cá nhân.)

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS luyện đọc nội dung giới thiệu món ăn của Lào và Mê-hi-cô trong nhóm, trước lớp.

– HS khá giỏi đọc toàn bài.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

1.2. Nói về một món bánh quen thuộc của Việt Nam

– HS học nhóm 4 theo kĩ thuật *Khăn trải bàn*: Mỗi HS kể được một loại bánh tên được gọi theo nguyên liệu dùng làm bánh, một loại bánh tên được gọi theo cách thức làm bánh, một loại bánh tên được gọi theo đặc điểm của bánh, ghi vào thẻ từ màu, mỗi loại bánh một màu theo quy ước của GV. Chia sẻ, thống nhất kết quả trong nhóm.

– Các nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp bằng cách đính các thẻ từ theo ba nhóm tương ứng với màu thẻ.

– HS chia sẻ về một số loại bánh được kể tên.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Nói và nghe

2.1. Đọc lời các nhân vật và trả lời câu hỏi

– HS đọc và phân tích yêu cầu của BT 1.

– HS quan sát tranh, đọc lời các nhân vật trong tranh và trả lời câu hỏi theo yêu cầu BT trong cặp/ nhóm nhỏ.

– Một vài cặp/ nhóm HS nói trước lớp (có thể sử dụng tranh, ảnh nhân vật hoặc bìa truyện tranh).

– HS nghe bạn và GV nhận xét và chốt lại một vài lưu ý khi nói về một nhân vật trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình.

2.2. Nói về một số đặc điểm của nhân vật em thích

– HS đọc và phân tích yêu cầu của BT 2.

– HS đọc các gợi ý và trả lời một vài câu hỏi của GV để thực hiện yêu cầu BT:

+ Em thích đọc truyện hoặc xem bộ phim hoạt hình nào?

+ Em thích nhân vật nào trong truyện hoặc phim hoạt hình?

+ Nhân vật em thích có đặc điểm gì nổi bật về hình dáng, tính nết, hoạt động, ...?

+ ...

– HS nói theo yêu cầu BT trong nhóm nhỏ.

– Một vài HS nói trước lớp (có thể sử dụng tranh, ảnh nhân vật).

– HS nghe bạn và GV nhận xét nội dung nói.

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Viết đoạn văn về một nhân vật em thích hoặc không thích

– HS đọc yêu cầu của BT 1 và các thẻ từ gợi ý.

– HS viết đoạn văn 8 – 10 câu vào VBT.

– Một vài HS đọc bài viết trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Trang trí và trưng bày bài viết

– HS xác định yêu cầu của BT 2. (GV có thể hướng dẫn HS đọc lại bài viết, chữa lỗi chính tả (nếu có))

– HS trang trí đơn giản cho bài viết.

– HS trưng bày bài viết bằng kĩ thuật *Phòng tranh* trong nhóm hoặc trước lớp.

– HS tham quan *Phòng tranh* và đọc một bài viết em thích, có thể nhận xét bằng từ ngữ hoặc khuôn mặt cảm xúc.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động vận dụng: *Giới thiệu với bạn bìa một cuốn truyện hoặc nội dung quảng cáo một bộ phim hoạt hình em thích.*

– HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện: HS chọn một cuốn truyện hoặc một bộ phim hoạt hình em thích (có thể sử dụng hình ảnh hoặc vật thật).

– HS thảo luận trong nhóm nhỏ.

– Một vài HS trình bày trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 3: MỘT MÁI NHÀ CHUNG (tiết 8 – 11, SHS, tr. 112 – 115)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Nói được về sự thay đổi màu sắc của bầu trời vào các buổi trong ngày hoặc các mùa trong năm; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa, trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài; hiểu được nội dung bài đọc: *Mọi người, mọi vật ai cũng có mái nhà của riêng mình và đều sống dưới mái nhà chung là bầu trời cao xanh rực rỡ sắc cầu vồng.*

– Tìm đọc một bài thơ về thiên nhiên, viết được *Phiếu đọc sách* và nói được 1 – 2 câu mô hình ảnh so sánh về cảnh đẹp được nhắc đến trong bài thơ.

2. Nhớ – viết đúng *Một mái nhà chung*; phân biệt *d/ gi; l/ n* hoặc *ươn/ ương*.

3. Tìm và sử dụng được một số từ ngữ về thiên nhiên có nghĩa trái ngược nhau.

4. Đặt được câu có sử dụng một số từ ngữ về thiên nhiên có nghĩa trái ngược nhau.

5. Giải được ô chữ và nói về một số loài vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh ảnh, video clip ghi lại sự thay đổi của bầu trời vào các buổi trong ngày hoặc các mùa trong năm (nếu có).

– Bảng phụ ghi bốn khổ thơ đầu.

– Thẻ từ ghi sẵn một số từ ngữ cho BT chính tả, LTVC.

– HS mang theo sách báo có bài thơ về thiên nhiên và *Phiếu đọc sách* ghi chép về bài thơ đã đọc.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về sự thay đổi màu sắc của bầu trời vào các buổi trong ngày hoặc các mùa trong năm. GV cũng có thể cho HS xem tranh

ảnh, video clip ghi lại sự thay đổi của bầu trời và trao đổi về những điều em thấy trong tranh ảnh, video clip.

– HS quan sát tranh minh họa, đọc tên, liên hệ với nội dung khởi động, nêu phỏng đoán về nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Một mái nhà chung*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng trong sáng, vui tươi, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ tên gọi, đặc điểm của người, vật được nhắc đến trong bài thơ*).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ khó: *lốp, rập rình, rục rĩ, ...*

+ Cách ngắt nhịp một số dòng thơ:

Bạn ơi, / ngược mắt /

Ngược mắt / lên trông /

Bạn ơi, / hãy hát /

Hát / câu cuối cùng. //

Một / mái nhà chung /

Một / mái nhà chung. //

+ Giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *lốp* (làm cho được phủ kín lên trên bằng một lớp vật liệu thích hợp như lá, ngói, ...), ...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 3 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ khó (nếu có).

– HS rút ra nội dung bài thơ trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS trả lời câu hỏi 4 trước lớp theo kỹ thuật *Phản xạ nhanh*, khuyến khích các em trả lời câu hỏi theo cách hiểu riêng mình, có thể viết từ ngữ hoặc vẽ khuôn mặt cảm xúc kết hợp nói bằng lời.

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

- HS xác định giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài thơ.
- HS nghe GV đọc bốn khổ thơ đầu.
- HS luyện đọc bốn khổ thơ đầu trong nhóm, trước lớp và học thuộc lòng bốn khổ thơ đầu bằng phương pháp tự nhẩm thuộc, xoá dần hoặc thay chữ bằng hình,...
- Một số HS thi đọc thuộc lòng trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một bài thơ về thiên nhiên

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

- HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài thơ về thiên nhiên theo hướng dẫn của GV.
 - + Viết vào *Phiếu đọc sách* những nội dung em ghi nhớ sau khi đọc bài thơ: tên bài thơ, tên tác giả, tên cảnh đẹp, màu sắc, âm thanh, tranh ảnh minh hoạ,...
 - + Trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bài thơ.

1.2.2. Chia sẻ câu thơ có hình ảnh so sánh

- HS nói với bạn trong cặp/ nhóm nhỏ 2 – 3 câu có hình ảnh so sánh về cảnh thiên nhiên được nhắc đến trong bài thơ. Có thể đọc bài thơ cho bạn nghe hoặc chia sẻ bài thơ cho các bạn cùng đọc.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Nhớ – viết

- HS đọc thuộc lòng bốn khổ thơ đầu bài *Một mái nhà chung* (từ đầu đến *Xanh đến vô cùng*), trả lời 1 – 2 câu hỏi về nội dung đoạn thơ.
- HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo, do ngữ nghĩa, do ảnh hưởng của phương ngữ. VD: *ngiên, đim, giàn, lợp, rập rình*,...
- HS nhớ viết đoạn thơ vào VBT.
- HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.

- HS nghe bạn nhận xét bài viết.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Phân biệt đ/ gi

- HS đọc yêu cầu BT 2 và đoạn văn.
- HS làm bài vào VBT.
- HS chia sẻ và thống nhất kết quả trong nhóm (Đáp án: *giữa, dậy, gió, già*).
- HS chơi *Tiếp sức* để chữa bài, đọc lại đoạn văn đã chữa lỗi, giải nghĩa một số từ ngữ khó và tìm hiểu nội dung đoạn văn (nếu cần).
- HS nghe bạn và GV nhận xét bài làm.

2.3. Phân biệt V n hoặc ương/ ương

- HS xác định yêu cầu của BT (3).
- HS chọn một trong hai nội dung của BT để làm vào VBT.
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm hoặc trước lớp (có thể tổ chức cho HS chơi *Tiếp sức* để chữa bài. Đáp án: a. *nay, nướng, năm, lầy, loạ, luyện*; b. *vươn, đờng, hương, lượn, vườn, thương*).
- HS đọc lại đoạn thơ và giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu cần, VD: *ngủ nướng* (ngủ dậy muộn, cố gắng ngủ thêm thời gian so với giờ giấc đã quy định hàng ngày).
- HS nghe bạn và GV đánh giá bài làm.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

Chân trời sáng tạo

3.1. Tìm từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau

- HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc đoạn thơ.
- HS tìm từ ngữ trái ngược với từ ngữ được in đậm.
- Một vài nhóm chia sẻ kết quả trước lớp (Đáp án: *xuống – lên, đầu tiên – cuối cùng, vào – ra*).
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.2. Điền từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận nhóm đôi, làm bài vào VBT.
- Một vài HS trình bày kết quả trước lớp (Đáp án: a. *Lên rừng xuống biển*; b. *Bên lở bên bồi*; c. *Mau sao thì nắng, vắng sao thì mưa*. GV có thể giải thích thêm nghĩa của thành ngữ (a, b) và tục ngữ (c)).

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

3.3. Đặt câu có sử dụng cặp từ ngữ trái nghĩa nhau

– HS xác định yêu cầu của BT 3, đọc và phân tích mẫu (Gợi ý: tìm cặp từ trái nghĩa)
→ Đặt câu có sử dụng từ trái nghĩa đó).

- HS thực hiện yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- Một vài nhóm chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

C. VẬN DỤNG

1. Giải ô chữ

– HS đọc BT 1, xác định yêu cầu của hoạt động: Giải ô chữ.

– HS chơi giải ô chữ tính điểm thưởng (bằng sao, bằng hoa,...) theo nhóm.

Đáp án:



2. Nói 1 – 2 câu về một con vật

– HS đọc BT 2, xác định yêu cầu của hoạt động: Nói 1 – 2 câu về một con vật có trong ô chữ vừa hoàn thành.

- HS thực hiện yêu cầu BT trong nhóm nhỏ.
- Một vài nhóm chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá giờ học.

BÀI 4: ĐI TÀU TRÊN SÔNG VON-GA

(tiết 12 – 14, SHS, tr.116 – 119)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Nói được về cảnh đẹp trong tranh minh họa bài đọc; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài; hiểu được nội dung bài đọc: *Chuyến đi bằng tàu thủy trên sông Von-ga cũng bà khi còn nhỏ vào những ngày thu vô cùng đẹp để đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng tác giả.*

– Nói được câu thể hiện cảm xúc của em trước một cảnh đẹp thiên nhiên.

2. Xem tranh, kể lại được câu chuyện *Bông lúa*.

3. Nói và viết được đoạn văn ngắn về một việc làm của em hoặc bạn em góp phần bảo vệ môi trường.

4. Chia sẻ được với bạn về một bức tranh thiên nhiên; nói được 1 – 2 câu về hình ảnh em thích trong bức tranh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Tranh ảnh, video clip cảnh sông Von-ga vào các buổi trong ngày, các mùa trong năm, có cảnh hai bên bờ sông (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ *Mặt trời lặn*... đến hết.

– HS mang tới lớp một bức tranh thiên nhiên (nếu có).

– Tranh ảnh, audio, video clip truyện *Bông lúa* (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ nói về cảnh đẹp trong tranh minh họa (GV có thể gợi ý: *Tranh vẽ cảnh gì? Dòng sông, con tàu kéo xà lan, cây cối nhà cửa hai bên bờ sông và mặt trời như thế nào? Màu sắc thế nào?...*).

– HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động, nêu phỏng đoán về nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Đi tàu trên sông Von-ga*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng trong sáng, vui tươi, nhấn giọng những từ ngữ tả cảnh, cảm xúc của bà và cháu,...*).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ khó: *boong, Von-ga, uể oải, lững lờ,...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Dưới bầu trời trong sáng,/ đôi bờ sông Von-ga/ được mùa thu thêu lên một màu vàng óng/ như hai dải lụa.//; Những ngon đôi xanh/ giống như những nếp gấp lông lầy/ trên bộ y phục sang trọng của mặt đất.// Hai bên bờ sông,/ các thành phố/ và làng mạc/ nom xa như những chiếc bánh.//;...*

+ Giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *boong tàu* (sàn lộ thiên trên tàu thủy), *nom* (nhìn), *y phục* (quần áo, dùng với sắc thái trang trọng),... (GV có thể nêu thêm: sông Von-ga nằm ở miền tây nước Nga là con sông dài nhất châu Âu, là một trong các biểu tượng của văn hoá Nga; người Nga yêu quý và tự hào về dòng sông Von-ga).

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 5 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *uể oải* (hoạt động chậm chạp), *lững lờ* (di chuyển chậm chạp và êm ả, tựa như vẫn đứng yên), (Câu 5: HS nghe GV hướng dẫn, chọn một cảnh đẹp được tả trong bài, VD: *cánh bầu trời/ cánh hai bên bờ sông Von-ga/ cánh con tàu kéo xà lan/ cánh mặt trời/...* và giải thích lí do mình chọn cảnh vật đó; GV khuyến khích, động viên HS, không gò ép).

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS luyện đọc đoạn từ *Mặt trời lững lờ...* đến hết.

– Một vài HS đọc trước lớp.

– HS khá, giỏi đọc toàn bài.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

1.2. Nói câu thể hiện cảm xúc trước một cảnh đẹp thiên nhiên

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS nói trong cặp hoặc nhóm 1 – 2 câu thể hiện cảm xúc của em trước một cảnh đẹp thiên nhiên (HS nghe GV hướng dẫn, sử dụng từ ngữ bộc lộ cảm xúc như: *ôi, chao, a, thật, quá, tuyệt vời, ...*; khi nói, nhấn giọng ở từ ngữ biểu thị cảm xúc).
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Nói và nghe

Bông lúa

1. Ngày xưa, có hai chú chuột sống chung với một chú gà trống. Hai chú chuột rất lười, chẳng chịu làm gì. Còn gà từ tinh mơ đã dậy chăm chỉ làm việc.

Một hôm, gà quét sân và nhìn thấy một bông lúa mới. Nó gọi to:

– Các cậu lại đây xem tớ tìm được gì này.

Tức thì hai chú chuột cùng chạy lại:

– Phải đem tuốt thôi!

– Ai tuốt bây giờ? – Gà hỏi.

– Ai cũng được, trừ tớ! – Cả hai đồng thanh.

– Tớ sẽ tuốt. – Gà nói.

2. Tuốt lúa xong, gà gọi:

– Lại đây xem tớ có bao nhiêu là hạt!

Hai chú chuột lại chạy đến:

– Bây giờ phải mang đến cối xay!

– Thế ai mang bây giờ? – Gà hỏi.

– Ai cũng được, trừ tớ! – Cả hai lại tranh nhau nói.

– Thôi được, tớ mang vậy. – Gà nói rồi vác bao tải đi.

3. Hai chú chuột tiếp tục đẩy cho gà trống nhào bột, lấy củi, nhóm lò, nướng bánh.

Bánh vừa chín toả mùi thơm thì chúng đã chạy tới:

– Ôi chao, tôi đói mềm ra rồi!

Gà thông thả:

– Khoan đã! Hãy nói xem ai nhìn thấy bông lúa, ai tuốt lúa và mang gạo tới cối xay?

- Là cậu! – Cả hai nói nhỏ.
- Còn ai nhào bột, lấy củi, nhóm lò, nướng bánh?
- Đều là cậu! – Hai chú chuột lí nhí.
- Thế các cậu làm gì?

4. Chẳng biết trả lời thế nào, hai chú chuột lúng túng bỏ đi. Gà trống cũng chẳng giữ chúng lại, vì không nên mời kẻ lười biếng ăn bánh.

Truyện dân gian U-crai-na (Ukraina)

(*Đọc và kể chuyện văn học ở vườn trẻ*, NXBGD, 1978)

2.1. Xem tranh, kể từng đoạn câu chuyện

- HS đọc tên truyện và tranh minh họa, phỏng đoán nội dung truyện.
- HS quan sát hai bức tranh ở đoạn 1, đọc câu dưới tranh và các câu trong bóng nói, nghe GV hướng dẫn kể đoạn thứ nhất dựa vào một số câu hỏi gợi ý:
 - + Chuyện diễn ra khi nào? Ở đâu?
 - + Đoạn 1 có những nhân vật nào?
 - + Chuyện gì xảy ra với các nhân vật đó?
 - + ...
- 1 – 2 HS kể đoạn 1 trước lớp.
- HS quan sát các bức tranh ở đoạn 2, 3, 4, đọc các câu trong bóng nói và câu dưới tranh cuối – đoạn 4, nghe GV hướng dẫn kể các đoạn tiếp theo dựa vào một số câu hỏi gợi ý:
 - + Khi thấy gà trống đưa bao lúa mì, hai chú chuột nói gì? Gà trống hỏi hai chú chuột điều gì? Hai chú chuột trả lời ra sao?
 - + Gà trống làm gì trong bếp?
 - + Khi thấy gà mang bánh ra, hai chú chuột nói gì?
 - + ...
- HS quan sát các bức tranh và kết hợp các câu hỏi gợi ý để kể nối tiếp từng đoạn câu chuyện trong nhóm 4. (HS nghe GV hướng dẫn, sử dụng ảnh minh họa, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật; khuyến khích HS sáng tạo bằng cách thêm từ ngữ chỉ cảm xúc, âm thanh, chuyển tiếp phù hợp với mỗi đoạn, VD: *A ha! Tuyệt quá! Nhưng... Chà!* vào đoạn 1,...).
- Một nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Kể toàn bộ câu chuyện

- Một vài HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Nói về một việc làm góp phần bảo vệ môi trường

- HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc và trả lời các câu hỏi gợi ý.
- HS nói trong nhóm đôi và nhận xét, giúp bạn hoàn chỉnh bài nói.
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét về nội dung nói.

3.2. Viết đoạn văn ngắn thuật lại một việc làm góp phần bảo vệ môi trường

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS nghe GV lưu ý một số nội dung khi viết:
 - + Nội dung
 - + Hình thức
 - + Độ dài
 - + ...
- HS viết bài vào VBT.

3.3. Trao đổi những điều em thích ở bài viết của bạn

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS trao đổi bài đọc theo nhóm đôi.
- HS trao đổi với bạn những điều em thích ở bài viết của bạn theo gợi ý.
- Một vài nhóm HS trình bày trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

1. Chia sẻ với bạn về một bức tranh thiên nhiên

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS trao đổi về bức tranh theo nhóm đôi/nhóm nhỏ (HS đưa tranh/ ảnh đã tìm được).

2. Nói 1 – 2 câu về hình ảnh em thích

- HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS chia sẻ trong nhóm đôi về bức tranh thiên nhiên em thích (bức tranh có thể HS mang tới hoặc dùng tranh trong SHS môn Tiếng Việt hoặc môn Tự nhiên – Xã hội; GV có thể gợi ý HS nói tên bức tranh hoặc nội dung của bức tranh qua câu hỏi gợi ý, VD: *Tranh vẽ cảnh gì? Mùa nào? Ở đâu?...*).

- Một vài HS trình bày trước lớp (kèm theo tranh minh hoạ, nếu có).
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 5: CÓC KIẾN TRỜI (tiết 15 – 18, SHS, tr. 120 – 123)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Nêu đúng tên các con vật trong bức tranh, đoán chuyện xảy ra với chúng; nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh hoạ.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, dùng logic ngữ nghĩa; đọc lời người dẫn chuyện và lời các nhân vật với giọng phù hợp; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài; hiểu được nội dung bài đọc: *Nhờ quyết tâm và biết đấu tranh cho cuộc sống của muôn loài nên Cóc và các bạn đã chiến thắng đội quân hung hãn của Trời, buộc Trời phải làm mưa mang lại sự sống cho vạn vật ở trần gian.*

– Tìm đọc một bài văn về thiên nhiên, viết được *Phiếu đọc sách* và chia sẻ được với bạn những điều em biết thêm về cảnh thiên nhiên được nhắc đến trong bài văn.

2. Nghe – viết *Vời vơi Ba Vì*, phân biệt *ênh/ uênh; l/ n* hoặc *thanh hỏi/ thanh ngã*.
3. Tìm được từ chỉ sự vật, hoạt động, trạng thái, đặc điểm, tính chất; câu hỏi, câu khiến.
4. Chuyển câu kể thành câu hỏi, câu khiến; đặt được câu hỏi hoặc câu khiến.
5. Biết đóng vai nói và đáp lời của các con vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Tranh ảnh, video clip về truyện *Cóc kiến Trời* (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ *Sắp đất xong... đến cốp vỏ*.
- Tranh ảnh, video clip cảnh núi Ba Vì, ghềnh thác, hoa cỏ lau, cây sao, cây trám, chim di cư, cảnh cánh đồng vùng đồng bằng sông Cửu Long giữa mùa mưa,... (nếu có).
- Thẻ từ ghi sẵn một số từ ngữ cho BT chính tả, LTVC.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh họa, nêu tên các con vật (*cóc, cua, ong, cáo, gấu, cò*), nêu điều mình đoán về chuyện sẽ xảy ra với các con vật (**Lưu ý:** khuyến khích HS phát biểu tự do theo suy nghĩ cá nhân, không gò ép HS); đọc tên bài, phỏng đoán về nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Cóc kiện Trời*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *giọng người dẫn chuyện đoạn 1: thông thả, đoạn 2: nhanh, đoạn 3, 4: chậm lại; giọng cóc đường hoàng, đĩnh đạc thể hiện sự gan dạ, quyết tâm, không nao núng; giọng Trời ôn tồn, vẻ dõ dạnh; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả cảnh vật (nứt nẻ, trụi trơ, khát khô, ngập cả ruộng đồng), chỉ hoạt động, thái độ, cảm xúc suy nghĩ của nhân vật (náo động, nổi giận, nhảy, hùng hổ, đốt nù bụi, dúi giọng, ...)).*

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: *hạn hán, nứt nẻ, trụi trơ, khát khô, náo động, nù bụi, ...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Ngày xưa, / có một năm / trời hạn hán, / ruộng đồng nứt nẻ, / cây cối trụi trơ, / chìm muông khát khô.//; Thần sét / hùng hổ đi ra, / chưa kịp nhìn địch thủ / đã bị ông bay ra đốt nù bụi.//; Lần sau, / hễ muốn mưa, / cậu chỉ cần nghiêng răng / báo hiệu cho ta!//; ...*

+ Giải thích thêm nghĩa của một số từ khó, VD: *thiên đình* (trần đình ở trên trời, theo tưởng tượng của người ngày xưa); *náo động* (làm âm ĩ, ồn ào); *Thần Sét* (vị thần thi hành lệnh của Trời theo luật của thiên đình, theo quan niệm tín ngưỡng của người ngày xưa), *lưỡi tầm sét* (vũ khí của Thần Sét); *địch thủ* (người đối chọi); *trần gian* (thế giới của con người trên mặt đất), *Thượng đế* (Vị vua trên thiên đình, theo quan niệm tín ngưỡng của người ngày xưa).

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp / nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 5 trong SHS (Câu 5: GV khuyến khích HS phát biểu, không gò ép, VD tham khảo: *Khi làm việc cần có quyết tâm, làm việc đến cùng; cần biết sắp xếp, phân công công việc hợp lý;*

cần biết thương yêu, quan tâm đến mọi người; ...), kết hợp giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: đánh ba hồi trống (ngày xưa có tục lệ: khi dân bị oan ức, cần nhờ vua xử kiện, thì họ được phép đánh ba hồi trống để báo cho vua biết,...),...

- HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

1.1.3. Luyện đọc lại

- HS xác định được giọng đọc của các nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.
- HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Sắp đặt xong... đến cốp vô.*
- HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp.
- HS khá, giỏi đọc toàn bài.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Đọc mở rộng – Đọc một bài văn về thiên nhiên

1.2.1. Viết Phiếu đọc sách

- HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài văn về thiên nhiên theo hướng dẫn của GV:
 - + Viết vào *Phiếu đọc sách* những nội dung em thích sau khi đọc bài văn: tên bài văn, tên tác giả, tên cảnh vật, đặc điểm: màu sắc, âm thanh,...
 - + Trang trí *Phiếu đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ đề hoặc nội dung bài văn.

1.2.2. Chia sẻ với bạn những điều em biết thêm về cảnh thiên nhiên

- HS chia sẻ với bạn những điều em biết thêm về cảnh thiên nhiên được nhắc đến trong bài văn. Có thể đọc bài văn cho bạn nghe hoặc chia sẻ bài văn cho các bạn cùng đọc.
- Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp hoặc dán *Phiếu đọc sách* vào Góc sáng tạo/ Góc sân phẩm.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3

2. Viết

2.1. Nghe – viết

- HS đọc bài *Vội vợi Ba Vì*, trả lời 1 – 2 câu hỏi về nội dung (*Bài văn tả cảnh gì? Địa danh nào được nhắc tới trong bài?*).

– HS đọc hoặc đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng của cấu tạo, ngữ nghĩa, phương ngữ. VD: *mùa, muôn, gió, trong treo, rúc rờ...*

– HS nghe GV giải thích một vài từ ngữ khó (nếu cần), VD: *vời vọi* (cao, xa tưởng như không sao có thể tới được), *Ba Vì* (tên một dãy núi huyện Ba Vì, Hà Nội, được coi là ngọn núi tổ của nước Đại Việt, gắn với các truyền thuyết về Sơn Tinh, Thủy Tinh, Vua Hùng...), *thanh tịnh* (trong sạch, yên ắng, không có bất cứ một xao động nào)...

– HS nghe GV đọc từng về câu, câu và viết bài vào VBT (GV nhắc HS chú ý viết hoa địa danh).

– HS nghe GV đọc lại toàn bộ bài, rà soát lại bài viết.

– HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.

– HS nghe bạn nhận xét bài viết.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Phân biệt ênh/ uênh

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS làm bài cá nhân, chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ.

– Một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp (có thể tổ chức cho HS chơi *Tiếp sức* để chữa bài. Đáp án: *thênh thang, bồng bênh, luênh hoang, hoan nghênh, thác ghềnh, xuềnh xoàng*).

– HS đọc lại các từ ngữ và giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *luênh hoang* (có những lời lẽ khoe khoang quá đáng, tỏ ra tự đánh giá mình quá cao), *xuềnh xoàng* (tỏ ra quá dễ dãi, sơ sài trong sinh hoạt, cùng nghĩa với *tuênh toàng*).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Phân biệt V n hoặc thanh hô/ thanh ngã

– HS xác định yêu cầu của BT (3).

– HS chọn một trong hai nội dung của BT làm vào VBT.

– HS chia sẻ kết quả trong nhóm hoặc trước lớp (GV có thể tổ chức cho HS chơi *Tiếp sức* để chữa bài. Đáp án: a. *lau, nờ, là, nâu, lẫn*; b. *giữa, bãi, ngã, nhào, đường, vãi*).

– HS đọc lại đoạn văn và giải nghĩa một số từ ngữ khó.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 4

3. Luyện từ và câu

3.1. Tìm từ ngữ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, tính chất

– HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc đoạn văn.

– HS thảo luận nhóm nhỏ theo kĩ thuật *Khăn trải bàn*.

– Một vài nhóm HS chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung (có thể tổ chức trò chơi *Truyền điện*). Đáp án: a. *sân, mèo, tai, đuôi, gốc cau, bướm, sợi lông,...*; b. *chạy, dưng, dưng, ngoe nguẩy, nép, đông, chấp chôn, bay,...*; c. *âm, rộng, sạch, mạnh*;
Lưu ý: chỉ yêu cầu tìm mỗi nhóm 3 – 4 từ ngữ).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Chuyển câu kể thành câu hỏi, câu khiến

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS làm bài cá nhân, chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ.

– Một vài HS chữa bài trước lớp (Đáp án gợi ý: a. *Mèo con chạy đâu rồi?; Mèo con chạy mất rồi à?;...*; b. *Mèo con chạy đi!; Đứng, mèo con đừng chạy!;...*).

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

3.3. Đặt 2 – 3 câu về một con vật

– HS xác định yêu cầu của BT 3.

– HS làm bài cá nhân, chia sẻ kết quả trong nhóm đôi.

– Một vài HS trình bày kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Đóng vai, nói và đáp lời của cóc và các con vật khi Trời đồng ý làm mưa*.

– HS đóng vai, nói và đáp lời của cóc và các con vật trong nhóm nhỏ.

– Một vài nhóm HS đóng vai, nói trước lớp, khuyến khích HS nói và đáp nhiều cách khác nhau, chú ý yêu tố phi ngôn ngữ khi nói.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

BÀI 6: BỒ CÂU HIẾU KHÁCH (tiết 19 – 21, SHS, tr. 124 – 126)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc:

– Chia sẻ được những điều em biết về chim bồ câu; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài; hiểu được nội dung bài đọc: *Rừng chim bồ câu luôn thu hút sự chú ý của du khách khi đặt chân đến quảng trường Đu-ô-mô, trái tim của Mi-lan bởi chúng rất thân thiện và hiền khách.*

– Nói được câu thể hiện tình cảm, cảm xúc với những chú chim bồ câu ở quảng trường Đu-ô-mô và những việc cần làm để bảo vệ những chú chim.

2. Đọc – kể Cóc kiện Trời.

3. Nói, viết được đoạn văn ngắn nói về lí do em thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

4. Biết chia sẻ với bạn bè hoặc người thân những điều thú vị về một nước trên thế giới.

II. ĐO DÙNG DẠY HỌC

– Tranh ảnh HS tham gia các chuyến tham quan, du lịch hoặc một số cảnh đẹp trên thế giới.

– Tranh ảnh, video clip quảng trường Đu-ô-mô có khách du lịch và rừng chim bồ câu (nếu có).

– Bảng phụ ghi đoạn từ đầu đến *thật thư thái*.

– Tranh ảnh, audio, video clip truyện *Cóc kiện Trời* (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ, nói với bạn về những điều em biết về chim bồ câu (HS có thể mang tranh ảnh tới lớp để hỗ trợ hoạt động nói; GV có thể gợi ý qua câu hỏi như: *Hình dáng, tiếng kêu, màu lông, ... của chim bồ câu thế nào?; Điểm nổi bật?; ...*)

– HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động, nêu phỏng đoán về nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Bồ câu hiền khách*.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc và trả lời câu hỏi

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: *toàn bài giọng trong sáng, vui tươi; nghỉ hơi hợp lí sau mỗi đoạn văn, nhấn giọng vào những từ ngữ chỉ tên, đặc điểm, hoạt động... của cảnh, người và những chú chim bồ câu*).

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp kết hợp nghe GV hướng dẫn:

+ Cách đọc một số từ khó: *Đu-ô-mô, Mi-lan, lưu luyến, khoảnh khắc,...*

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: *Khi bạn đứng trước nhà thờ Đu-ô-mô cổ kính, những tiếng giu giu/ hòa lẫn tiếng bước chân/ tiếng đập cánh/ của hàng ngàn chú chim/ đem đến cho bạn/ cảm giác thật thư thái.// Chúng cũng sẵn sàng hợp tác với du khách/ để cùng họ/ ghi lại những khoảnh khắc vô cùng ấn tượng/ khi dừng chân ở Mi-lan xinh đẹp.//; ...*

+ Giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *hiếu khách* (mến khách), *cổ kính* (cổ và có vẻ trang nghiêm), *thân thiện* (thân mật và tỏ ra có lòng tốt trong đối xử),...

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 1 – 4 trong SHS, kết hợp giải thích nghĩa của một số từ khó (nếu có).

– HS rút ra nội dung bài trên cơ sở trả lời các câu hỏi đọc hiểu.

– HS thảo luận theo nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi 5 trong SHS. Khuyến khích HS nói sáng tạo, thể hiện suy nghĩ cá nhân của các em (VD: *Vì những chủ bỏ câu trong bài rất thân thiện, hiền lành,...*).

1.1.3. Luyện đọc lại

– HS xác định được giọng đọc toàn bài và một số từ ngữ cần nhấn giọng trên cơ sở hiểu nội dung bài.

– HS nghe GV đọc đoạn từ đầu đến *thật thư thái*.

– HS luyện đọc đoạn từ đầu đến *thật thư thái*.

– HS đọc toàn bài.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 2

1.2. Nói 1 – 2 câu thể hiện cảm xúc và việc cần làm để bảo vệ chim bồ câu

– HS xác định yêu cầu của BT 2a.

– HS chia sẻ trong nhóm nhỏ (HS lưu ý sử dụng từ ngữ, ngữ điệu để thể hiện cảm xúc thích thú).

– Một vài HS nói trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

– HS xác định yêu cầu của BT 2b.

- HS chia sẻ trong nhóm nhỏ (GV khuyến khích HS nói).
- Một vài HS nói trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Nói và nghe

2.1. Kể từng đoạn của câu chuyện theo tranh

- HS xác định yêu cầu BT.
- HS quan sát tranh, nhớ lại truyện đã đọc.
- HS kể nối tiếp từng đoạn câu chuyện trong nhóm 4. (HS nghe GV hướng dẫn, sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể; phân biệt giọng các nhân vật; sử dụng từ ngữ miêu tả (*bé xíu, to đùng, đen sì, dừ tợn, bay vèo, lao ra, ...*), từ ngữ chỉ cảm xúc, thái độ (*bực tức, vui vẻ, bình tĩnh, chà, ồ, tuyệt, ...*), chỉ sự chuyển tiếp (*Đầu tiên, Tiếp theo, Sau đó, Từ đó, ...*)).
- Một nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn câu chuyện trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Kể lại toàn bộ câu chuyện bằng lời của một nhân vật trong truyện

– HS quan sát tranh, nhớ lại nội dung bài đọc, chọn một nhân vật để kể lại câu chuyện trong nhóm 4 (*HS nghe GV hướng dẫn, có thể chọn nhân vật cóc hoặc hổ, hoặc cua, ...; sử dụng ánh mắt, cử chỉ khi kể, thể hiện giọng nhân vật cóc và nhân vật Trôi, thể hiện nhịp điệu nhanh khi kể đoạn 2 so với các đoạn còn lại, ...*).

– HS thể hiện sự sáng tạo bằng cách: xưng “tôi”, có lời giới thiệu, VD: “*Tôi là cóc/hổ/ong/...*”, thêm vào lời nhân vật từ ngữ hoặc một vài chi tiết nhỏ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật nhờ câu hỏi gợi ý của GV:

+ Nếu chọn người kể là cóc, em sẽ dùng thêm những từ ngữ nào để nói về những người bạn của mình?

+ Nếu chọn người kể là hổ, em sẽ dùng thêm những từ ngữ nào để nói về việc em xin theo cóc đi kiện Trôi, cảm nghĩ của em khi Trôi cho mưa xuống?

+ ...

- Một vài HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp bằng lời nhân vật mình chọn.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

TIẾT 3

3. Viết sáng tạo

3.1. Nói về lí do em thích hoặc không thích một nhân vật

- HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS nhớ lại truyện đã đọc hoặc đã nghe (GV có thể gợi ý: *Bổ nông có hiểu, Cóc kiện Trời, Cậu bé và mẫu san hô, Sự tích hoa mào gà, Bồng lũa,...*) chọn một nhân vật và thảo luận trong nhóm nhỏ thực hiện các yêu cầu của BT.

– HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp.

– HS nghe bạn nhận xét và GV chốt ý (có thể dùng sơ đồ để chốt về câu trúc và một vài lưu ý khi làm bài).

– HS rút ra những lưu ý khi viết đoạn văn ngắn về một nhân vật em thích hoặc không thích trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.

3.2. Viết đoạn văn nêu lí do thích hoặc không thích một nhân vật

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS nghe GV lưu ý một số nội dung khi viết:

+ Nội dung

+ Hình thức

+ Độ dài

+ ...

– HS viết bài vào VBT. (GV có thể hướng dẫn HS đọc lại bài viết, chữa lỗi chính tả (nếu có))

– Một vài HS chia sẻ phần đánh giá bài viết của bạn trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động vận dụng: *Chia sẻ với bạn bè hoặc người thân những điều thú vị em khám phá được về một nước trên thế giới.*

– HS chia sẻ trong nhóm nhỏ (GV gợi ý: HS có thể chia sẻ về điều em biết được về nước Nga qua bài *Đi tàu trên sông Von-ga*, về nước Ý qua bài *Bỏ câu hiểu khách, Lễ hội hoa nước Ý,...* hoặc qua các bài đọc mở rộng hoặc qua bài học ở môn *Tự nhiên – Xã hội,...*)

– Một vài HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét và đánh giá giờ học.

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II (Tuần 35)

Tuần Ôn tập cuối học kì II tiếp tục hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực* ở HS; rèn luyện và phát triển năng lực *tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo* thông qua việc ôn lại các bài học ở các chủ điểm *Quê hương tươi đẹp, Đất nước mến yêu, Một mái nhà chung* kết hợp với kiểm tra, đánh giá cuối học kì II.

TIẾT 1 (SHS, tr. 127)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện đọc thành tiếng và học thuộc lòng về các văn bản thơ đã học từ đầu học kì II: đọc thuộc lòng một đoạn, trả lời được câu hỏi về nội dung đoạn đọc.
2. Đọc trôi chảy bài *Giữa lòng biển xanh*, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng nhịp thơ; đọc bài với giọng phù hợp; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài.
3. Hiểu nội dung bài đọc: *Cuộc sống đa dạng, sinh động, nhiều sắc màu, yên lành của các sinh vật biển trong lòng đại dương*.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Phiếu bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi.
- Tranh ảnh, video clip cảnh vật dưới biển (tôm cá, mực, rạn san hô,...) (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện đọc thành tiếng và học thuộc lòng

- HS đọc yêu cầu của BT 1.
- Nhóm bốn HS bắt thăm, đọc thành tiếng hoặc thuộc lòng một đoạn trong bài đọc đã học và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc.
- HS nghe bạn đọc để nhớ lại tên bài đọc, tên tác giả, nội dung bài.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi bằng bông hoa cảm xúc.

2. Ôn luyện đọc hiểu

- HS đọc tên bài, quan sát tranh, phỏng đoán nội dung bài đọc trong nhóm nhỏ.
- HS nghe GV giới thiệu bài đọc *Giữa lòng biển xanh*.
- HS đọc nối tiếp các khổ thơ trong nhóm nhỏ, đọc cả bài trong nhóm đôi và trước lớp.

– HS nghe GV hướng dẫn đọc thầm lại bài đọc, thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời các câu hỏi trong SHS.

– Một vài nhóm chia sẻ kết quả thảo luận trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả → rút ra nội dung bài đọc.

TIẾT 2 (SHS, tr. 128)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện đọc thành tiếng và học thuộc lòng về các văn bản thơ đã học từ đầu học kì II: đọc thuộc lòng một đoạn, trả lời được câu hỏi về nội dung đoạn đọc.

2. Ôn luyện chính tả đoạn bài và phân biệt *d/ r* hoặc *it/ ich*.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi.

– Tranh ảnh, video clip về chim nhận biển, dê mẹ, dê con, suối, cây phượng, cây mít, chim sâu (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn luyện đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi

– HS đọc yêu cầu của BT 1.

– HS bắt thăm, đọc thuộc lòng một đoạn thơ trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc.

– HS nghe bạn đọc để nhớ lại tên tác giả, nội dung bài.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi bằng bông hoa cảm xúc.

2. Ôn luyện chính tả

2.1. Nghe – viết

– HS đọc bài *Nhận biển*, trả lời 1 – 2 câu hỏi về nội dung (*Bài văn tả về con vật gì? Hình ảnh nào gây ấn tượng mạnh mẽ với em?*).

– HS đọc hoặc đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do ảnh hưởng của cấu tạo, ngữ nghĩa, phương ngữ. VD: *xoè, truyền, ào ào...*

– HS nghe GV giải thích một vài từ ngữ khó (nếu cần), VD: *nhận biển* (loài chim biển, cánh dài, nhọn, bay xa), *lao vút* (di chuyển rất nhanh),...

– HS nghe GV đọc từng vế câu, câu và viết bài vào VBT.

– HS nghe GV đọc lại toàn bộ bài, rà soát lại bài viết.

– HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, giúp bạn soát lỗi.

- HS nghe bạn và GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Phân biệt r/ ă hoặc i/ ơ ư

- HS đọc yêu cầu của BT (3) và chọn một trong hai BT để thực hiện.
- HS đọc câu, chọn chữ hoặc vần thích hợp điền vào chỗ trống theo nhóm đôi (Đáp án: a. *đẽ, dãn, ra, dưới, dân, rã*; b. *mit, thích, chích, nghịch*).
- Một vài nhóm HS chữa bài trước lớp theo hình thức trò chơi *Tiếp sức*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

TIẾT 3 (SHS, tr. 128 – 129)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện đọc thành tiếng và học thuộc lòng về các văn bản thơ đã học từ đầu học kì II: đọc thuộc lòng một đoạn, trả lời được câu hỏi về nội dung đoạn đọc.
2. Ôn luyện về từ và câu: tìm đúng đặc điểm được so sánh, chuyển đổi được câu kể thành câu cảm; đặt được câu kể có hình ảnh so sánh về hình dáng của một đồ vật, màu sắc của một loài hoa.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi.
- Thẻ từ hoặc bảng nhóm.
- Tranh, ảnh, video clip bông chanh đỏ, ruộng mạ, quần bút (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Ôn đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi

- HS đọc yêu cầu của BT 1.
- HS bắt thăm, đọc thuộc lòng một đoạn thơ trong bài và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc.
- HS nghe bạn đọc để nhớ lại tên tác giả, nội dung bài.
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi bằng bông hoa cảm xúc.

2. Ôn luyện về từ và câu

2.1. Tìm 1 – 2 đặc điểm được so sánh

- HS xác định yêu cầu của BT 2, đọc các đoạn thơ, đoạn văn.
- HS tìm từ ngữ chỉ đặc điểm được so sánh và làm bài vào VBT (HS nghe GV hướng dẫn, tìm đặc điểm được so sánh và ghi vào bảng).

– Một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp (Đáp án:

Đoạn	Sự vật 1	Đặc điểm được so sánh	Từ so sánh	Sự vật 2
a	trăng	tròn	<i>như</i>	<i>cái đĩa</i>
b	<i>cái mỏ</i>	<i>dài</i>	<i>như</i>	<i>một cái quần bút</i>
	<i>toàn thân</i>	<i>đỏ hồng</i>	<i>như</i>	<i>một đốm lửa</i>
c	<i>những mảnh ruộng mạ</i>	<i>non</i>	<i>như</i>	<i>nhung</i>
	<i>những thửa ruộng nước</i>	<i>sáng lên</i>	<i>như</i>	<i>tấm gương</i>

HS có thể chia bài trước lớp theo hình thức trò chơi *Tiếp sức*).

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Chuyển câu kể thành câu cảm

– HS xác định yêu cầu của BT 3, phân tích yêu cầu của BT.

– HS thực hiện các yêu cầu vào VBT, chia sẻ kết quả trong nhóm đôi (HS nghe GV hướng dẫn; a. tìm đồ vật và sự vật mà hình dáng của chúng có điểm giống nhau, VD: *cây bàng – cái ô/ cây dứa*, b. tìm loài hoa và sự vật mà màu sắc của chúng có điểm tương tự nhau, VD: *hoa mai vàng – nắng vàng; ...* và sử dụng từ so sánh).

– Một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Đặt câu kể có hình ảnh so sánh

– HS xác định yêu cầu của BT 4, phân tích yêu cầu của BT.

– HS thực hiện các yêu cầu vào VBT, chia sẻ kết quả trong nhóm đôi (HS nghe GV hướng dẫn; a. tìm đồ vật và sự vật mà hình dáng của chúng có điểm giống nhau, VD: *cây bàng – cái ô/ cây dứa*, b. tìm loài hoa và sự vật mà màu sắc của chúng có điểm tương tự nhau, VD: *hoa mai vàng – nắng vàng; ...* và sử dụng từ so sánh).

– Một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II (niết 4 – 7, SHS, tr. 129 – 133)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Đọc đúng và trả lời câu hỏi về một mẩu chuyện, một bài thơ, bài văn có độ dài 80 – 95 tiếng; tốc độ đọc khoảng 70 – 80 tiếng/ 1 phút.

2. Đọc hiểu và trả lời được các câu hỏi về nội dung bài *Những người bạn nhỏ*.

3. Nghe – viết được đoạn thơ với tốc độ khoảng 65 – 70 chữ/ 15 phút; trình bày bài hợp lí, biết viết hoa đúng các chữ đầu mỗi dòng thơ.

4. Viết được 8 – 10 câu về tình cảm, cảm xúc với một nhân vật hoặc về lí do thích hay không thích một nhân vật hoặc thuật lại một việc làm bảo vệ môi trường.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Một số tờ thăm hỏi các đoạn dùng kiểm tra đọc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 – 2

A. ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG ĐỌC

1. Đọc thành tiếng

– HS nghe GV hướng dẫn và thực hiện nội dung kiểm tra đọc thành tiếng:

- + HS bắt thăm đoạn đọc.
- + HS đọc đoạn mình đã bắt thăm và trả lời câu hỏi.
- + HS nghe GV nhận xét, đánh giá.

2. Đọc hiểu

– HS nghe GV hướng dẫn và thực hiện nội dung kiểm tra đọc hiểu bài *Những người bạn nhỏ*:

- + HS đọc thầm bài *Những người bạn nhỏ* và tìm hiểu nghĩa của một số từ khó (nếu cần).
- + HS trả lời các câu hỏi, BT đọc hiểu, có thể làm vào VBT.
- + HS nghe GV nhận xét, đánh giá.

TIẾT 3 – 4

B. ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG VIẾT

1. Nghe – viết

– HS nghe GV đọc từng dòng bài thơ *Thả diều bên dòng sông quê hương* và viết vào VBT.

- HS đổi bài viết cho bạn bên cạnh, nghe GV đọc lại bài viết, giúp bạn soát lỗi.
- HS nghe bạn và GV nhận xét bài viết.

2. Viết đoạn văn ngắn

– HS đọc các đề bài, chọn một trong ba đề bài.

- HS viết đoạn văn 8 – 10 câu vào VBT.
- Một vài HS đọc bài viết trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.
- HS nghe GV nhận xét một số bài viết.



Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VINH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN VĂN QUẢNG

Biên tập mỹ thuật: THÁI HỮU DƯƠNG

Thiết kế sách: TRẦN NGUYỄN ANH TÚ

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Sửa bản in: NGUYỄN VĂN QUẢNG – HOÀNG THỊ MINH TÂM

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐÌNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép,
lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng
văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TIẾNG VIỆT 3 TẬP HAI — SÁCH GIÁO VIÊN (Chân trời sáng tạo)

Mã số: G2HG3V002M22

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19x26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB: 593-2022/CXBIPH/30-397/GD

Số QĐXB:..... ngày tháng năm 20 ...

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20....

Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-31988-3

Tập hai: 978-604-0-31989-0



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 3 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- | | |
|---|---|
| 1. TIẾNG VIỆT 3 – TẬP MỘT
Sách giáo viên | 7. TIN HỌC 3
Sách giáo viên |
| 2. TIẾNG VIỆT 3 – TẬP HAI
Sách giáo viên | 8. ĐẠO ĐỨC 3
Sách giáo viên |
| 3. TOÁN 3
Sách giáo viên | 9. ÂM NHẠC 3
Sách giáo viên |
| 4. TIẾNG ANH 3 Family and Friends
(National Edition) – Teacher's Guide | 10. MĨ THUẬT 3 (BẢN 1)
Sách giáo viên |
| 5. TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3
Sách giáo viên | 11. MĨ THUẬT 3 (BẢN 2)
Sách giáo viên |
| 6. CÔNG NGHỆ 3
Sách giáo viên | 12. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 3 (BẢN 1)
Sách giáo viên |
| | 13. GIÁO DỤC THỂ CHẤT 3
Sách giáo viên |

Chân trời sáng tạo

Các đơn vị đầu mỗi phát hành

- Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
Sách điện tử: <http://hanhtrango.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cao lập nhủ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrango.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khóa.



ISBN 978-604-0-31989-0



9 786040 319890

Giá: 42.000 đ

Toàn bộ Ebook có trên website Blogtailieu.com đều có bản quyền thuộc về tác giả,

Blog Tài Liệu không thu hay yêu cầu khoản phí nào, khuyến khích các bạn nếu có khả năng hãy mua sách để ủng hộ tác giả. **Blog Tài Liệu** Trân trọng cảm ơn các bạn quan tâm trang blogtailieu.com

SHOPEE.VN

TIKI.VN

HƯỚNG DẪN TẢI BẢN ĐẸP

Nội dung cập nhật liên tục trên blogtailieu.com